

diễn đàn

Số 89 / 1.10.1999

ISSN 1164-2378

F O R U M



Buổi gặp

nhà thơ Cung Trầm Tưởng

sẽ được tổ chức tại **Ban Việt học** (Tour 34, 1er étage, couloir 34-44), **Trường đại học Denis Diderot** (Paris VII),
2 place Jussieu, Paris 5e (M^o Jussieu)

15 g 00 thứ bảy 9 tháng 10-1999

với sự tham gia của **Nguyễn Thanh Nhã** (Đại học Paris I)
và **Đặng Tiến** (Đại học Paris VII)

L'Association France-Vietnam pour la Musique, avec
l'aide de l'Agence de la Francophonie ACCT, organise
une tournée de

PHÚ XUÂN, Ensemble de Musique de Cour et de divertissement de Hué

(15 chanteurs et instrumentistes)

19 octobre 1999	Théâtre de Poitiers
20 octobre 1999	Théâtre de La Rochelle
21 octobre 1999	Théâtre d' Angoulême
23 octobre 1999	Théâtre de Chartres
25 octobre 1999	Salle Rameau à Lyon

Bạn đọc có thể tìm mua đĩa của Ban nhạc cung đình Phú Xuân :
CD INEDIT / VIETNAM, Musique de Hué W 260073

Compagnie EA SOLA

11, rue Gît-le-Coeur, F-75006 PARIS
Tel : 33 (0)1 56 24 32 42, Fax : 33 (0)1 56 24 32 43
E-mail : easola@cybercable.fr

trình diễn vở múa mới

Voilà voilà

mùa thu 1999 :

TOKYO, Nhật (Tokyo Int. Festival of Performing Arts) :
1-2-3 tháng 10

CHICAGO, Hoa Kỳ (Museum of Contemporary Art) :
8-9-10 tháng 10

mùa xuân 2000 :

HONGKONG, Trung Quốc (HK Arts Festival) :
6-7 tháng 3

LISBOA, Portugal (Culturgest) :
14-15 tháng 4

BRUGES, Bỉ (Cultuur Centrum) :
4 tháng 5

UTRECHT, Hà Lan (Stadsschowburg) :
11 tháng 5

ECHIROLLES, Pháp (La Rampe/Le Cargo hors les Murs) :
23 tháng 5

*Trong vở múa này, Nguyễn Thủy Ea Sola sử dụng 3 dòng nhạc
Việt Nam (chèo, ca trù và tuồng), phối hợp với tiếng nhạc
hiện đại của dàn cello.*

Bạn đọc và Diễn Đàn

Bệnh viện... sĩ

Trong số trước (*Diễn Đàn* 88, tháng 9.99), chú thích cuối
trang 16, tòa soạn có giải thích về *Viện hàn lâm khoa học New
York*. Tôi muốn biết tên tiếng Anh của tổ chức này là gì ? ĐĐ
cũng nên giải thích tường tận hơn để người trong nước tránh
được những ngộ nhận đáng tiếc.

N.V.H. (Paris, Pháp)

📖 *Tên tiếng Anh của hội này là New York Academy of
Sciences, địa chỉ : 2 East 63 Street, New York, NY 10021,
Hoa Kỳ, điện thoại 212.838.0230. Ai cũng có thể ghi tên vào
hội, điều kiện duy nhất là phải đóng niên liễm (95 USD cho
người ở Mỹ, 115 USD ngoài Mỹ). Dùng thẻ tín dụng, có thể ghi
tên tức thời qua internet tại địa chỉ www.nyas.org, vài tuần
sau sẽ nhận được certificate of membership (chứng chỉ hội
viên). Trên trang quảng cáo, NYAS cho biết có gần 40 000 hội
viên thuộc hơn 100 nước, và có cả những hội viên được giải
Nobel. Như chúng tôi đã chú giải trong số trước, NYAS hoàn
toàn không phải là một viện hàn lâm theo nghĩa cơ quan khoa
học của một quốc gia, tiểu bang, hay thành phố, mà chỉ là một
hiệp hội tư nhằm phát huy khoa học, kỹ thuật, giáo dục với
những hoạt động bình thường như tổ chức thuyết trình, triển
lãm, xuất bản (Annals do NYAS xuất bản cũng được coi là có
giá trị nhất định).*

Tóm lại, hội NYAS và việc gia nhập (hay không gia nhập)
hội là sự việc bình thường, không có gì đáng nói. Điều duy
nhất cần nói là do cái tên của nó, do thiếu thông tin và do
bệnh sinh bằng cấp, danh vị vốn ăn sâu trong não trạng Việt
Nam (hiện nay đang hoành hành nặng nề), nó đã gây ra ngộ
nhận, tưởng lầm, và trong một vài trường hợp, có sự cố ý lập
lờ. Những người đầu tiên ở Hà Nội đã dương danh “viện sĩ
Hàn lâm khoa học Nữ Ước” của mình, theo chúng tôi biết,
là một cán bộ khoa học, từng đứng đầu Viện khoa học và từng
ở trong Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản, và vài ba
Việt kiều. Từ đó, bệnh... viện sĩ đã lây lan, hay nói theo ngôn
ngữ của Ban văn hoá tư tưởng Trung ương : tán phát.

N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG
opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures &
solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres
Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non
cumulables

Heures d'ouvertures : matin 9 h 30 à 13 h
après-midi 14 h 30 à 19 h 00
(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél 01 45 66 93 27
Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

Lịch trình tấu của Nguyên Lê

Mùa thu 99, **Nguyên Lê** và **Hương Thanh** sẽ lưu diễn giới thiệu đĩa CD ***Moon and Wind*** vừa phát hành : tại Paris (*La Maroquinerie*, ngày 27.10), Mainz (23.11), Koln (24.11), Essen (25.11), Berlin (26.11), Wien (28.11), Zurich (30.11).

Song song với lịch trình trên, nhạc sĩ Jazz tiếp tục cuộc lưu diễn với ban **Maghreb and Friends** :

Tháng 10 : tại Cambrai (ngày 16), Bologna (ngày 21, cùng với Paolo Fresu), Napoli (ngày 22, với ban Trio), Chateau Arnoux (29), Perpignan (30)

Tháng 11 : Portugal (từ 7 đến 14, với khách mời là Michael Gibbs), Tourcoing (16), Bagneux (19).

Tháng 12 : Martinique / Guadeloupe (4 đến 12)

Sang tháng 12, Nguyên Lê sẽ lưu diễn cùng ban tứ tấu **Paolo Fresu Angel 4tet** : Bordeaux (ngày 1), San Sebastian (2), Massy (3), Fort de France (7).

VINH PHẠM trình tấu violon tháng 10 ở Paris

Trong tháng 10, nhạc sĩ violon Vinh PHẠM sẽ tham gia hai chương trình của dàn nhạc Sinfonietta de Paris :

1. Ngày **thứ ba 12.10**, lúc 20g30 tại **Eglise Saint-Louis en l'Île** (rue St-Louis en l'Île, M° Pont-Marie, Sully). Chương trình : *Gloria* (của Vivaldi), *Gloria* (Poulenc), *Le dernier sommeil de la Vierge* (Massenet), *Concerto pour violon* (Luis Szaran). Hợp xướng : Ensemble Polyphonique de Versailles, Choeur A Contre-temps de Draveil.

2. Thứ sáu **15.10**, 20g45, tại **Eglise Notre Dame de Grâce de Passy** (rue de l'Annonciation, 16è, M° Passy, La Muette) : *Concerto pour deux violons en ré min.* (J.S. Bach), *Jesus meine Freude* (Motet), *Christ Lag in Todesbanden* (Cantate). Hợp xướng : Choeurs Roland de Lassus.

Reservations : FNAC, VIRGIN, 01 60 46 94 35

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ
Tổng biên tập : Hà Dương Tường
Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc
Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý : Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ, Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Văn, Hoà Văn

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 180F, 1/4 trang : 300F, 1/2 trang : 550 F trang, 1 trang : 1000F (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

Đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên.....

.....

.....
mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng..... (số.....).

Kèm theo đây là ngân phiếu FF

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM : 250 FF, tức là 40 €) ; Châu Âu ngoài Pháp : 280 FF = 45 € ; Các nước ngoài châu Âu : 330 FF = 50 €).

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIENDAN FORUM, B.P.50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàn. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Canada** và **Úc** xin gửi money order 60 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở Ba Lan, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD/năm, séc đề tên P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W. Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBARG-SULZBERG, Konto : N° 380 48 94 76 : blz 752 500 00).

Tin Tức

Các nước ASEAN và khủng hoảng Đông Timor.

Trước tình hình ở Đông Timor (ĐT), các nước ASEAN ở trong một tình thế khó xử. Indonexia là một thành viên của ASEAN. ASEAN gồm những nước với những chế độ khác nhau dân chủ, cộng sản, quân phiệt, trong nhiều nước vấn đề nhân quyền không được tôn trọng... cho nên “ nguyên tắc không can thiệp vào nội bộ nước khác ” được ngầm chấp nhận. Mặt khác Indonexia có thể bị rạn nứt do sức ép chia cắt sau khủng hoảng ĐT, đó là một mối lo âu khác cho các nước ASEAN.

Do đó họ im lặng trước cuộc tàn sát và đầy ải dân do những lực lượng chống độc lập ĐT và quân đội Indonexia gây ra và không có thái độ về kế hoạch Liên Hiệp Quốc đem một lực lượng quốc tế vào ĐT để khôi phục an ninh. Cho đến thứ hai 13-09, sau khi bản thân Indonexia trước áp lực quốc tế đã phải chấp nhận kế hoạch Liên Hiệp Quốc, các nước ASEAN mới lên tiếng những lập trường không nhất trí và khá dè dặt.

Đương kim chủ tịch Ủy ban Thường Vụ của ASEAN, bộ trưởng ngoại giao Thái Lan Surin Pitsuwan tuyên bố rằng tất cả các nước ASEAN đều hưởng ứng phương án của Liên Hiệp Quốc (LHQ). Bản thân Thái Lan đã nhận giữ vai trò chỉ huy phó cho lực lượng quốc tế theo lời yêu cầu của ông Kofi Annan, tổng thư ký Liên Hiệp Quốc, hôm thứ năm 16-09. Thái Lan sẽ tham gia với 1500 quân.

Việt Nam thì rất dè dặt và không lấy thái độ về giải pháp của Liên Hiệp Quốc. Người phát ngôn bộ ngoại giao Việt Nam, bà Phan Thuý Thanh, đã đưa ra lý do Việt Nam không có kinh nghiệm về những chiến dịch quốc tế phục hồi an ninh. Được hỏi Việt Nam có đồng tình hay không với lời tuyên bố của bộ trưởng ngoại giao Thái Lan Surin Pitsuwan bà Thanh đã từ chối trả lời.

Cùng ngày người phát ngôn bộ ngoại giao Thái Lan, ông Don Pramudwinai đã phát biểu : Không có lực lượng vũ trang ASEAN. Chúng tôi không bao giờ chủ trương một lực lượng chung như vậy, vì không phải tất cả các nước ASEAN đều muốn gửi quân qua ĐT. Trước đó, bên lề hội nghị thượng đỉnh Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) họp ở Auckland, thủ lĩnh các nước Đông Nam Á tìm cách áp đặt vai trò lãnh đạo của mình trên lực lượng quốc tế theo đề nghị của Mã Lai, phía Indonexia cũng không muốn Úc lãnh đạo lực lượng này. Ông Don bình luận : chúng tôi không thể kết luận được là ASEAN sẽ là nòng cốt và lãnh đạo các nước khác.

Cũng trong ngày thứ hai Myanmar (Miến Điện) tỏ ý việc một số nước vội vàng muốn nhảy vào lực lượng quốc tế gây một

tình trạng khó xử và tuyên bố : “ *Quyết định của một số nước ASEAN tham gia chiến dịch hồi phục hoà bình ở ĐT không phải là một quyết định chung của các nước ASEAN.* ”. Miến Điện cũng là nước hiện đang bị chỉ trích vì vấn đề nhân quyền.

Phía Căm Bốt bộ trưởng bộ quốc phòng, hoàng thân Sisowath Sireyrath tuyên bố Căm Bốt sẵn sàng tham gia lực lượng quốc tế nếu Indonexia đề nghị. Hoàng thân Norodom Ranariddh, chủ tịch quốc hội cũng hoan nghênh quyết định của tổng thống Habibie, và ông thêm rằng nhân dân ĐT đã rõ ràng lựa chọn độc lập.

Tình hình ĐT cũng cho thấy khoảng cách giữa các nước châu Á và Mỹ. Trong buổi họp báo bế mạc hội nghị APEC, tổng thống Phi Luật Tân Joseph Estrada đã tuyên bố : “ *Phi Luật Tân sẵn sàng gửi quân để bảo vệ dân chủ và dân quyền. Người Á châu cũng có thể tự lo liệu công việc của mình không cần đến các nước Âu Mỹ* ”. Ông trả lời thẳng ông Clinton đang cò vũ Úc trong cương vị lãnh đạo lực lượng quốc tế.

Ông Nguyễn Đan Quế, người li khai với chính quyền Việt Nam, cũng lên tiếng kêu gọi các nước ASEAN hãy bớt dè dặt trong nguyên tắc can thiệp vào nội bộ nước khác và yêu cầu lên tiếng ủng hộ quyền tự quyết của nhân dân Đông Timor. Ông Quế cho biết ông lên tiếng vì bất bình việc Việt Nam không tham gia ngăn chặn cuộc tàn sát dân chúng ở Đông Timor. (Theo Reuter và AFP 13 và 16.9.1999)

Xử 24 người bị buộc tội âm mưu đảo chánh.

Tờ **Sài Gòn Giải Phóng** đã đưa tin 24 người bị xử vì tội âm mưu đảo chánh. Phiên tòa kéo dài 3 ngày (từ 5 đến 8 tháng 9). Những người này bị buộc tội đã xâm nhập lãnh thổ Việt Nam một cách bất hợp pháp và “ có hành động chống chính quyền cách mạng ”. Cả nhóm bị bắt cuối năm 1997, với máy ảnh, điện thoại di động và tài liệu “ phản động ”, cho đến nay mới ra tòa. Chỉ huy nhóm, Lê Văn Tinh, 61 tuổi, thường trú ở Mỹ, bị 20 năm tù. Tinh đã thành lập đảng Nhân dân hành động và bị trục xuất năm 1995. Từ đó ông đã ra vào Việt Nam nhiều lần. Tinh tuyển người trong giới “ phản động ” sinh sống ở Căm Bốt.

Những người khác bị từ 18 đến 20 năm tù, tổng cộng 24 người bị tuyên án tất cả 244 năm tù. Tờ báo còn kể tên một người Việt ở Mỹ, Nguyễn Sỹ Bình, được coi như lãnh đạo đảng Nhân dân hành động khi còn ở Việt Nam cho tới khi bị trục xuất sang Mỹ năm 1995. Nhưng không cho biết Bình có mặt trong những bị cáo hay không. (Theo Reuter và AFP 13.09.1999)

Lao động trong điều kiện không an toàn.

Tuần báo **Vietnam Investment Review**, đã đưa ra con số 27% công nhân Việt Nam làm việc trong những điều kiện không an toàn. Cuộc điều tra Trung tâm Nghiên cứu môi trường lao động trong 1300 hãng, xưởng của nhà nước và tư nhân, đã cho thấy sự kết hợp giữa việc luật lao động không được tôn trọng, vốn và đầu tư thiếu, thiết bị quá cũ đã đưa đến tình trạng này.

Điều tra cho biết 58 phần trăm những người làm việc trong lãnh vực nhiên liệu dầu khí bị thương tật trong lúc lao động,

7,7 % công nhân nói chung mắc bệnh vì lao động : phổi, da, gan, bị điếc hoặc bị nhiễm độc.

Vẫn theo điều tra, những hãng ngoại quốc đầu tư bình quân cho mỗi công nhân 47\$ về thiết bị an toàn, gấp hai lần những hãng trong nước, do đó số nạn nhân lao động thấp hơn rõ rệt. (theo Reuters 13.9.1999)

Hà Nội ứ đọng rác

Trong mấy ngày liên rác rưởi ở Hà Nội đã không được thu nhặt vì xe tải rác bị chặn không vào được bãi chứa rác Sóc Sơn. Rác đọng ngổn ngang, mùi hôi thúi do trời nóng đã bao trùm thành phố.

Bãi đổ rác là một bãi lộ thiên, khoảng 13,5 hecta, là bãi quan trọng nhất thành phố, với khả năng nhận 270 chuyến xe rác của thành phố mỗi ngày. Khoảng 37 gia đình ở Sóc Sơn đã chặn xe không cho vào bãi, họ đòi chính quyền phải có biện pháp giải quyết nạn ô nhiễm do bãi rác gây nên và phải bồi thường những gia đình có đất bị chiếm để làm bãi.

Ủy ban nhân dân Hà Nội đã phái người đến thương lượng với dân làng. (AFP 13.09.1999)

Hội nghị thượng đỉnh APEC

Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á Thái Bình Dương gồm 21 thành viên gồm Úc, Brunei, Canada, Chili, Trung Quốc, Hàn Quốc, Mỹ, Hồng Kông, Indonexia, Nhật, Mã Lai, Mehicô, New Zealand, Papouasie-Nouvelle Guinée, Perou, Philippin, Nga, Singapore, Đài Loan, Thái Lan, Việt Nam.

Hội nghị thượng đỉnh của tổ chức đã họp từ ngày 12 đến ngày 13 tháng 9 tại Auckland (New Zealand).

Chủ đề của hội nghị chủ yếu là kinh tế, nhưng vấn đề Đông Timor đã chiếm trọn những trao đổi bên lề.

Về kinh tế người ta coi khủng hoảng Châu Á như thuộc về quá khứ và các thành viên ra sức thúc đẩy tự do mậu dịch, trong viễn tượng của những thương thuyết sắp tới tại Seattle, nơi Tổ chức mậu dịch Thế giới (WTO) sẽ họp cấp bộ trưởng vào ngày 30 tháng 11. (theo AFP 11.9.1999)

Nạn nhân kỳ thị chủng tộc ở Đức.

AFP đưa tin, nhưng không nêu tên, một người Việt Nam còn trong hôn mê một tuần lễ sau khi bị một nhóm kỳ thị chủng tộc hành hung tại Eggesin, Đông Đức.

Ngày 22 tháng 8, anh ta và một người bạn bị một đám thanh niên Đức tấn vào một hàng rào giầy kẽm gai trong một hội chợ. Sau khi đánh đá, chúng để anh nằm bất tỉnh với nhiều vết thương trên đầu. Tin từ bệnh viện Neubrandenburg cho biết tình trạng anh đã ổn định.

Cảnh sát đã bắt giữ sáu trên bảy thanh niên từ 15 đến 20 tuổi bị nghi dính líu trong vụ này.

Các nước dùng pháp ngữ và tự do báo chí

Tại hội nghị thượng đỉnh các nước dùng pháp ngữ ở Moncton, Canada, tổ chức “ Phóng viên không biên giới ” (Reporters sans frontiere - RSF) đã tố cáo 15 nước có mặt ở hội nghị đã chà đạp quyền tự do báo chí : Burkina Faso, Cameroun, Congo, Côte d'Ivoire, Gabon, Guinée Equatoriale,

Lào, Mauritanie, Cộng hoà Trung Phi, Cộng hoà dân chủ Congo, Rwanda, Togo, Tunisie và Việt Nam.

Tổ chức cho biết hiện có 17 nhà báo bị giam giữ trong 5 nước : Rwanda (5), Congo (4), Việt Nam (4), Tunisie (2) và Côte d'Ivoire (2). Những nhà báo này bị buộc tội có liên hệ với đối lập. Giữa hai lần họp (tại Hà Nội tháng 11.1997 và tại Moncton), đã có 120 nhà báo bị tù tại 20 nước tham gia đại hội. Một nhà báo ở Burkina Faso đã bị ám sát.

RSF nhấn mạnh, 14 trong 15 nước được nêu lên ở trên đã ghi trong hiến pháp của mình những điều khoản xử tù những vi phạm báo chí. Nhắc lại rằng những cấp quốc tế lo về nhân quyền cho rằng “ xử tù một nhà báo (về một bài viết) là không tương ứng ”, tổ chức kêu gọi tất cả các nước tham gia hội nghị Moncton sửa đổi hiến pháp của mình, biến những điều khoản xử tù tội báo chí thành các điều khoản phạt tiền. (AP 26.08.1999)

Một loài thỏ vằn mới được tìm thấy ở dãy Trường Sơn.

Những nhà sinh vật học vừa mô tả trên báo Nature một loài thỏ vằn sống trên dãy Trường Sơn, giống thỏ này được dân bản xứ bán ăn thịt ở các chợ gần tỉnh Ban Lak (Lào), và cũng được bắt gặp ở Việt Nam.

Bà Alison Surridge và đồng nghiệp cho biết loài thỏ thuộc loại “ genus Nesolagus ”, bề ngoài giống như loài thỏ “ Nesolagus netscheri ” một loại rất hiếm ở vùng Sumatra. Từ 1916 người ta chỉ thấy tận mắt một con “ Nesolagus netscheri ” và cả thế giới chỉ có 15 mẫu ở các viện bảo tàng.

Về thân thể tuy hai loài thú gần gũi nhau nhưng cũng có nhiều chỗ khác nhau. Theo những nhà khoa học thì hai loài này đã phân kỳ cách đây khoảng 8 triệu năm. Nguồn gốc loài thỏ vằn vùng Trường Sơn có thể được giải thích là vào thời kỳ Pliocene, giữa 2 triệu và 5 triệu năm, vùng đảo Sumatra, Java và Borneo dính liền với lục địa châu Á. Tổ tông loài Nesolagus đã rải ra ở các vùng lúc mực nước thấp và sau đó tiếp tục đi xa hơn nữa theo những biến đổi của mực nước và rừng. (PA News 18.08.1999)

Tai nạn giao thông

Theo thống kê chính thức trong bảy tháng đầu năm nay 4 169 người đã chết, 14 583 người khác bị thương trong 13 059 tai nạn giao thông. Tại thành phố Hồ Chí Minh, 1 300 tai nạn đã làm chết 444 người.

Năm 1997 tai nạn giao thông đã làm 5 680 người chết, 21 905 người khác bị thương, năm 1998, 6 300 người chết, 23 000 người khác bị thương.

Thủ tướng Phan Văn Khải đã ra lệnh cho bộ Giao thông - Vận tải phải có biện pháp hạn chế tai nạn giao thông, đặc biệt ở các thành phố lớn như Hà Nội và TP Hồ Chí Minh. Theo cảnh sát thì phần đông những tai nạn đều do vi phạm luật giao thông và tình trạng đường sá xuống cấp. (AFP 26-08)

Buôn lậu ma túy.

Từ đầu năm nay toà án Việt Nam đã công bố 35 bản án tử hình cho những người buôn lậu ma túy, so với khoảng 20 án

của cùng thời kỳ năm ngoái. Mặt khác 21 người buôn lậu ma túy bị xử án tù chung thân. Tòa án Việt Nam đã xử 4 952 người dính líu trong 3 310 vụ.

Theo thống kê chưa đầy đủ, Việt Nam có ít nhất 100 000 người nghiện, phần lớn ở Hà Nội và TP Hồ Chí Minh, trong đó có 8 000 người phạm pháp bị tù.

Từ năm 1997 Việt Nam cũng đã tăng cường luật chống ma túy, người nào bị bắt với 100 gram heroin có thể bị án tử hình. Năm ngoái 49 người buôn lậu đã bị án này. (AFP 26.08.1999)

Nạn nhân của tác nhân màu da cam

Theo chính quyền tỉnh Đắk Lắk hơn 6.000 nạn nhân của chất da cam đã được kiểm kê ở vùng Cao Nguyên, nơi chiến tranh đã diễn ra quyết liệt nhất. Bản thống kê được hoàn thành cuối tháng tám cho biết có 1 031 người chết do chất độc hoá học quân đội Mỹ rải trong chiến tranh để phá rừng.

Ngoài ra 2 778 người bị bệnh do bị nhiễm trực tiếp hoặc gián tiếp qua dây chuyền lương thực, và 3 000 trẻ sinh ra bị tật nguyền vì cha mẹ bị nhiễm. Đợt kiểm kê này nằm trong khuôn khổ cuộc kiểm kê toàn quốc những nạn nhân của chất da cam bắt đầu từ đầu năm nay trên 55 tỉnh ở Việt Nam.

Hà Nội chưa bao giờ chính thức đòi chính phủ Mỹ bồi thường cho những nạn nhân của chất da cam, nhưng vấn đề đã được đặt ra trong chuyến thăm Việt Nam của ngoại trưởng Albright năm 1997.

Trong khi đó, hàng trăm cựu chiến binh Hàn Quốc đã tham gia chiến tranh Việt Nam biểu tình dữ dội trước tòa đại sứ Mỹ ở Seoul. Họ tuyên bố họ bị nhiễm chất da cam do Mỹ rải trong chiến tranh và đòi Mỹ phải bồi thường. Cảnh sát dã chiến đã được dàn ra khắp thành phố vì những người biểu tình đã ngồi chặn giao thông trên một số đường. (AFP 25-26.08.1999)

Kinh tế : giảm phát 6 tháng liên

Theo đánh giá của chính phủ trong phiên họp thường kỳ tháng 7, tình hình kinh tế Việt Nam “ có dấu hiệu khá dần lên ”. Đánh giá này căn cứ trên kết quả xuất khẩu của tháng 7 đã tăng 35% so với tháng 6, đưa kim ngạch xuất khẩu của 7 tháng đầu năm lên 6,1 tỉ USD, tăng khoảng 12% so với cùng thời kỳ năm 1998, và vượt chỉ tiêu đề ra cho cả năm 1999 là 7%. Mặc dù vậy, phiên họp tháng 8 sau đó của chính phủ nhận định rằng sản xuất công nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn, nhất là khu vực quốc doanh có mức tăng trưởng rất chậm. Đầu tư nước ngoài giảm so với cùng kỳ năm 1998. Vốn đầu tư ngân sách và vốn tín dụng nhà nước triển khai khá chậm. Các biện pháp kích cầu chưa tác động đến thị trường.

Đáng chú ý nhất là chỉ số giá tiêu dùng tháng 8 đã giảm 0,4% so với tháng 7. Như vậy, giá cả đã giảm liên tục 6 tháng liên. Tính chung 8 tháng đầu năm, lạm phát còn 0,8%. Đây là mức thấp nhất chưa từng thấy, xác nhận một xu thế giảm phát rất bất lợi cho hoạt động sản xuất, tiêu dùng và đầu tư. Mặc dù Ngân hàng nhà nước đã giảm trần lãi suất hai lần từ đầu năm (giảm tổng cộng 2,4%/năm), mức lãi suất tiền vay vẫn còn quá cao. Lãi suất thực (đã trừ đi lạm phát) vượt 10%/năm, khó lòng có tác dụng kích cầu. (Tuổi Trẻ 29.7, 3 và 26.8 ; Thanh Niên 23.8 ; Lao Động 2.8.99)

Tổng công ty nhà nước : sự bế tắc

Hội nghị cuối tháng 8 vừa qua tại Hà Nội giữa thủ tướng Phan Văn Khải với lãnh đạo của 50 tổng công ty nhà nước đã một lần nữa phơi bày thực trạng của khu vực kinh tế quốc doanh. Chỉ tính từ đầu năm nay, lượng sản phẩm tồn kho của 17 tổng công ty trực thuộc chính phủ đã lên đến 4 164 tỉ đồng. Nếu tính cả 40 tổng công ty trực thuộc các bộ thì tổng giá trị hàng ế ảm vào khoảng 6000-7000 tỉ đồng. Trong đó đường cát ứ đọng 1700 tỉ đồng, than 900 tỉ, xi-măng 500 tỉ, dệt may 500 tỉ...

Lý do chủ yếu là nhiều doanh nghiệp cột trụ của nền kinh tế quốc doanh đã mất khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới và ngay trên thị trường nội địa cũng không tiêu thụ được hàng hóa. Những số liệu của Tổng cục thống kê cho biết, giá thành một tấn xi-măng sản xuất trong nước vào khoảng 50-60 USD trong khi giá một tấn xi-măng nhập khẩu (gồm cả chi phí vận chuyển và bảo hiểm) là khoảng 40-50 USD. Đường cát sản xuất trong nước đắt hơn đường nhập khẩu từ 20 đến 50 % ; thép xây dựng đắt hơn 10 đến 12% ; phân u-rê đắt hơn 30 đến 40 %... Cũng theo những số liệu chính thức, do quản lý kém và năng suất thấp, tỉ suất lợi nhuận của khu vực công nghiệp quốc doanh thấp hơn lãi suất ngân hàng, trong khi đến 80 % vốn lưu động của các doanh nghiệp nhà nước là vay của ngân hàng. Về tài sản cố định thì tỉ lệ hao hụt bình quân lên tới 38,3 %.

Tại cuộc hội nghị Hà Nội, các tổng công ty nhà nước đã “ nín thở ” chính phủ, đòi giải quyết hàng tồn đọng và bảo trợ hàng nội địa, yêu cầu giảm thuế và giãn nợ, xin tăng vốn và trợ cấp xuất khẩu... Đáp lại, thủ tướng Phan Văn Khải nói : “ Mỗi năm nhà nước phải bù lỗ rất lớn cho các doanh nghiệp. Thép xin bù lỗ, phân đạm xin bù lỗ, ông này ông kia xin bù lỗ. Sắp tới phải chấm dứt. Đây là thách thức đối với các doanh nghiệp ”.

Ông Khải nêu lên năm khuyết tật của các tổng công ty. Một, là không có chiến lược phát triển lâu dài, mà “ không có chiến lược thì như là đi mà không nhìn thấy đường ”. Hai, là không có năng lực cạnh tranh, trong khi hiệp định tự do mậu dịch AFTA (Đông Nam Á) có hiệu lực năm 2006, APEC (châu Á-Thái Bình Dương) hiệu lực vào 2010, rồi còn hiệp định thương mại với Mỹ, thỏa thuận gia nhập WTO (Tổ chức mậu dịch thế giới) : “ Đường như các lãnh đạo tổng công ty ít lo việc hội nhập hơn chính phủ lo ”. Ba, là không tích lũy, và khi chính phủ huy động vốn (8 000 tỉ đồng) cho doanh nghiệp nhà nước thì “ rất buồn là dự án đầu tư quá ít ”. Bốn, là không đa dạng hóa hoạt động mà “ độc quyền thì không phát triển được ”. Năm là không có đội ngũ cán bộ quản lý và “ vẫn còn tình trạng một số lãnh đạo tổng công ty nhà nước lo thu vén cá nhân, có biểu hiện lợi dụng vốn liếng tài sản của nhà nước để bỏ túi ”.

Điều mà người đứng đầu chính phủ không thể công khai nói lên : mặc dù làm ăn không hiệu quả song các tổng công ty nhà nước đang tập trung trong tay một phần quan trọng tài sản của đất nước, trở thành những tập đoàn độc quyền có khả năng ngăn cản hay vô hiệu hóa những quyết định của chính phủ đi ngược lại quyền lợi của họ. Vừa qua, trong các lý do khiến

chính phủ Hà Nội chùn tay không ký hiệp định thương mại với Mỹ vào tháng 9 như dự kiến, sẽ không ngạc nhiên nếu có sức ép có trọng lượng của những tập đoàn có thế lực đó. (Tuổi Trẻ 24, 26, 29.8 ; Thanh Niên 25, 27.8 ; Lao Động 25.8 ; Thời báo kinh tế Sài Gòn 26.8.99)

Tuần làm việc 40 giờ trong khu vực nhà nước

Sau khi Hội nghị trung ương 7 của đảng cộng sản (tháng 8 vừa qua) đề ra chủ trương, chính phủ đã cấp tốc ban hành trong tháng 9 những qui định về tuần lao động 40 giờ, theo đó kể từ ngày 2.10, các cơ quan hành chính sự nghiệp của nhà nước sẽ chuyển từ chế độ làm việc 48 giờ/tuần trên 6 ngày sang chế độ tuần làm việc 40 giờ và 5 ngày (nghỉ thứ bảy và chủ nhật). Theo chính phủ, việc tăng thêm một ngày nghỉ trong tuần nhằm để cho người lao động có thêm thời gian phục hồi sức khỏe, có điều kiện học tập nâng cao trình độ hiểu biết,

chăm lo công việc gia đình và tham gia hoạt động xã hội. Tuy nhiên, các cơ quan sẽ phải bảo đảm hoàn thành khối lượng công việc được giao mà không được tăng quỹ lương và các khoản chi phí khác, tức là phải tăng hiệu suất làm việc.

Đối với các doanh nghiệp nhà nước, việc thực hiện chế độ 40 giờ sẽ uyển chuyển cho phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh, song vẫn phải đảm bảo thu nhập người lao động không bị sụt giảm. Nếu chưa bảo đảm được những yêu cầu trên thì doanh nghiệp được phép áp dụng những qui định muộn hơn.

Đối với các doanh nghiệp tư doanh, việc bố trí thời giờ lao động và nghỉ ngơi thuộc quyền quyết định của chủ doanh nghiệp trong khuôn khổ của bộ luật lao động. Nhà nước chỉ khuyến khích doanh nghiệp áp dụng tuần làm việc 40 giờ.

Được tiến hành trong những điều kiện vội vã, việc thực hiện chế độ 40 giờ chắc chắn sẽ không đơn giản, dù là chỉ áp dụng cho khoảng 1,3 triệu người ăn lương nhà nước. Vấn đề

Độc báo trong nước

Đồng lương khó hiểu

LTS : Trong hội nghị lần thứ 7 họp vào đầu tháng 8 vừa qua, Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt Nam cho rằng “ tiền lương bất hợp lý và không công bằng là vấn đề bức bách hiện nay ”. Tiếp theo đó, bộ trưởng Đỗ Quang Trung, trưởng ban tổ chức cán bộ, cho biết trong năm 2001 chính phủ sẽ nâng mức lương tối thiểu của cán bộ, nhân viên nhà nước từ 144 000 đồng lên 210 000 đồng (tăng 50%). Thật ra, đây chỉ là biện pháp bù mức trượt giá vào đồng lương đã sụt giảm nhiều từ mấy năm nay (giá sinh hoạt đã tăng 54,4%). Về cơ bản nó không thay đổi thực tế đồng lương đã không còn ý nghĩa đối với người làm việc ăn lương nhà nước : hầu hết công chức hiện không sống bằng tiền lương mà bằng những khoản thu nhập ở ngoài lương và lớn gấp mấy lần tiền lương chính thức. Đó chính là nguyên nhân làm cho tham nhũng phổ biến ở mọi cấp, và tuy được xem là quốc nạn nhưng vẫn không ngăn chặn được. Phải đợi đến năm 2002, theo ông Trung, chính phủ mới bắt đầu thật sự “ cải tiến tiền lương ”. Một lời hứa được dư luận đón nhận với sự hoài nghi chính đáng - chỉ ít ngày nào mà chủ trương cải cách tiền lương không đi đôi với một cuộc cải tổ hệ thống chính trị cho phép tinh giản các bộ máy song hành của nhà nước và của đảng cộng sản . Như là lời bình luận “ via hè ” dưới đây, đọc được trên báo Thanh Niên.

Đồng lương của công chức xứ ta, kể cả công chức ở bậc cao nhất, là đồng lương khó hiểu. Khó hiểu vì đồng lương đó không thể nào nuôi sống được bản thân viên chức và những người ăn theo trong gia đình. Nhưng điều khó hiểu hơn là tất cả mọi công chức của xứ ta vẫn sống được bằng đồng lương khó hiểu ấy. Cứ như bằng phép màu vậy.

Bác Ba Phi bảo : Với đồng lương không đủ sống mà công chức xứ ta vẫn sống được thì nhà nước ắt phải “ chết ”. Cái “ chết ” của nhà nước, theo như Bác Phi cất nghĩa, chính là sự thất thu về ngân sách và sự thất thoát về công lao động bởi các vị công chức phải tự tìm cái sống cho bản thân và gia đình mình. Viên chức nào may mắn được ngồi ở vị trí có quyền thì sử dụng cái quyền ấy để chuyển đổi thành tiền rồi đưa vào túi riêng. Những khoản thu cho ngân sách bị thất

thoát hàng ngày ở các ngành hải quan, thuế vụ, quản lý thị trường, xử phạt vi phạm luật lệ giao thông... hẳn là những khoản tiền khổng lồ chẳng thể nào kết toán nổi.

Riêng những viên chức không có may mắn ngồi ở vị trí hái ra tiền thì đành tự xoay xở kiếm sống bằng cách đánh cắp thời gian lao động ở công sở để mưu việc bên ngoài. Số thời gian lao động bị thất thoát ở các công sở hẳn cũng là con số khổng lồ chẳng thể nào tính xiết. Ngân sách thất thu, bộ máy hành chính trì trệ, hết thảy cũng đều do cái đồng lương khó hiểu đó mà ra cả.

Lang Là hỏi : Thế theo ý bác thì phải giải quyết sao đây ?

Bác Ba Phi trả lời : Dễ ợt ! Chỉ cần trả lương cho công chức sống một cách đàng hoàng là xong.

Lang Là hỏi vặn : Bằng cách nào ? Chả lẽ in thêm tiền để trả lương cho công chức để rồi lâm vào tình trạng lạm phát ?

Bác Ba Phi : Không phải in thêm tiền mà chỉ cần thu nhỏ số lượng công chức lại để cái bánh có thể chia cho mỗi người một phần lớn hơn chứ không mỗi người một vụn bánh như hiện nay. Muốn vậy phải tinh giản bộ máy quản lý nhà nước trên cơ sở gọn nhẹ nhưng hiệu quả với số lượng công chức tuy ít nhưng có trình độ chuyên môn nghiệp vụ hẳn hoi. Mặt khác phải điều tiết cho được thu nhập ở các khu vực nhà nước có thu nhập cao để chuyển cho các khu vực nhà nước có thu nhập thấp. Thu nhập trên trời của mấy ông công chức ở các ngành bưu điện, điện lực chẳng hạn cần san sẻ bớt cho cán bộ, nhân viên ngành y tế, giáo dục...

Lang Là cười ruồi : Tưởng bác có cao kiến tân kỳ ai dè các biện pháp mà bác đưa ra chỉ là chuyện cũ rích. Tinh giản bộ máy, tổ chức gọn nhẹ, điều tiết thu nhập công chức... Mấy cái đó nhà nước mình đã nói từ lâu rồi nhưng vẫn không thực hiện được. Ngược lại càng nói tinh giản thì bộ máy càng phình to ra.

Bác Ba Phi tròn mắt ngạc nhiên : Nếu vậy thì... thì quả là khó hiểu thật.

Lang Là (Thanh Niên 22.8.99)

nan giải vẫn là làm sao tăng hiệu suất lao động của công nhân viên chức trong khi đồng lương hoàn toàn không khuyến khích lao động. Chính tờ báo của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam cũng phải nhắc nhở điều ấy : “ *Dân Tây nghỉ hai ngày là vẫn minh thật nhưng nên nhớ rằng năng suất lao động của họ cao hơn mình nhiều, được nghỉ hai ngày cũng đáng !* ” (Lao Động 27, 28.9 ; Tuổi Trẻ 26.8.99)

SEA Games : 17 huy chương vàng

Diễn Đàn số trước đã đưa tin tổng kết chung về đại hội thể thao ASEAN hè vừa qua. Dưới đây xin trở lại một số chi tiết để phục vụ các bạn hâm mộ thể thao.

Tuy thứ bậc không trội hơn ở những lần SEA Games trước - Chiang Mai 1995 (hạng thứ 6), Jakarta 1997 (hạng thứ 5) - song vị trí thứ 6 ở Brunei có một số khác biệt về chất. Trước hết, một số môn chủ lực của thể thao Việt Nam như bắn súng, wushu, võ thuật, judo lần này không được nước chủ nhà đưa vào chương trình thi đấu.

Về điền kinh, là bộ môn thi đấu cơ bản nhưng cũng là yếu kém nhất của thể thao Việt Nam (không có huy chương vàng nào tại SEA Games 1997), Phan Văn Hóa và Phạm Đình Khánh Đoàn đã giành hai huy chương vàng ở cự ly 800m nam và nữ. Ngoài ra còn có 4 huy chương bạc : chạy 100m rào nữ, 400m nữ, 1500m nữ, nhảy xa nữ ; và 8 huy chương đồng : chạy tiếp sức 4x400m nữ, 100m rào nam, 400m rào nam, 1500m nam, 1500m nữ, nhảy xa nam, nhảy ba bước nữ, ném đĩa nam. Với 14 huy chương và hạng thứ 4 trong 10 nước tham dự, các vận động viên điền kinh đã tạo bất ngờ đáng chú ý nhất.

Pencat Silat : Với 7 huy chương vàng (4 nam : Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thanh Thủy, Đặng Văn Chín, Nguyễn Hữu Long ; 3 nữ : Đặng Thị Thúy, Nguyễn Ngọc Anh, Trịnh Thị Mùi), 4 bạc và 2 đồng, Việt Nam đứng thứ nhất trong 8 nước tham dự, trên cả Indonesia là quê hương của môn võ thuật này.

Karatedo : Với 4 huy chương vàng (tất cả đều nữ : Vũ Kim Anh, Phạm Hồng Hà, Phạm Hồng Thắm, Hà Thị Kiều Trang), 3 bạc và 6 đồng, các vận động viên Việt Nam đứng thứ 3 trong 10 nước tham dự.

Taekwondo : Các vận động viên Việt Nam đoạt 3 huy chương vàng (2 nữ : Khúc Liễu Châu, Nguyễn Thị Huyền Diệu ; nam : Nguyễn Văn Hùng), 5 bạc và 5 đồng, xếp thứ 3 trong 10 nước tham dự.

Xe đạp : 1 huy chương đồng cự ly 22 km của Nguyễn Thị Thanh Huyền, và 2 bạc, 2 đồng.

Bóng đá : huy chương bạc sau khi thua đội Thái Lan 2-0 ở chung kết.

Bóng bàn : 1 huy chương bạc đồng đội nam, và 3 đồng.

Cầu lông : 1 huy chương đồng cho đồng đội nữ.

Những bộ môn đi về hai tay trắng : bơi lội, quần vợt, bida, golf, bowling, bắn đĩa. (Lao Động 11 -16.8 ; Tuổi Trẻ 17.8.99)

TIN NGẮN

* Theo sổ tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh, trong 12 000 phụ nữ kết hôn với người nước ngoài ở TPHCM trong các năm 1996-1998, có tới 49% trường hợp kết hôn với người Đài Loan

mà động cơ chủ yếu là vì kinh tế. Các tài liệu quảng cáo tại Đài Loan cho biết có nhiều tổ chức đang làm dịch vụ môi giới với giá từ 10 000 đến 12 000 USD, trong đó người dật mồi Việt Nam được trả từ 100 đến 500 USD và gia đình của cô gái Việt Nam được lãnh khoảng 2000-3000 USD.

* Để khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước, một quyết định ngày 19.8 của thủ tướng xác định rằng người trong nước được quyền nhận tiền do Việt kiều mang về hoặc gửi về dưới dạng tiền đồng cũng như ngoại tệ, được quyền bán lại, gửi tiết kiệm hay sử dụng ngoại tệ trong khuôn khổ của luật pháp, và không phải đóng thuế thu nhập trên các khoản tiền đó. Quyết định này có hiệu lực từ đầu tháng 9.

* Theo thống kê của Ủy ban người Việt Nam ở nước ngoài, cho đến cuối năm 1998, có 55 dự án đầu tư Việt kiều theo luật đầu tư nước ngoài với tổng số vốn 250 triệu USD, và 25 dự án đầu tư Việt kiều theo luật khuyến khích đầu tư trong nước với tổng số vốn 225 tỉ đồng (16 triệu USD). Chính phủ vừa cho phép thành lập một hiệp hội các doanh nghiệp Việt kiều tại Thành phố Hồ Chí Minh.

* Cuối tháng 8 vừa qua, lễ hội biểu diễn thời trang Big Q tại Berlin đã đón tiếp 59 nhà tạo mẫu thế giới, trong đó lần đầu tiên có một người Việt Nam là cô Minh Hạnh. Nhà thiết kế mẫu nổi tiếng của Thành phố Hồ Chí Minh đã giới thiệu 20 bộ mẫu thực hiện trên nhiều chất liệu nhưng chủ đạo vẫn là thổ cẩm.

* Đại hội Taekwondo thế giới lần thứ 2 đã diễn ra tháng 8 vừa qua tại Seoul (Hàn Quốc) với sự tham dự của 36 nước (612 võ sĩ) trong đó có đoàn Việt Nam (14 võ sĩ). Nguyễn Hoàng Thiên Thanh đã đoạt một huy chương vàng (quyển nam) và Nguyễn Thị Mỹ Lệ một huy chương bạc (hạng 47 kg nữ).

* Công an tỉnh Đồng Nai cho biết 600 nhân công của một hãng sản xuất giày, phần đông là phụ nữ, bị nhiễm độc sau khi ăn một loại nấm độc trong bữa cơm trưa. Họ đã được đưa vào bệnh viện và sau vài giờ điều trị họ đã rời khỏi nhà thương.

Năm qua đã có hàng ngàn trường hợp người bị nhiễm độc vì lương thực được chính thức kê khai, trong đó 41 tử nạn.

* Cho đến nay những công ty ngoại quốc phải nộp phương án xuất cảng cho bộ Thương Nghiệp. Từ nay họ có thể làm thẳng thủ tục với hải quan. Biện pháp được đưa ra nhằm thúc đẩy đầu tư nước ngoài. Mức đầu tư nước ngoài năm 1998 chỉ lên đến 4 tỷ đô la, so với 4,4 tỷ năm 1997 và 9,2 tỷ năm 1996.

* Khu đền cổ kính Angkor Wat sẽ là nơi Căm Bốt chính thức tổ chức đón thiên kỷ mới. Những người trách nhiệm cho biết họ chờ đợi khoảng 30 000 người tới dự, cả trong lẫn ngoài nước. Một chương trình âm thanh và ánh sáng tụ họp hơn ngàn diễn viên sẽ diễn lại lịch sử Cam Bốt. Dự đoán tổn kém sẽ lên đến khoảng 500 000 đô la.

* Việt Nam và Mỹ đã ký một thoả thuận về trao đổi mã đường bay và một thoả thuận về khoa học kỹ thuật trong chuyến đi thăm của bà Albright ngày 6.9. Bà Albright và Hoa Thịnh Đốn đã cố sức để Việt Nam ký hiệp ước thương mại Mỹ - Việt thương lượng xong trong hè, song người ta vẫn chưa biết cuộc đấu đá nội bộ nào đã khiến nhà cầm quyền Việt Nam lùi bước và sau dịp APEC, rồi dịp họp Liên hiệp quốc, hiệp định vẫn chưa được ký.

* Sau tổng bí thư Lê Khả Phiêu, thủ tướng Phan Văn Khải đã đi thăm Thụy Điển từ 19 đến 22 tháng 9. Tiếp đó, thủ tướng cũng sẽ đi thăm ba nước Bắc Âu Phần Lan, Na Uy và Đan Mạch. Các nước Bắc Âu đã thiết lập liên hệ ngoại giao với Việt Nam từ trong chiến tranh, và đã luôn luôn ủng hộ cuộc xây dựng lại đất nước của Việt Nam, với 2,3 tỷ đô la viện trợ cho tới nay, song đầu tư vào Việt Nam chưa nhiều.

* Một báo cáo chính thức cho biết bệnh sốt rét đã làm 54 người chết trên vùng Cao Nguyên trong 6 tháng đầu năm nay, tăng 9% so với năm ngoái. Dịch sốt rét đã lan mạnh vào các tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai và Kon Tum. Năm 1998 dịch sốt rét đã làm 400.000 người nhiễm bệnh, trong đó 183 người chết.

* Một mạng buôn lậu vũ khí về Việt Nam đã được phát hiện ở Vladivostok. Nhân một chuyến kiểm soát hàng hoá, hải quan Nga đã tìm thấy một hệ thống điều khiển vũ khí phòng

không được giấu trong những lưới cá. Đầu năm nay hải quan Vladivostok cũng đã chặn được một vụ khác buôn thiết bị tàu chiến và thiết giáp.

* Thư ký toàn quốc đảng cộng sản Pháp Robert Hue sẽ đi thăm Việt Nam từ ngày 27.9 đến 1.10. Chương trình thảo luận giữa hai đảng : Tổ chức mậu dịch thế giới (WTO) và các vấn đề đặt ra do nền kinh tế thế giới toàn cầu hoá. Đây là lần đầu tiên ông Hue tới Việt Nam. Ông đã đi thăm hai nước châu Á khác là Trung Quốc và Nhật Bản.

* Ngày 23.9, Việt Nam đã ký *Tuyên bố quốc tế về sản xuất sạch*, nhằm tăng cường chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường. Lễ ký đã được tổ chức tại Hà Nội, nhân cuộc họp đầu tiên của ASEAN về môi trường được triệu tập tại đây. Các nước ký kết *Tuyên bố* cam kết thay các quá trình sản xuất ô nhiễm bằng những công nghệ mới.

Hội nghị trung ương 7 và vấn đề quyền lực

Bế mạc hội nghị trung ương 7 (xem ĐĐ số 88) về các vấn đề tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và cải cách chính sách tiền lương..., tổng bí thư Lê Khả Phiêu đã nhắc lại một số quan điểm về quyền lực của đảng cộng sản Việt Nam.

Sau khi nhắc lại sự nhất trí của trung ương rằng “ *tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị còn nhiều điểm chưa hợp lý* ”, ông Phiêu cho rằng “ *vấn đề cấp bách nhất không phải chủ yếu là thu gọn và nhập một số ban Đảng hoặc một số cơ quan chính quyền, tách - nhập một số bộ hoặc đổi tên bộ này, bộ khác, mà điều quan trọng nhất, cấp bách nhất hiện nay trong việc sắp xếp và kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị là vấn đề chất lượng toàn diện của tổ chức và bộ máy, đặc biệt là chất lượng chính trị* ”.

Theo ông Phiêu, “ *kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị phải đạt cho được mục tiêu : Tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, tăng cường vai trò lãnh đạo bền vững của Đảng trong mọi tình huống và trên toàn bộ lĩnh vực của đời sống xã hội, bảo đảm cho đảng làm tròn nhiệm vụ... mà lịch sử và dân tộc đã giao phó...* ”

Trong một đoạn sau, ông Phiêu trở lại ý này và nhấn mạnh :

“ *Tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng ; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, là để bảo đảm Nhà nước mãi mãi là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, bảo đảm tất cả quyền lực thuộc về nhân dân. (...) Sự lãnh đạo của Đảng là thống nhất, toàn diện. Lãnh đạo thống nhất, toàn diện là lãnh đạo cả chính trị, tư tưởng và tổ chức, bao gồm tổ chức bộ máy và tổ chức lực lượng, đội ngũ cán bộ. Lịch sử, thời đại và nhân dân ta không cho phép chia sẻ quyền lực chính trị cho một thế lực nào khác. Mọi luận điểm tuyên truyền về “dân chủ tuyệt đối”, về nhân quyền cao hơn chủ quyền, đa nguyên, đa đảng v.v... đều là đối trá, lừa bịp. Quyền lực Nhà nước cũng là thống nhất. Quyền lực chỉ có một, không phân chia, song có sự phân công và phối hợp giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp.* ”

Trong một đoạn sau, ông nói rõ hơn về chính phủ :

“ *Đã là Nhà nước, đã là Chính phủ thì phải có đủ quyền lực và thực thi cho được quyền lực, phải quản lý cho được đất nước. (...) Không đủ quyền lực hoặc có quyền lực mà không biết thực thi, năng lực yếu mà lại không trong sạch thì không thể nói đến hiệu lực, hiệu quả của bộ máy, thậm chí có khi tẻ liệt. (...) Các vụ việc tham nhũng, ăn cắp, lãng phí, làm thất thoát tài sản của công, làm thiệt hại tính mạng và tài sản của nhân dân, cố tình vi phạm pháp luật, phải được các cơ quan pháp luật làm rõ và phải công khai báo cáo để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân biết. (...)* ”

Bộ Chính trị sẽ làm việc với từng ban của Trung ương Đảng, các ban cán sự đảng, các đảng ủy khối, cùng nghiên cứu xác định chức năng, nhiệm vụ để tránh chồng chéo, để nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng và đảng viên. ” (Nhân Dân 31/8/1999)

Vài lời nói thêm

Kể ra không dễ nói thêm gì về những đoạn văn trên đây của tổng bí thư đảng. Người ta không thể đếm hết trong bao nhiêu văn bản, bao nhiêu bài diễn văn đã xài xể các ngôn từ trên đây để chẳng nói gì cả. Nếu có hỏi các nhà lãnh đạo đảng hôm nay, chắc chẳng ai có thể giải thích được điều gì về cái gọi là “ bản chất giai cấp công nhân ” của đảng của họ. Ai có thể tin rằng sau những cuộc “ làm việc ” với bộ chính trị, bộ máy đảng và nhà nước sẽ trở thành trong sạch, hữu hiệu hơn - khi người ta biết sự bất lực kéo dài hàng mấy chục năm nay của những người lãnh đạo ấy trong việc giải quyết các vấn đề lớn của đất nước ? Chưa kể, ai biết con vi trùng tham nhũng đã đục khoét cơ thể của đảng vào tới cấp nào ?

Vậy thì, chuyện đùa, hay một lần nữa, các con ngoáo ộp lại được lời ra để hăm dọa những tiếng nói phản kháng từ chính trong những thành phần đảng viên đã hoặc đang mờ mắt trước thực trạng hủ hoá, thối nát khó cứu chữa được của một đảng toàn trị ? Còn nhân dân ? Trong lịch sử, nhiều thế lực đã từng chĩa súng vào nhân dân và mở to miệng nói thay cho họ. Chuyện quá tầm thường. Kết quả ra sao là một chuyện khác.

H.V.

Nguyễn Quang

ĐÔNG TIMOR : từ sự lụn bại của Indonesia đến sự phá sản của LHQ

Như thế là sau mấy tuần lễ hỗn loạn có tổ chức ở Đông Timor, chính phủ Indonesia đã phải lùi bước trước sức ép của công luận quốc tế và chấp nhận để Liên Hiệp Quốc gửi tới đó một lực lượng can gián gồm nhiều quốc gia. Phải chờ đợi sẽ có những manóptri hoãn, song cũng có thể hi vọng là những nhà cầm quyền có trách nhiệm sẽ tích cực ngăn chặn các cuộc tàn sát (con số nạn nhân hiện nay không thể nào kiểm chứng : từ 700 đến 7000 người) và tai hoạ nhân đạo (100 000 người di cư, 100 000 người đói rách đang lang thang nơi rừng núi). Nguyên uỷ thâm kịch này ở đâu ?

Từ diệt chủng đến tự quyết

Timor là một hòn đảo thuộc quần đảo Sonde, cách bờ biển Australia chưa đầy 500 kilomet. Thời thuộc địa, Timor bị cắt đôi : miền tây (15 850 km²) do Hà Lan chiếm đóng, miền đông (14 780 km²) là Portugal. Cuộc thôn tính Timor của Indonesia tiến hành theo hai bước : bước đầu (miền tây) ngay khi Indonesia giành được độc lập (năm 1949) ; bước thứ hai (miền đông) sau khi chính quyền Salazar sụp đổ ở Portugal (“ cách mạng cẩm chương ” năm 1975 ở Lisboa). Song Liên Hiệp Quốc coi việc quân đội Indonesia xâm chiếm miền đông đảo Timor (thuộc địa Portugal) đơn thuần là một cuộc thôn tính : cộng đồng quốc tế (ngoại trừ Australia) không hề thừa nhận chủ quyền của Indonesia trên miền này. Phải nói là lập trường của Djakarta (coi Đông Timor là “ tỉnh thứ 27 ”) không có cơ sở pháp lý hay thực tế nào cả : dân chúng Timor đa số theo Công giáo, nói tiếng Bồ (ngôn ngữ thứ nhì), văn hoá của họ là một nền văn hoá sơ khai nhưng lâu đời, chẳng có liên quan gì tới Nhà nước Hồi giáo Indonesia đầu sao cũng còn non trẻ. Trong suốt một phần tư thế kỷ, chính quyền độc tài Suharto ra sức triệt hạ sự đề kháng của dân tộc Timor bằng chính sách đồng hoá cưỡng bách : chuyển dân từ các đảo khác tới Đông Timor ; tập trung người bản địa vào các “ ấp chiến lược ” ; tàn sát hàng loạt ; ném bom napalm, rải chất độc khai quang (những từ ngữ quen thuộc gợi lại một cuộc chiến tranh 25 năm khác)... Theo Amnesty International, cuộc đàn áp và bỏ đói có tổ chức này đã làm cho 200 000 người chết (trong tổng số dân Timor năm 1975 ước tính là 600 000 người). Không có danh từ nào khác : đó là một cuộc *diệt chủng*. Một cuộc diệt chủng không ai biết tới, một phần vì Đông Timor ở xa, phần nữa là do sự yên lặng đồng lõa của những cường quốc : trước tiên phải kể Australia (kí kết hiệp định khai thác dầu mỏ với Indonesia) và Hoa Kỳ (sau khi “ mất ” Việt Nam, Hoa Kỳ muốn mơn trớn Indonesia là cột trụ của ASEAN). Sự nghiệp của dân tộc Timor, trong bao nhiêu năm dài, chỉ nhận

được sự ủng hộ của một số *militant* lẻ tẻ mà tận tụy ở một vài nước, phối hợp với nhau. Cuối cùng, họ đã thành công trong việc báo động dư luận quốc tế (điều này đã từng xảy ra trong lịch sử một vài phong trào giải phóng dân tộc). Năm 1996, giải Nobel hoà bình đã được trao tặng cho hai nhân vật của phong trào độc lập Timor : Jose-Ramos Horta và Carlos Belo (tổng giám mục Dili), nhưng phải đợi đến khi nổ ra cuộc khủng hoảng kinh tế và tài chính ở châu Á thì tình hình Đông Timor mới được khai thông. Sự sụp đổ của chế độ độc tài Suharto và sự suy yếu kéo dài của Indonesia dẫn tới quá trình tự quyết đang diễn ra.

Thất bại của Indonesia

Thực ra cuộc bỏ phiếu ngày 30.8 vừa qua không phải là một cuộc trưng cầu dân ý trên vấn đề độc lập của Đông Timor. Câu hỏi mà cử tri phải trả lời là : chấp nhận hay không chấp nhận một quy chế tự trị trong khuôn khổ Indonesia – trên thực tế, *không chấp nhận* quy chế đó tức là đòi độc lập. Mặc dầu các lực lượng “ dân quân ” thân Indonesia mở ra những chiến dịch đe dọa hết sức bạo liệt trong suốt mấy tháng, 98 % người dân đã đi đầu phiếu, và 78 % cử tri đã bỏ phiếu “ không ” : ít thấy một tấm gương dũng cảm và tinh thần công dân cao quý như vậy. Kết quả cuộc bầu cử đã được UNAMET, phái bộ quan sát của LHQ, bảo đảm và công bố, và được dư luận quốc tế hoan nghênh. Lẽ ra, Đại hội quốc dân mới của Indonesia sắp họp tháng 11 tới đây sẽ phải chính thức thừa nhận, mở ra con đường hoà bình dẫn tới độc lập của Đông Timor. Thế nhưng quân đội và công an Indonesia đã tung âm binh là các đội “ dân quân ” gây ra bạo hành, tàn sát, hỗn loạn. Thái độ cù nhậy của Djakarta khiến người ta hoài nghi những lời tuyên bố tôn trọng quyền tự quyết của Đông Timor. Quyết định rút phái bộ UNAMET trong tình hình bí thảm ở Dili làm dư luận phải xét lại vai trò của LHQ. Tình hình hiện nay ở Đông Timor còn bấp bênh và chưa có gì rõ nét, song ngay từ bây giờ, ta có thể đánh giá sơ bộ trách nhiệm của các bên hữu quan :

Về phía Indonesia, phải nói là thân bại danh liệt hoàn toàn : chính phủ không còn uy tín, quân đội mất hết thanh danh, hình ảnh Indonesia trên sân khấu quốc tế hết sức xấu vào đúng thời điểm mà đất nước này cần sự giúp đỡ của nước ngoài. Người ta hầu như quên rằng chính tổng thống Habibie đã một mình quyết định tổ chức cuộc trưng cầu dân ý, một quyết định bất ngờ đối với các giới chính trị và quân sự (đa phần đều chống lại Đông Timor độc lập). Mang tiếng là “ từ lò Suharto mà ra ”, bản thân không có danh nghĩa gì, Habibie mắc kẹt trong cuộc khủng hoảng kinh tế và lịch bầu cử (tháng 6, xem *Diễn Đàn* số 87), nên chắc hẳn đã muốn đi một nước cờ chính trị bất ngờ. Không may, thế cờ đã lật ngược, và diễn biến tình hình mấy tháng qua làm lộ rõ chân tướng của Habibie : một con rối trong tay giới quân sự.

Quân đội Indonesia, như mọi người đều biết, đóng một vai trò đã được định chế trong Hiến pháp (xem bài báo kể trên). Trong vụ Timor, rõ ràng là ngay từ đầu, chính quân đội đã tài trợ, tổ chức và huấn luyện các đơn vị “ dân quân ” để khủng bố dân chúng Đông Timor trước ngày bỏ phiếu và sau đó tiến hành cuộc “ thanh lọc chính trị ” (xem báo cáo của UNAMET đã đăng trên báo chí quốc tế). Cho dù họ đã thủ tiêu được những phân tử ưu tú của phong trào độc lập của Timor đi nữa, thử hỏi quân đội Indonesia đã giành được cái gì ? Họ không

ngăn cản nổi quá trình tự quyết, và bây giờ lại bị mất hết thể diện : phải chấp nhận sự có mặt của một lực lượng đa quốc tới đây lập lại một nền trật tự mà họ không đã không duy trì nổi.

Phải chăng đó là thất bại cá nhân của người cầm đầu quân đội, đại tướng Wiranto mà người ta vẫn coi là “ người hùng ” của chế độ ? Không thể quên rằng cơ cấu quyền lực của quân đội Indonesia phản ánh cơ cấu của xã hội Java, dựa trên quan hệ phe phái. Từ ngày thôn tính Đông Timor năm 1975, các Lực lượng đặc biệt (Kopassus) và bộ máy tình báo đã trị vì trên toàn đảo như một lãnh địa phong kiến, biến ngân sách hành quân thành quỹ riêng. Quyền lợi kinh tế của giới chỉ huy quân khu này là kéo dài nguyên trạng. Cộng vào đó là cái “ kiêu ” và cái “ dốt ” sẵn có của quân nhân, như nhà chính trị học Indonesia, ông Mohammad Hikam, đã nói : sự kiêu căng của những kẻ tự coi mình là lá chắn của sự thống nhất quốc gia mà lại hoàn toàn dốt nát, không hiểu diễn biến của thế giới hiện đại và bối cảnh quốc tế mới. Nhìn như vậy, tướng Wiranto là thủ lĩnh của một phe, không kiểm soát nổi cánh mafia quân đội ở Đông Timor. Vốn là con người mưu mẹo, rất có thể Wiranto sẽ thoát hiểm bằng cách ủng hộ lãnh tụ đối lập, bà “ Mega ”, trong cuộc bầu cử tổng thống tháng 11 tới đây (người ta nói Wiranto rất “ hầu ” với “ Mega ”, ít nhất cũng “ hầu ” hơn là với tổng thống đương nhiệm Habibie).

LHQ phá sản ?

Chúng kiến cảnh UNAMET rút nhân viên khỏi nước mình, một người Timor tị nạn đã phải thốt lên : “ *Tôi tưởng LHQ là một thứ Superman, không đời nào để Indonesia hạ nhục... Nào ngờ họ rút đi, bỏ mặc chúng tôi* ”. Một viên cảnh sát người Ireland còn ví cuộc rút người của LHQ như “ *con chó cụp đuôi mà chuẩn* ”. Phải nói rằng, từ đầu đến cuối, LHQ đã không làm tròn nhiệm vụ của mình. Thứ nhất, LHQ đã chấp nhận gửi quan sát viên không vũ trang tới Timor, phó mặc cho quân đội và công an Indonesia việc duy trì trật tự (một điều nghịch lý vì LHQ không hề thừa nhận chủ quyền của Indonesia ở đó). Thứ hai, LHQ làm ngơ khi nhận được các bản báo cáo nội bộ của UNAMET về chiến dịch khủng bố mà bọn “ dân quân ” đang chuẩn bị (xem phần trên). Và cuối cùng... là bài chuẩn như vừa kể. Viên cảnh sát nói trên còn nhận xét : “ *Cái kẹt đối với LHQ là mỗi lần phải đụng chạm với chính phủ nước nào, LHQ cũng chọn con đường ít đụng chạm nhất* ”. Đúng như thế. Từ khi chiến tranh lạnh kết thúc và thế lưỡng cực không còn nữa, cung cách LHQ xử lý các cuộc xung đột khu vực (ở châu Phi, vùng Balkan, và nay ở châu Á) là một chuỗi dài những sự thoả hiệp, thụt lui, đầu hàng... : đỉnh cao của sự bất lực nhục nhã đó, theo chúng tôi, là khi các đơn vị Mũ xanh (người Hà Lan) đã bỏ mặc cho bọn sát nhân Serbia triệt hạ Srebrenica (Bosnia), một thành phố mà chính LHQ đã tuyên bố là “ *vùng lỏm được bảo vệ* ”. Ai dám đoán chắc rằng một thảm kịch tương tự sẽ không xảy ra ở Đông Timor, khi chúng ta biết rằng, cách đây không lâu, chính quân đội Indonesia đã thủ tiêu một triệu người “ cộng sản ” ?

Từ sự bất lực của LHQ, có (nhiều) người rút ra hai bài học. Một là, pháp luật không sức mạnh thì không là gì hết. Hai là, hãy thầy kẻ LHQ phá sản, và phải dựa vào lực lượng vũ trang của các nước, hay liên minh của một số nước – như NATO đã làm ở Kosovo – để buộc các quốc gia phạm pháp phải tôn trọng pháp lý quốc tế. Người ta có thể tán thành kết luận thứ

nhất (đáng buồn là thế) song không vì thế mà phải đi tới kết luận thứ nhì. Sự bất lực của LHQ xuất phát từ việc nó không thể hành động nếu không có quyết định nhất trí của Hội đồng Bảo an (mà trong vụ Timor, nếu Indonesia không chịu chấp nhận đội quân quốc tế thì có lẽ Trung Quốc sẽ dùng quyền phủ quyết ; điều này rất có thể, nếu ta nhớ tới mối lo Tây Tạng của Bắc Kinh). Mà cho dù được Hội đồng Bảo an uỷ quyền đi nữa, LHQ không có lực lượng quân sự, cũng phải dựa vào các nước thành viên. Nói khác đi, sự bất lực của LHQ là do chính các nước thành viên không nhận thức đúng quyền lợi của chính họ. Không ai chối cãi là các nguyên tắc vận hành của LHQ không còn phù hợp với thế giới đa cực của thời kỳ sau chiến tranh lạnh, song không thể vì thế mà hấp tấp thay thế lực lượng của LHQ bằng lực lượng của các quốc gia (xin lấy một thí dụ : hãy tưởng tượng cái cảnh Trung Quốc mang lực lượng của mình tuần hành trong vùng biển mà Bắc Kinh gọi là Biển Trung Hoa ?).

Thế hệ con em chúng ta trong thế kỉ sắp tới sẽ phải vận dụng nhiệt tâm và sáng tạo để lập ra những công cụ hoà bình mới như thế hệ tiền bối trong thế kỉ trước đã lập ra Hội quốc liên, rồi Liên Hiệp Quốc. Không quên Toà án Hình sự Quốc tế đang hình thành (việc ông Tổng thư kí LHQ đe dọa truy tố những nhà lãnh đạo Indonesia về tội ác chống nhân loại có lẽ cũng đã làm họ phải suy nghĩ). Một nỗi trạng tâm lý mới đã xuất hiện trong đời sống quốc tế. Bên cạnh hai sự kiện mọi người đều biết là việc truy tố Pinochet và Milosevic, xin nhắc lại một thông tin từ đầu mùa hè mà ít ai để ý : trong khuôn khổ hợp tác quân sự giữa Pháp và Mauritanie, đại uý Ely Ould Dha tới Montpellier để tập huấn quân sự ; ông ta đã bị bắt và truy tố về “ tội tra tấn ” mà nạn nhân là những người Mauritanie. Một bước tiến chưa từng có trong lịch sử cuộc đấu tranh chống lại tình trạng *tội ác không bị trừng trị* : đây là lần đầu tiên trên lãnh thổ một quốc gia (Pháp), một người ngoại quốc bị truy tố vì sự vi phạm quyền con người đã diễn ra ở một quốc gia khác (Mauritanie) đối với những người ngoại quốc khác (trong trường hợp này, là những người Mauritanie) [*biên luận của người đánh máy* : Henry Kissinger không phải là độc giả của Diễn Đàn, nên chắc vẫn phây phây ghé Paris du hí. Nhưng, biết đâu nhỉ ? Bao giờ cho đến tháng mười !]

Nguyễn Quang

Cơ hội của... chùa

Tháng 10 năm 1999, Diễn đàn vừa tròn chín tuổi ta. Nhờ sự hiếu khách hiếm có của bạn bè ở Thụy Sĩ, số báo mùa thu này đã được thực hiện dưới ánh trăng rằm (giữa hai cơn mây mù) bên bờ hồ Léman với sự đóng góp tích cực của những chai Pierrafeu Valais AOC 1998, Terre de feu, fendant du Valais AOC 1996, Château La Rose - Trimoulet St-Emilion grand cru 1986, Vinho Verde Casal Garcia, Borex 1998, Château Beaumont Haut-Médoc Cru bourgeois 1990, Nuits-St-Georges 1er cru Les Forêts St-Georges 1993, Château d'Issan Margaux 1992, Château Marsac Séguineau Margaux 1991, Bourgogne Irancy 1996.

Mấy giải pháp cấp bách về giáo dục

Hoàng Tụy

Nhìn vào thực trạng giáo dục hiện nay, có thể thấy một số khó khăn phức tạp thật ra không đáng có, đã nảy sinh và trở nên trầm trọng chủ yếu do cách quản lý và điều hành chưa tốt :

1) Thi cử nặng nề quá mức cần thiết, gây nên một áp lực tâm lý và tổn phí vật chất không thể chấp nhận được cho xã hội, cho mọi gia đình ;

2) Dạy thêm luyện thi tràn lan, ảnh hưởng tệ hại đến uy tín nghề giáo và chất lượng giáo dục ;

3) Chi phí cho sách giáo khoa quá cao so với hiệu quả sử dụng, mỗi năm đều in mới, rất tốn kém mà không có điều kiện cải tiến cả nội dung lẫn hình thức.

Cả ba vấn đề này đã được nêu lên từ nhiều năm nay nhưng cho đến nay vẫn chưa được xử lý thỏa đáng, dần dần trở thành nỗi lo triền miên của xã hội. Vì những lực cản tự tạo đó, giáo dục không tiến lên nổi, nói đúng hơn là tiến lên chậm chạp, không đáp ứng yêu cầu và không tương xứng công sức và tiền của đầu tư cho nó (trong đó phải kể cả sự đóng góp to lớn của dân). Trong một thời đại mà giáo dục theo lối nhồi nhét kiến thức bị lên án mạnh mẽ khắp nơi thì nước ta khuynh hướng đó vẫn công nhiên tồn tại, hơn nữa được tiếp tục nuôi dưỡng bởi tâm lý chuộng khoa cử, bằng cấp, hư danh lan tràn trong xã hội.

Với một tư duy giáo dục lạc hậu như vậy làm sao có thể đào tạo những con người đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong môi trường thế giới hiện đại.

Nói như vậy, tôi hoàn toàn không trách các thầy, cô giáo. Trong những điều kiện khó khăn vừa qua nếu không có sự hy sinh cố gắng rất lớn của các thầy, cô giáo và truyền thống hiếu học của nhân dân thì chắc giáo dục còn xuống cấp nhiều nữa. Sở dĩ hôm nay chúng ta còn có chỗ tự hào được, một phần là nhờ ở cái gia tài thừa hưởng của các thế hệ trước, và phần nữa do phẩm chất cao quý của nhân dân ta, trong thiếu thốn vẫn luôn luôn thiết tha với sự học của con cháu. Điều cần nhấn mạnh là : chính vì thế để khỏi phụ những cố gắng của các thầy, cô giáo và sự hy sinh chất chịu của nhân dân, chúng ta không có quyền để kéo dài tình trạng sa lầy của giáo dục vào những khó khăn không đáng có. Mong rằng những kiến nghị sau đây sẽ được sự quan tâm của các cơ quan có trách nhiệm, nhờ đó góp phần làm thay đổi tư duy giáo dục, tìm biện pháp kiên quyết khắc phục các khó khăn nêu trên, tạo nên một cục diện mới trong nhà trường.

Cải cách thi cử

Thi cử là việc bình thường trong quá trình học tập. Song thi cử mà đến mức sinh ra bao cảnh nhọc nhằn, đau khổ, căng thẳng toàn xã hội, và phơi bày bao thủ đoạn gian lận đáng xấu hổ như mấy năm qua thì quả là hiếm thấy. Thi tú tài, thi vào đại học đã vậy, đến như thi cao học, mà thí sinh phần lớn đã (hay sắp sửa) là cán bộ, thầy giáo, cảnh tượng diễn ra cũng chẳng đẹp

đẽ gì hơn (quay cóp, gian lận y như học sinh, theo sự phản ánh của báo chí). Mà có cần thiết phải như vậy không ? Theo ước tính, chỉ nguyên một kỳ thi vào đại học đã tốn cả nghìn tỷ đồng mà đó là chỉ một kỳ thi, và mới tính những chi phí trực tiếp, nếu tính hết mọi chi phí của Nhà nước và nhân dân thì chắc chắn mỗi năm ta đã đổ vào chuyện thi cử mấy chục nghìn tỷ, chưa kể tác dụng tiêu cực gián tiếp đối với mọi mặt phát triển của xã hội. Để khắc phục tình hình đó, tôi nghĩ cần kiên quyết thực hiện các biện pháp sau đây :

1 - Giảm bớt số kỳ thi

Bỏ hẳn thi tiểu học và thi trung học cơ sở. Học sinh hết năm cuối tiểu học (hay trung học cơ sở), nếu đủ điểm trung bình thì được cấp chứng chỉ học hết tiểu học (hay trung học cơ sở). Đồng thời thi học kỳ nghiêm túc, ở lớp 5 và lớp 9. Trước đây ta đã có thời kỳ dài làm như vậy, và phần đông các nước cũng chỉ thi một lần cuối trung học phổ thông.

2 - **Phân tán tổ chức thi.** Giao cho từng Sở chịu trách nhiệm tổ chức thi tú tài ở địa phương mình (cả ra đề, chấm thi và công bố kết quả), với sự giám sát của Bộ. Các nước đều làm như vậy, ta trước đây cũng làm như vậy mà có sao đâu. Thi tuyển vào đại học cũng không tập trung ở một số thành phố lớn, mà tổ chức thi ở các địa phương, chỉ tập trung bài thi để chấm tại hội đồng từng trường.

3 - **Thu hẹp diện dự tuyển vào các cấp học.** Thật ra trung học phổ thông phải tiến đến chỗ mở cửa cho mọi người, và phải có đủ trường dạy nghề, trường kỹ thuật trung cấp hay cao

đẳng, và có cơ chế thích hợp để học sinh không đổ xô hết vào đại học.

Trong tình hình chưa làm được như thế mà phải thi tuyển vào các cấp học thì nên thu hẹp diện dự tuyển bằng cách tuyển thẳng một số giỏi và loại trừ một số quá ít hy vọng. Tiêu chuẩn được tuyển thẳng không nên xác định dựa vào một số điểm tuyệt đối như lâu nay thường làm mà căn cứ theo sự xếp hạng trong lớp và ở mỗi địa phương, chẳng hạn : đối với trung

học phổ thông, lấy số người thuộc 10 % giỏi nhất theo sự xếp hạng qua các kỳ thi hai học kỳ năm lớp 9 (theo từng lớp), còn đối với đại học, lấy số người vừa thuộc 5 % giỏi nhất ở lớp 12 (theo từng lớp), vừa thuộc 5 % có điểm trung bình cao nhất trong kỳ thi tú tài ở nơi thi. Đương nhiên, con số 5 % hay 10 % chỉ là thí dụ, trong thực tế có thể tùy tình hình mà định tỷ lệ thích hợp, và cần có quy định riêng đối với các lớp chuyên và học sinh đoạt các giải quốc gia hay quốc tế.

Ngoài số được tuyển thẳng, nên quy định điều kiện dự tuyển để hạn chế số thí sinh học yếu dự tuyển. Đối với đại học, nên coi kỳ thi tú tài có giá trị như một kỳ thi sơ tuyển vào đại học, và dựa vào kết quả đó quy định điều kiện dự tuyển đại học, sao cho tổng số thí sinh dự tuyển nói chung chỉ gấp 2 hoặc 3 lần khả năng thu nhận, và tiêu chuẩn được dự tuyển dựa vào thứ tự xếp hạng (theo kết quả cao thấp) trong kỳ thi tú tài ở mỗi địa phương. (Do phải chú ý nguyện vọng ngành học của học sinh nên cách làm có thể phải linh hoạt hơn, nhưng dù sao những học sinh rõ ràng quá ít hy vọng không nên được khuyến khích dự tuyển).

Cách xác định tiêu chuẩn được tuyển thẳng như trên sẽ không phụ thuộc cách cho điểm rộng hẹp khác nhau và trình độ chênh lệch về điều kiện học tập ở các địa phương. Cơ sở khoa học của nó là : tuy về kiến thức, 5 % giỏi nhất ở các địa phương

nghèo có thể chưa bằng được ngay 5 % giỏi nhất ở các tỉnh thành phố lớn, nhưng về tiềm lực trí tuệ thì đại thể có thể coi như ngang nhau, cho nên về lâu dài số 5 % học sinh giỏi nhất ở các địa phương sẽ không thua kém số ở các thành phố lớn (cũng vì lẽ tương tự mà học sinh giỏi trong nước khi ra các nước ngoài vẫn có thể học giỏi được). Và lại tiêu chuẩn đó mới công bằng, tránh cho học sinh giỏi ở các địa phương nghèo khỏi bị thiệt thòi chỉ vì điều kiện học tập kém hơn, và tạo cơ hội bình đẳng cho học sinh giỏi ở các địa phương khác nhau.

Làm được những việc trên, thi cử sẽ nhẹ nhàng, ít tốn kém, học sinh sẽ chú trọng nhiều hơn đến việc học bình thường hằng ngày, việc luyện thi sẽ giảm bớt vì ít nhu cầu, cả xã hội sẽ đỡ căng thẳng chuyện thi cử, có thể dành tinh lực và tiền của vào những việc có ích hơn. Sẽ không còn cảnh tượng hàng mấy chục vạn sĩ tử (cùng với người thân đi kèm) lều chõng về thành phố đi thi như đã thành lệ từ mấy năm nay. Đồng thời nguồn tài chính tiết kiệm được nhờ giảm nhẹ thi cử có thể dùng tăng cường công tác thanh tra chuyên môn ở các cấp và các địa phương.

Chấm dứt dạy thêm, luyện thi

Do áp lực thi cử và đồng lương quá thấp của giáo viên nên việc dạy thêm, học thêm tràn lan và luyện thi vô tội vạ đã thành một nét đặc trưng của nền giáo dục Việt Nam từ nhiều năm nay.

Đặc trưng vì khó tìm thấy ở đâu khác, và phải nói rõ, chẳng đẹp đẽ gì. Không những nó làm hao tiền tốn của cho cả thầy, trò, và cha mẹ học trò, nó còn có hại nhiều hơn có lợi cho việc rèn luyện con người. Học sinh suốt ngày nghe giảng một cách thụ động, có khi lên lớp từ sáng sớm đến tối mịt, môn nào cũng học đi học lại các bài mẫu, học thuộc lòng những quy tắc, kinh nghiệm, mẹo vặt để xử lý những trường hợp oái oăm có thể gặp hay không trong các kỳ thi, còn đâu thì giờ suy nghĩ độc lập, còn đâu sức để phát triển tưởng tượng, còn đâu chỗ để rèn luyện sáng tạo. Do đó, họ sẽ lên lớp, sẽ qua được các kỳ thi, có thể đạt điểm cao nữa, nhưng ra đời họ sẽ không đua tranh nổi với bạn bè các nước có một nền giáo dục tiên tiến hơn.

Tiếc rằng dạy thêm, học thêm tràn lan tuy đã bị phê phán, nhưng đến nay vẫn chưa có dấu hiệu chấm dứt mà chỉ mới được chấn chỉnh cho có trật tự hơn (cấp giấy phép và theo dõi quản lý, cũng giống như trường chuyên nay biến tướng thành chất lượng cao). Với cách giải quyết hình thức như vậy còn lâu giáo dục mới thoát khỏi cảnh sa lầy.

Theo kinh nghiệm, không thể cấm dạy thêm, hay luyện thi bằng một chỉ thị hành chính. Có thực mới vực được đạo, cho nên chừng nào tiền lương còn chưa đủ sống thì dạy thêm và luyện thi còn có lý do chính đáng để tồn tại (vì dù sao dạy thêm còn tốt hơn là bỏ dạy), hơn nữa với chế độ học hành thi cử như hiện nay thì học thêm và luyện thi biến thành nhu cầu có thật. Vậy chìa khóa giải quyết vấn đề này ở chỗ khác. Phải cải cách thi cử để luyện thi không còn là nhu cầu phổ biến, và phải trả lương cho thầy, cô giáo đủ để không đẩy họ phải kiếm sống bằng dạy thêm. Chuyện thi cử đã nói ở trên, còn làm sao để trả lương đúng mức cho giáo viên thì có thể đề nghị giải pháp như sau :

1- Đóng học phí thay cho mọi khoản đóng góp. Trên thực tế, học sinh ở mọi cấp hiện nay đều phải đóng góp nhiều khoản khác nhau, và hầu như trò nào cũng phải học thêm (trừ ở các địa phương xa thành phố). Cộng mọi khoản mỗi trò hàng tháng phải đóng góp trung bình một số tiền không nhỏ. Mặt khác giờ học thêm mới thật là giờ học quan trọng. Vậy nên chẳng gộp hết mọi

khoản đóng góp thành **học phí**, thu thống nhất cho mỗi cấp học (mức thu ở thành phố cao hơn ở nông thôn) và thu vào ngân sách Nhà nước, chứ không để từng trường quản lý. Mọi khoản chi tiêu của nhà trường lâu nay dựa vào đóng góp của phụ huynh sẽ được cấp từ ngân sách.

2- Trả lương chính thức cho giáo viên bằng tiền ngân sách, đủ bảo đảm cho họ mức sống ngang mức sống trung bình của công chức. Sau khi thu học phí và nộp vào ngân sách thì thực hiện trả lương như thế không phải là khó khăn, vì tổng số tiền Nhà nước phải chi từ ngân sách vẫn như trước. Mà chỉ có như vậy mới công bằng và mới khuyến khích được năng suất và chất lượng lao động trong giáo dục.

3 - Trên cơ sở bảo đảm mức sống ổn định, xứng đáng với vị trí nghề giáo trong xã hội, sẽ cấm hẳn mọi lớp dạy thêm và luyện thi (ít nhất tạm thời). Đồng thời yêu cầu giáo viên lên lớp các giờ chính thức với trách nhiệm tối đa, và tăng cường thanh tra chuyên môn để đảm bảo thực hiện đúng đắn các chế độ đã quy định. Học sinh sẽ không cần học thêm ngoài các giờ chính thức.

4 - Sử dụng một phần thì giờ trước đây dành cho các buổi dạy thêm để tăng cường những hoạt động ngoại khóa hoặc tự học của học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên, đồng thời tổ chức có hệ thống việc **bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ cho bản thân giáo viên** theo những phương thức khác nhau, nhằm đáp ứng yêu cầu tiến lên hiện đại hóa giáo dục. Từ hàng chục năm nay, phương pháp giảng dạy trong nhà trường của ta ít thay đổi, học sinh chỉ được học theo một hình thức duy nhất là lên lớp nghe giảng, chương trình nhiều môn lại cũ kỹ, lạc hậu không theo kịp bước tiến của khoa học. Do đó yêu cầu hiện đại hóa giáo dục đòi hỏi phải cấp bách bồi dưỡng giáo viên và tạo điều kiện cho họ có khả năng thường xuyên tự nâng cao trình độ kiến thức và nghiệp vụ.

Thực hiện được giải pháp trên cũng có nghĩa là sòng phẳng với dân « đóng góp » (lâu nay khác gì học phí), và công bằng đối với thầy, cô giáo (xóa bỏ sự bất hợp lý của đồng lương). Nhà trường sẽ không còn là cái chợ để mua bán chữ, ở đó cả người bán và người mua đều cảm thấy xót xa cho sự sa đọa của một nghề cao quý lẽ ra phải được tôn vinh. Cả thầy và trò sẽ cảm thấy thoải mái hơn, có nhiều thì giờ hơn để dạy dỗ nhau theo nghĩa tốt đẹp, văn minh nhất, để nhà trường thật sự là nơi rèn đức nhân cách, một nơi mà suốt đời mỗi người sẽ mãi mãi nhớ đến với lòng kính trọng và biết ơn.

Sách giáo khoa

Như đã nói trên, chương trình giảng dạy ở các cấp học của ta đã lâu ít thay đổi, hiện có nhiều phần không còn thích hợp nữa. Tuy nhiên, việc soạn thảo một chương trình mới, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa giáo dục, đòi hỏi phải có thời gian nghiên cứu và phải có tổ chức thích hợp. Chương trình là một hệ thống, không thể tùy tiện cắt xén, thêm bớt khi chưa nghiên cứu kỹ toàn bộ. Và lại, thay đổi chương trình xoành xoạch là điều tối kỵ trong giáo dục. Nói như vậy không có nghĩa là cứ giữ khư khư chương trình cũ, mà cần có kế hoạch để sau một số năm tiến tới một chương trình mới, tương đối hoàn chỉnh, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa, có thể dùng ổn định trong khoảng mười năm. Đường như chưa mấy ai quan tâm đầy đủ việc này.

Một điều lạ là tuy chương trình ít thay đổi mà sách giáo khoa thì năm nào cũng in lại, in mới, khiến sách năm trước không dùng được cho năm sau và trong mỗi gia đình, em không dùng được

sách của anh chị để lại. Thật là một sự lãng phí lớn. Không có nước nào, kể cả các nước giàu, xài sách giáo khoa nông như vậy.

Do hàng năm phải bỏ sách cũ, in sách mới, nên rất tốn kém, không đủ tiền đầu tư cải tiến cả nội dung lẫn hình thức, khiến cho nội dung đã yếu mà hình thức luôn luôn mang vẻ tạm bợ, in và trình bày thiếu hấp dẫn, không tiện lợi khi sử dụng. Điều đau khổ là vì sách đắt nên trẻ em nhà nghèo, nhất là ở các vùng nông thôn, không mua nổi. Nghe nói có nơi, học sinh không có sách, thầy giáo đến lớp phải đọc cho học sinh chép bài từ đầu giờ đến cuối giờ. Có thể nào tưởng tượng nổi một lớp học như thế ở cuối thế kỷ 20 trên đất nước ta ?

Đất nước còn nghèo, mỗi đồng bạc đều thấm đậm mồ hôi và nước mắt của dân, tiết kiệm cũng là một ý thức chính trị (nhân đây xin nói ở nhiều nước phát triển Âu, Mỹ học sinh không mặc đồng phục, không hiểu vì sao ta nghèo mà các trường cứ đua nhau bắt học sinh sắm đồng phục, lại còn muốn đồng phục thống nhất).

Trên tinh thần đó, xin có mấy đề nghị:

1 - Trong 5 năm tới, tạm giữ ổn định chương trình và sách giáo khoa. Do đó cần in sách như thế nào để phân phối đủ cho các trường và đầu năm học mỗi học sinh có thể thuê một bộ sách (với giá rẻ), cuối năm trả lại để dùng cho học sinh năm sau. Hàng năm không in lại toàn bộ, mà chỉ in một số nhỏ bổ sung những sách hư hỏng, mất mát, hoặc để dùng cho số học sinh tăng thêm. Vì sách phải dùng lâu nên phải bền chắc hơn (bìa cứng), in tốt hơn, trình bày đúng đắn nhưng hấp dẫn (hình vẽ, chữ mẫu, v.v...), dễ dùng, dễ học, hợp với tâm lý đối tượng. Về một số môn như toán, vật lý, sử, địa, v.v... nên in gộp một cuốn cho cả cấp về môn đó chứ không chia ra từng lớp, vì trong thực tế học sinh thường phải xem lại những phần đã học ở các năm trước. Sách không nhất thiết phải sát đúng chương trình 100% mà có thể rộng hơn phần nào, để sau này còn dùng được khi chương trình thay đổi không nhiều, và học sinh giỏi cũng có thể tự học thêm.

2 - Ngay bây giờ tổ chức việc nghiên cứu, biên soạn chương trình và sách giáo khoa mới cho giai đoạn sau 2004, huy động được sự đóng góp trí tuệ và kinh nghiệm của các nhà giáo dục và khoa học ưu tú trong cả nước. Tham khảo đầy đủ kinh nghiệm các nước, sử dụng những tiến bộ khoa học, công nghệ mới, để có được một bộ chương trình và sách giáo khoa về cơ bản có thể dùng ổn định trong khoảng mười năm sau này. Vì đây là giai đoạn công nghệ tiến cực nhanh, nên cần theo dõi sát kinh nghiệm các nước để khỏi lạc hậu, nhưng cũng không nên cầu toàn quá.

3 - Đi đôi với chương trình và sách giáo khoa cần nghiên cứu nghiêm túc để đổi mới phương pháp giảng dạy và giáo dục trong nhà trường, loại bỏ lối dạy nhồi nhét kiến thức sách vở theo kiểu từ chương cổ lỗ, tiến đến một nhà trường mới, hiện đại, theo kịp trào lưu thế giới, phục vụ tốt hơn cho sự phát triển của đất nước trong thời kỳ mới.

Trên đây là những giải pháp không đòi hỏi tăng đầu tư (dù của Nhà nước hay của dân) mà chỉ là sử dụng hợp lý hơn các nguồn về tài chính, nhân lực, các phương tiện trong tầm tay để tháo gỡ những ách tắc kinh niên tự ta dựng lên trong mấy năm qua. Thật ra đầu tư cho giáo dục chưa đủ để đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, song nếu không khắc phục được các khó khăn trên thì dù tăng thêm đầu tư bao nhiêu cũng khó vực giáo dục lên được.

Tuy không đòi hỏi tăng đầu tư song thực hiện các giải pháp trên đòi hỏi quyết tâm và can đảm, về ý thức, phải thay đổi **tư duy giáo dục**, và về thực tiễn cần giải quyết đúng đắn chế độ **đãi ngộ giáo viên**, mỗi bộ phận của vấn đề **tiền lương** công chức - điều bất hợp lý lớn đang để ra nhiều ách tắc tiêu cực trong xã hội.

Dẫu sao cũng không thừa nếu nhắc lại rằng sự tụt hậu về giáo dục sẽ có hậu quả không lường đối với sự phát triển mọi mặt của đất nước, và đó là cái giá đắt không nên buộc các thế hệ sau phải trả cho sự thiếu trách nhiệm hôm nay của chúng ta.

Giáo sư Hoàng Tuy
(Báo Văn Nghệ)

TIN NGẮN (tiếp theo trang 9)

* Trước những dư luận cho rằng có hiện tượng “chạy điểm”, gian lận trong hồ sơ học sinh “giỏi” phổ thông trung học được vào đại học không phải thi tuyển, bộ giáo dục-đào tạo vừa có quyết định thanh tra toàn bộ số học sinh được tuyển thẳng vô đại học trong ba năm từ 1996 đến nay. Khoảng 10 000 trường hợp sẽ được khảo sát, xét lại học bạ lớp 12 và chấm lại các bài thi tốt nghiệp !

* Bốn tháng sau khi xử án vụ Tân Trường Sanh, Tổng cục hải quan mới thông báo hình thức kỷ luật đối với lãnh đạo hải quan TPHCM : “cảnh cáo” cục trưởng Nguyễn Trung Học và phó cục trưởng Trang Thanh Tân, cho phó cục trưởng Phạm Hoàng Hưng “thôi giữ chức”, “khiển trách” phó cục trưởng Uông Sĩ Hồng. Còn lãnh đạo Tổng cục thì cho biết là đã “tự nhận hình thức kỷ luật là cảnh cáo” !

* Bộ công an cho biết vừa phát hiện đường dây ma túy lớn nhất từ trước tới nay, qui mô gấp nhiều lần đường dây xuyên quốc gia của Xiêng Phênh - Vũ Xuân Trường bị phá vỡ năm 1996. Hơn 120 người hoạt động ở 14 tỉnh, thành đã bị bắt giữ trong tháng 8, gồm có cả sĩ quan công an và cán bộ, viên chức.

* Theo số liệu của bộ tư pháp, cả nước hiện có tới 108 602 vụ án đã xử nhưng chưa thi hành án với tổng số tiền chưa thu hồi lên đến 3 252 tỉ đồng. Điều đáng chú ý là trong những vụ án ma túy và kinh tế lớn, khi tiến hành khởi tố, cơ quan tố tụng đôi khi “quên” không phong tỏa tài sản, để đến khi tòa án tuyên phạt thì bị cáo đã kịp tẩu tán tài sản.

* Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình đã cách chức ông Nguyễn Phúc Luật, giám đốc sở tư pháp, vì đã để xảy ra việc buôn bán con nuôi cho người nước ngoài ngay trong trụ sở cơ quan. Ông Luật đã cho phép một trường phòng, ông Vũ Tiến Mạnh, hợp thức hóa hàng trăm hồ sơ mua bán con nuôi, song cho đến nay chỉ có ông Mạnh phải chịu trách nhiệm hình sự.

* Tổng điều tra mới nhất, thực hiện vào đầu tháng 4 vừa qua, cho biết dân số Việt Nam lên đến 76 324 753 người, gồm 76,5 % ở nông thôn và 23,5 % ở thành thị. Theo thứ tự, những tỉnh thành đông dân nhất là : TP Hồ Chí Minh (5 triệu người), Thanh Hóa (3,4 triệu), Nghệ An (2,8 triệu), Hà Nội (2,6 triệu).

* Cuộc điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam 1997-98 cho biết thu nhập bình quân cả nước tính theo đầu người là 3,4 triệu đồng/năm (cao gấp 2,4 lần so với 1993), riêng ở thành thị là 9,5 triệu đ/năm, ở nông thôn là 2,5 triệu đ/năm. Hệ số chênh lệch giữa người giàu và người nghèo là 11,3 lần, trong khi năm 1996 là 7,3 lần.

2000, năm giao thừa kỉ nguyên

NHÌN LẠI THẾ KỈ / THIÊN KỈ

“ Đừng chờ đợi gì cả ở thế kỉ 21.
Chính nó mới đang chờ đợi tất cả ở ta ”
G. Garcia Marques

Còn non trăm ngày nữa, chúng ta bước sang năm 2000. Nếu tính cho đúng, thì mới chỉ là năm cuối của thế kỉ XX. Nhưng trong tâm lí của số đông, với năm 2000, một kỉ nguyên mới sẽ bắt đầu. Bất luận thế nào, 2000 quả là năm giao thừa, là năm tháng mà lịch sử lật trang.

Từ nay đến cuối năm 2000, Diễn Đàn mở ra mục “ 2000 năm giao thừa kỉ nguyên ” để cùng với những cộng tác viên, nhìn lại hành trình mà dân tộc ta đã trải qua trong lòng châu Á và thế giới. Nhìn lại, không phải để ngấm nguyền, tự mãn hay nuối tiếc, mà nhằm xác định khởi điểm, hành trang, để bước sang thế kỉ mới với ý thức đầy đủ về những việc phải làm, đoạn đường phải vượt qua.

Trong tinh thần ấy, chúng tôi mạnh dạn đưa ra dưới đây một vài gợi ý và tiếp cận với hi vọng góp phần vào cuộc suy nghĩ và thảo luận chung.



Lịch sử loài người trong thiên kỉ II chủ yếu tập trung vào lịch sử đại châu Á-Âu. Ngay từ thế kỉ X và trong suốt 500 năm đầu, châu Á (với ba trung tâm văn minh lớn là Trung Hoa, Ấn Độ và các nước A-rập) đã đạt nhiều thành tựu về mọi lãnh vực kinh tế, kĩ thuật, văn hoá, xã hội, thể chế nhà nước... trong khi châu Âu phần nào còn chìm đắm trong những ràng buộc của thời kỳ Trung Cổ. Sự thật, với hiểu biết hiện nay về lịch sử, không ai còn dám nói tới “ đêm tối Trung Cổ ” ở châu Âu nữa, song rõ ràng trong nửa đầu thiên kỉ, châu Á đã phát triển không thua gì, nếu không nói là hơn châu Âu.

Vậy mà bắt đầu từ thế kỉ XVI, châu Âu bước sang thời Phục Hưng, nhảy vọt về thương mại, hàng hải, kĩ thuật, khoa học... trong khi châu Á dậm chân tại chỗ để rồi trở thành thuộc địa của các đế quốc Tây phương. Những nhân tố nào đã thúc đẩy sự phát triển của Âu Tây ? Những nhân tố nào đã dẫn tới sự trì trệ của Á Đông ? Đó là những câu hỏi còn đang được tranh cãi, chưa ngã ngũ, song điểm lại những nhân tố chính thiết tưởng cũng không thừa.

Việt Nam bước vào năm 1000 với nhiều hứa hẹn. Kỉ nguyên độc lập bắt đầu mở ra từ năm 939 với chiến thắng Bạch Đằng. 1010 lập kinh đô Thăng Long, rồi mở Quốc tử giám, một trong những trường đại học đầu tiên trên thế giới. Chính thế kỉ tiếp theo là chuỗi dài của những cuộc chiến tranh tự vệ, giải phóng chống lại phương bắc, tranh giành và thôn

tính láng giềng phương nam. Đó là cả một kì tích mà ta và người khác đã từng ngợi ca, và là nguồn sức mạnh tinh thần vô song giúp cho dân tộc ta giành lại độc lập và thống nhất trong thế kỉ XX. Song, địa lý đã hạn chế lịch sử : thiên kỉ II là thiên kỉ Việt Nam độc lập, nhưng chỉ là độc lập *đối với Trung Quốc*. Cho đến giữa thế kỉ XIX, hệ qui chiếu duy nhất của Việt Nam là Trung Hoa. Ta là người Nam, đối diện với phương Bắc. Ta là ta, nghĩa là ta không phải là tàu. Lịch sử nghìn năm, do đó cũng là lịch sử của biện chứng đương đầu / bất chước, của đại bá / tiểu bá. Chiếc tàu hơi nước đã đảo lộn địa lý, và đảo lộn luôn cả lịch sử Việt Nam giữa thế kỉ XIX.

Nhưng sự tự nhận thức của người Việt Nam về đất nước và dân tộc mình dường như chưa mấy thay đổi. Dường như nó vẫn quay vòng giữa hai đối cực : ta giỏi nhất thiên hạ / ta thua kém mọi người, giữa hai mặc cảm tự tôn / tự ti. Hàng trăm bài báo đã được công bố để vinh danh nhà bác học Lê Quý Đôn chẳng hạn, nhưng chúng ta vẫn chờ đợi những công trình học thuật cho thấy rõ phần nào Lê Quý Đôn sao chép từ sách vở Trung Quốc, phần nào là phần độc đáo của ông ; ai cũng “ biết ” Lê Quý Đôn học rộng biết nhiều, nhưng cái “ biết ” của ông đã phải là khoa học chưa ?...

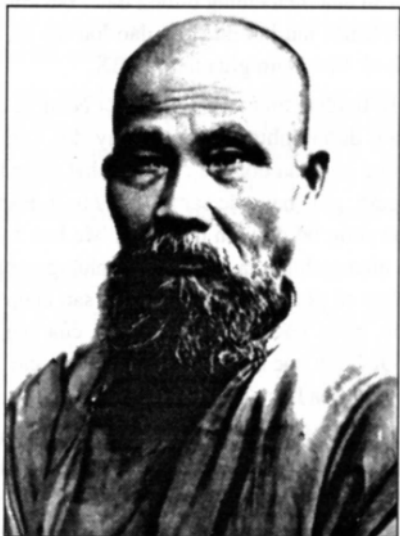
Bởi vì, lịch sử có thể đi tắt trong một số hoàn cảnh, nhưng tư tưởng con người không thể đi tắt : không một dân tộc nào có thể tiết kiệm được cuộc cách mạng khoa học. Nhìn vào dân trí Việt Nam ngày nay, ở trong nước cũng như ở nước ngoài, qua các công trình và cuộc thảo luận học thuật, khó có thể nói rằng tinh thần khoa học, óc phê phán khoa học đã trở thành phổ biến. Tình trạng này có nguyên nhân và hoàn cảnh lịch sử của nó. Cuối những năm 30, đầu những năm 40, ở Việt Nam đã xuất hiện những công trình nghiên cứu khoa học đầu tiên về lịch sử, xã hội, văn hoá Việt Nam. Đó là công trình của những trí thức như Hoàng Xuân Hãn, nhóm Thanh Nghị, được đào tạo về phương pháp luận khoa học. Với cuộc cách mạng 1945 và cuộc chiến tranh giải phóng tiếp theo, giới trí thức Việt Nam lao vào cuộc đấu tranh chung, không hoàn tất được cuộc “ cách mạng ” văn hoá - khoa học của thế kỉ XX ở nước ta. Trong khi đó, thì khoa học thế giới đã phát triển nhảy vọt như mọi người đều biết trong nửa sau thế kỉ XX. Những khám phá khoa học nhanh chóng được ứng dụng vào công nghệ, thay đổi sản xuất và sinh hoạt của loài người. Những bế tắc về lý luận làm sụp đổ những ảo tưởng “ duy khoa học ” của thế kỉ XIX. Tác hại của vũ khí giết người hàng loạt, tác hại của kĩ thuật trên thiên nhiên và môi trường đặt ra những vấn đề mới. Nói khác đi, dù muốn dù không, bước sang thế kỉ mới, Việt Nam không thể không tiến hành hai cuộc cách mạng khoa học của thế kỉ XIX và XX, đầu tiên là trong giáo dục phổ thông và văn hoá đại chúng. Đặt vấn đề như vậy, chúng tôi không hề coi nhẹ các khía cạnh phức tạp của cuộc cải cách giáo dục chẳng hạn (xem bài của giáo sư Hoàng Tuy trong số này), song chỉ muốn nhấn mạnh cốt lõi của nó : quên tinh thần khoa học, phương pháp khoa học, thì người ta có thể “ cải tiến ” giáo dục trong chừng mực nào đó, có thể hạn chế những “ tiêu cực ” trong việc thi cử (giáo viên và học sinh học thuộc lòng các bài giải của bộ đề thi), song nền giáo dục vẫn sẽ quẩn quanh trong vòng khoa cử của cha ông ta suốt một thiên kỉ vừa qua.

Nguyễn Ngọc Giao

Hành trình dân tộc trong thế kỷ XX

Thử nhìn lại vị trí của Phan Bội Châu

Vĩnh Sinh



*Sức tình trông ra ngõ sáng lòe,
Đêm sao đêm mãi thế ru mà ?
Tú Xương, Đêm dài, đầu thế kỷ XX*

Khoảng một trăm năm trước, khi tại các quầy rượu, quán cà-phê ở những thành phố tiêu biểu cho văn hoá Tây phương vào cuối thế kỷ XIX (fin de siècle) như Paris, Vienne, Berlin, khách văn nhân nghệ sĩ gặp nhau luận đàm về những tư trào trong văn học nghệ thuật Tây phương lúc bấy giờ như “ nghệ thuật vị nghệ thuật ” (*l’art pour l’art*), chủ nghĩa duy mỹ (*aestheticism*) hay trường phái tự chiêm ngưỡng (*narcissism*), thì ở xứ Đông Dương xa xôi bên kia nửa vòng trái đất, nước ta hãy còn im lìm trong giấc nồng của đêm dài mất nước và ngay cả cái tên Việt Nam vẫn chưa được mấy ai nghe biết đến. Ngọn lửa Cần Vương kháng chiến cuối cùng ở Vũ Quang do Phan Đình Phùng lãnh đạo cũng đã bị dập tắt (1896). Dưới chính sách của toàn quyền Paul Doumer là triệt để khai thác nhân lực cùng tài nguyên của xứ thuộc địa này nhằm phục vụ tối đa cho quyền lợi của mẫu quốc, từ 1902 – năm ở Hà Nội người Pháp rầm rộ làm lễ khánh thành cầu Doumer (tức cầu Long Biên sau này) – Đông Dương đã bắt đầu mang lại những lợi lộc kinh tế và tài chánh cho nước Pháp trong khi tuyệt đại đa số người Việt phải chịu cảnh tòi đời ngay chính trên quê hương của họ. Về sau, khi viết hồi ký Doumer đã kiêu hãnh ghi lại như sau : “ *Khi Pháp mới đến Đông Dương, nước An Nam đã chín muồi trong tình trạng nô lệ* ”¹ !

Trong hoàn cảnh đất nước bi đát như thế, Phan Bội Châu (PBC) và Phan Châu Trinh (PCT) là hai sĩ phu, hai bậc đại hào kiệt đi hàng đầu trong vận động giành lại độc lập dân tộc vào giai đoạn giao thời 25 năm đầu thế kỷ XX. Tuy cùng chung một hoài bão cứu nước, lập trường của hai nhà chí sĩ họ Phan trên một số vấn đề căn bản của đất nước lại rất khác nhau,

thậm chí có khi tương phản. Trong nhiều năm gần đây, sau nhiều lần đọc lại các trước tác của hai nhân vật kiệt xuất này, chúng tôi nhận thấy có nhiều kinh nghiệm của người xưa – thành công cũng như thất bại – vẫn còn có ý nghĩa cho đến ngày nay. Trong khuôn khổ của bài viết này, ta thử nhìn lại vị trí và đánh giá vai trò của PBC trong hành trình dân tộc vào thế kỷ XX.

“ Gọi hồn nước ”

Vào những năm đầu thế kỷ XX, làn sóng duy tân từ Nhật Bản dội sang nước ta qua những “ tân thư ” (sách mới) và “ tân văn ” (báo mới) của Lương Khi Siêu cùng các nhà cải lương Trung Quốc khác. Những trang sách “ tân thư ” “ tân văn ” mang đến cho các sĩ phu yêu nước không khí rạo rực của cuộc Minh Trị Duy tân ở Nhật Bản và khí thế sôi sục của Mậu Tuất Chính biến (1898) ở Trung Quốc. Sĩ phu Việt Nam lần đầu tiên nghe đến các học thuyết dân chủ, dân quyền, chủ nghĩa lập hiến và làm quen với các tên nghe lạ tai như *Mạnh-đức-tư-cửu* (Montesquieu), *Lư-thoa* (Rousseau), *Phúc-lộc-đặc-nhĩ* (Voltaire), v.v... Từ chỗ “ ếch ngồi đáy giếng thấy bao nhiêu trời ”, họ bắt đầu có tầm nhìn “ doanh hoàn ” (toàn cầu) – dĩ nhiên điều này không có nghĩa là ai ai nay cũng có thể nhìn một cách khách quan về đất nước hay về thế giới bên ngoài. Quan điểm cạnh tranh sinh tồn, mạnh được yếu thua (*survival of the fittest*) qua thuyết tiến hoá xã hội (*social Darwinism*) của *Dật-nhĩ-văn* (Darwin) mà ngày đó hãy còn gọi là thuyết “ vật cạnh ” (vạn vật cạnh tranh để sinh tồn), “ thiên diễn luận ” (sự tiến hoá tự nhiên của sự vật), hay thuyết “ tự do đào thải ”, khiến họ ý thức sâu sắc hơn về hiểm hoạ mất nước.

PCB về sau đã ghi lại trong tự truyện : “ *Tôi vì xem những pho sách ấy mới hiểu qua được tình trạng cạnh tranh ở trong hoàn hải, thảm trạng mất nước diệt chủng lại càng kích thích trong đầu sâu sắc hơn* ”.² Nỗi lo diệt chủng cũng được nhắc nhở trong bài *Đề tỉnh quốc dân ca* (không rõ tên tác giả) lưu truyền rộng rãi trong nước vào năm 1906 :

*Nỗi diệt chủng bề thương bề sợ,
Nỗi giống ta biết có còn không ?*

Trong hàng ngũ các sĩ phu yêu nước vào đầu thế kỷ XX, PBC có lẽ là người đã đóng vai trò quan trọng nhất trong việc thức tỉnh hồn nước. Thơ văn PBC có ảnh hưởng sâu rộng đối với người đọc không chỉ vì những dòng thơ Phan mang nhạc điệu khi trầm hùng thiết tha, khi rạo rực sôi nổi, mà cũng vì những gì Phan nói lên thường khi dậy nổi nhục mất nước và kích động những xúc cảm sâu xa của tình tự dân tộc. Những câu sau đây ngày nay đọc đến ta vẫn thấy xao xuyến trong lòng, hướng hồ là đối với độc giả sống trong tình trạng “ mất nước ” vào đầu thế kỷ XX :

*Lời huyết lệ gửi về trong nước,
Kể tháng ngày chưa được bao lâu
Nhắc trông phong cảnh Thần châu,
Gió mây phẳng lặng dạ sầu ngẩn ngơ...
Hồn cố quốc vẫn vợ vợ vẫn,
Khôn tìm đường dò nhấn hỏi han.
Bâng khuâng đỉnh núi chân ngàn,
Khởi tuôn khí uất, sóng cuộn trận đau...*

Hải ngoại huyết thư (1906), Lê Đại dịch

Hoặc giả :

*Than ôi ! Lục tỉnh Nam Kỳ
Nghìn năm cơ nghiệp còn gì hay không
Mịt mù một giải non sông,
Hỏi ai, ai có đau lòng chẳng ai...*

Ai cáo Nam Kỳ phụ lão (1907), PBC tự dịch

Trong bài *Sinh văn cụ Phan Sào Nam* (1940), Huỳnh Thúc Kháng đã diễn tả một cách sống động về sức rung cảm lòng người của ngòi bút của PBC :

*Miếng giọng cuốc vạch trời kêu giạt một,
giữa từng không mù cuốn mây tan,
Tay ngồi lòng vỗ án múa châu ba, đầy mặt giấy
mưa tuôn sấm nổ.
Núi cao reo bốn phía dậy vang,
Buồng kín tình ngàn năm giấc ngủ.³*

Do ảnh hưởng văn thơ của PBC, mà “ hàng nghìn thanh niên đã cắt tóc bím, vứt hết sách vở văn chương cũ từ cùng cái mộng công danh nhũn nhĩ gắn trên đó, lìa bỏ làng mạc, nhà cửa vợ con, rồi băng ngàn lội suối, bất chấp mọi nỗi đói thiếu, nguy hiểm, khổ sở, để qua Xiêm, qua Tàu, qua Nhật mà học hỏi và trù tính việc đánh Tây ”.⁴ Ngoài ra, cũng cần để ý là ảnh hưởng của PBC không chỉ giới hạn trong những thế hệ trưởng thành trong nửa đầu thế kỷ XX, mà ngay cả trong thời gian “ đất nước phân kỳ ”, bất luận Nam Bắc, văn thơ Phan đã khơi dậy lòng yêu nước của không biết bao nhiêu thanh niên.

Ý thức “ Quốc Gia Quốc dân ”

So với người cùng thời, PBC sớm ý thức về vận mệnh đất nước và cũng là một trong những sĩ phu đầu tiên đối đầu với các vấn đề liên hệ đến Việt Nam như một “ quốc gia quốc dân ” (*nation-state*).

Vì từ “ quốc gia quốc dân ” (hay “ nhà nước quốc dân ”) vẫn chưa được nhắc đến ngay trong các cuốn từ điển tiếng Việt, Anh Việt, hay Pháp Việt, v.v. xuất bản gần đây (những năm cuối cùng của thế kỷ XX!), ta thử tạm mượn định nghĩa của từ này trong một cuốn từ điển tiếng Nhật Bản – một ngôn ngữ có nhiều tự vựng hiện đại “ xuất cảng ” sang chữ Hán và tiếng Việt vào buổi đầu thế kỷ XX.

Kokumin kokka (“ quốc-gia quốc-dân ”, hay “ nhà nước quốc dân ”) : “ một quốc gia thống nhất được hình thành dựa trên cơ sở của ý thức về sự đồng nhất của quốc dân, hay dân tộc ” (*Nihongo daijiten* [Nhật-Bản-ngữ đại-từ-điển], Tokyo: Kôdansha, 1989, trang 691).

Ngay từ hồi chưa xuất dương, Phan đã từng chu du nhiều nơi trong nước – miền Nam xứ Nghệ (quê Phan) từ Huế vào Nam Ngãi, Bình Phú, rồi Gia Định, cho đến tận vùng Thất Sơn ở Châu Đốc ; miền Bắc từ Nam Định, Hà Nội, lên tận rừng Yên Thế của Đề Thám – nhằm tìm cách kết giao đặng mưu đồ việc nước với những người có nghĩa khí, từ sĩ phu cho đến các “ hảo hán ” trong giới “ lục lâm giang hồ ” sống ngoài vòng pháp luật. Trong thời kỳ Đông Du (1905-1909), hàng ngày tiếp xúc và lo việc ăn học cho các thanh niên từ Nam chí Bắc, Phan ý thức sâu sắc về tình trạng thiếu đồng thuận giữa người Việt với nhau do một lý do khá đơn giản : đây là lần đầu tiên các thanh niên này có dịp tiếp xúc, đối thoại, và sinh hoạt với

nhau. Trong *Việt Nam quốc sử khảo* (1908), Phan nêu lên 5 điều khiếm khuyết trong dân trí nước ta : hay nghi kỵ lẫn nhau, coi trọng những điều xa hoa vô ích (như trong việc hôn nhân, cúng bái, v.v.), biết lợi mình chứ không biết hợp quần, tiếc của riêng mà không nghĩ đến lợi chung, biết thân mình mà không nghĩ đến nước.⁵ Ý thức “ quốc gia quốc dân ” trong tư tưởng cũng như trong hành động của Phan phải nói là một sự đề kháng đối với chính sách “ chia để trị ” của chính quyền đô hộ, khác hẳn với đầu óc địa phương hẹp hòi thường thấy ngay ở các nhân vật tai to mặt lớn trong nước lúc bấy giờ. Bình tình mà nói, bệnh chia rẽ, óc địa phương không chỉ do chính sách cai trị của người nước ngoài, bởi lẽ ngay khi người Việt nắm lấy vận mệnh của đất nước, vẫn không thấy những biện pháp tích cực nhằm khắc phục tư tưởng cục bộ “ ăn cây nào rào cây đó ” hay tình trạng “ phép vua thua lệ làng ”. Đóng góp của Phan trên mặt này ngay từ hồi đầu thế kỷ đúng là một điểm son đáng trang trọng, cần được ghi nhớ.

Cũng cần để ý rằng “ vong quốc ” (mất nước), “ đồng bệnh ” (cùng bệnh) và “ quang phục ” (khôi phục lại vinh quang đã mất) là những từ thông dụng trong thuật ngữ chính trị ở Trung Quốc, Hàn Quốc và Việt Nam – ba nước “ cùng mang bệnh mất nước ” – vào đầu thế kỷ XX. “ Vong quốc ” ở đây có nghĩa là mất độc lập, mất chủ quyền. PBC giải thích : “ *Gọi là một nước thì phải có nhân dân, có đất đai, có chủ quyền. Thiếu một trong ba cái ấy đều không đủ tư cách làm một nước* ”.⁶ Bởi vậy không phải ngẫu nhiên mà những nỗ lực khôi phục độc lập ở ba nước Đông Á nói trên thường lấy tên “ quang phục ” : vận động lật đổ triều đình Mãn Thanh ở Trung Quốc do Thái Nguyên Bồi khởi xướng năm 1904 lấy tên là *Quang phục Hội* (về sau gia nhập Đồng minh Hội của Tôn Dật Tiên) ; ngày Hàn Quốc lấy lại độc lập, thoát khỏi ách cai trị của người Nhật gọi là ngày *Kwangbok* (tức là Quang phục, 15/8/1945); và cái tên *Việt Nam Quang phục Hội* (QPH) do PBC cùng các đồng chí thành lập ở Quảng Đông (1912) cũng không ngoài nghĩa đó.

Việt Nam – từ quân chủ đến dân chủ

Ai là người đầu tiên phổ biến cái tên Việt Nam vào đầu thế kỷ XX ? Trả lời câu hỏi thoạt nhìn có vẻ vô-thường-vô-phạt này sẽ giúp ta nhận thức rõ hơn về vai trò của PBC và QPH.

Quốc hiệu *Việt Nam* nguyên đã có từ đầu thời vua Gia Long, nhưng trên thực tế không mấy khi được sử dụng. Sử sách chép là vua Gia Long lúc đầu khi mới lên ngôi (1802) muốn đặt quốc hiệu là Nam Việt, nhưng vua Gia Khánh nhà Thanh không chấp thuận, lý do là quốc hiệu này khơi lại chuyện Triệu Đà và chính quyền cát cứ ở nước Nam Việt đời Hán ngày trước. Thanh triều chỉ chấp thuận sai sứ sang phong vương sau đó hai năm (1804) khi quốc hiệu Nam Việt đã được đổi ngược lại thành Việt Nam.⁷ Bước sang thế kỷ XX, trong khi người nước ngoài đều dùng tên “ An Nam ” để chỉ nước ta, theo thiện ý của chúng tôi, PBC là người đầu tiên đã phổ biến cái tên Việt Nam ngay từ khi mới sang Nhật Bản. Bằng chứng là Phan đã dùng tên Việt Nam trong các trước tác viết trong thời kỳ Đông Du : *Việt Nam vong quốc sử* (1905), *Tân Việt Nam* (1906), *Việt Nam thăm trạng* (1907?), *Việt Nam quốc sử khảo* (1908). Ngoài ra, sau khi giải tán Duy Tân Hội, như đã nói ở trên, Phan cùng các đồng chí cũng đã dùng tên Việt Nam

(thay vì An Nam hay các tên khác) khi đặt tên QPH vào năm 1912.

Tuy QPH có một lịch sử đáng chú ý, nhưng điều ngạc nhiên là trước đây ít người nói tới. Những điều giới thiệu sau đây có thể tìm thấy ngay trong *Phan Bội Châu niên biểu* (hay *Tự phán*) chứ không phải tìm đâu xa xôi. Trước hết, QPH không chỉ là hội đoàn theo nghĩa thông thường mà trên thực tế là một “chính phủ lâm thời” (lưu vong), có quy định cả quốc kỳ, quân đội (Việt Nam Quang phục Quân), quân kỳ, và phát hành cả giấy bạc (dưới dạng “quân dụng phiếu”) “*in bằng điện, tinh xảo như giấy bạc Tàu*”. QPH cũng đã quy định lá quốc kỳ đầu tiên của Việt Nam. Theo lời kể lại của PBC, “*một sự quái lạ*” là trước đó “*nước ta chỉ có cờ hoàng đế mà không có quốc kỳ*”. Bởi vậy, QPH mới “*chế định cờ ngũ tinh*” (năm ngôi sao) làm lá quốc kỳ đầu tiên. Năm ngôi sao trên lá cờ này có hình liên kết với nhau (*ngũ tinh liên châu*), tiêu biểu cho ba kỳ của Việt Nam, cộng thêm Lào và Căm-puchia (!). Quốc kỳ QPH có nền vàng, tượng trưng cho nhân chủng da vàng của người Việt, màu hồng của năm ngôi sao biểu tượng cho vị trí phương Nam của nước Việt (“*Nam phương thuộc hoả, hoả sắc hồng*”). Hình dạng quân kỳ cũng giống như quốc kỳ, điểm khác nhau là thay vì hồng tinh (sao hồng), quân kỳ dùng bạch tinh (sao trắng), nhằm “*tỏ rõ mục đích*” của Việt Nam Quang phục Quân là “*cốt đánh đổ chính phủ người da trắng*”. Bốn năm sau (1916), trong cuộc khởi nghĩa của Thái Phiên, Trần Cao Vân và vua Duy Tân, quân kỳ ngũ tinh với 5 sao trắng này đã được dùng.

Tôn chỉ “*độc nhất*” của QPH là “*khôi phục nền độc lập của Việt Nam*” và thành lập một nước “*cộng hoà dân quốc*”. Nói một cách khác, với sự thành lập của QPH, lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam chủ nghĩa quân chủ bị phủ nhận và chủ nghĩa dân chủ “*được xác định*”. Dĩ nhiên PBC đã đóng một vai trò quan trọng trong sự chuyển hướng đường lối của QPH.⁸ Cho dầu việc thay đổi “ngọn cờ quân chủ” (mà PBC đã đề cao để chống Pháp lúc xuất dương) thành lá cờ dân chủ phần nhiều là do ảnh hưởng của Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc, nhưng trong bối cảnh lịch sử nửa đầu thế kỷ XX ở Việt Nam, sự kiện này có ý nghĩa như một khúc nhạc dạo đầu báo hiệu sự cáo chung của chế độ quân chủ ở nước ta mà trên thực tế sẽ xảy ra trong quá trình ba, bốn mươi năm sau đó.

“Bạo động kịch liệt” và bế tắc

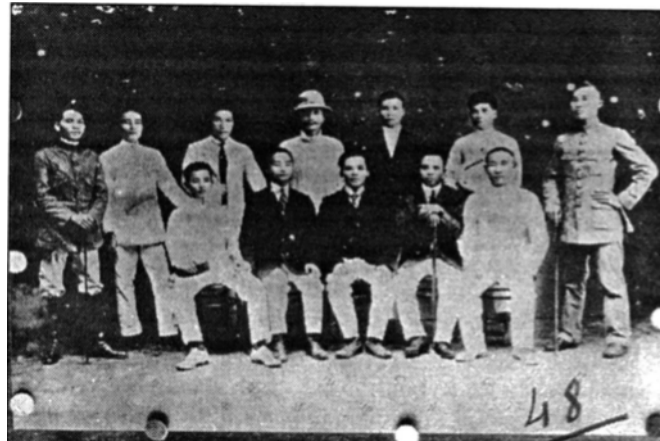
Khác hẳn với chủ trương ôn hoà của PCT là duy tân để tự cường rồi giành độc lập; PBC chủ trương bạo động, một phần vì bản tính (“*sinh bình tôi vốn ôm chủ nghĩa cấp kích*”⁹) và một phần do áp lực của “*bọn anh em trong phái cấp kích ở Nghệ Tĩnh... hối thúc tôi trong việc quân giới*”.¹⁰

Lật đổ chính quyền thuộc địa Pháp bằng phương tiện võ trang (quân sự), đối với Phan, là phương cách duy nhất để lấy lại độc lập cho Việt Nam. Tuy nhiên, Phan cho rằng người Việt tự mình không địch nổi người Pháp, do đó phải cạy vào một cường quốc khác. Sở dĩ Phan và các đồng chí trong Duy Tân Hội chọn Nhật Bản để cầu viện vì Nhật là một nước “đồng văn đồng chủng” mà lại vừa mới thắng Nga. Sau khi bị nhà đương cuộc Nhật trục xuất ra khỏi Nhật, Phan chuyển hướng, muốn liên kết với các nước “đồng bệnh” – trước hết là Trung Quốc – chống lại “cường quyền”. Tuy nhiên, suốt

đời Phan không rời chủ nghĩa Liên Á (*Asianism*), tin rằng nếu không có sự giúp nước của các nước “đồng văn đồng chủng” như Trung Quốc, Nhật Bản... thì Việt Nam không thể nào lấy lại độc lập.

Nhận thức về quan hệ quốc tế của Phan vừa lỗi thời vừa rất chủ quan. Có thể nói một trong những lý do khiến Phan thất bại là vì mặc dầu đứng trong tư thế người lãnh đạo một phong trào chống Pháp, Phan không bao giờ có ý định tìm hiểu về người Pháp và nước Pháp. Theo phươg châm ngày xưa “*kẻ thù của địch là bạn ta*”, Phan ngỡ ý cầu viện một cách bừa bãi các nước mà Phan coi là có quyền lợi xung đột với Pháp lúc bấy giờ: Đức, Nga, và đặc biệt là Trung Quốc và Nhật Bản. Phan cả tin và chủ quan về những “nước bạn”, rồi với trạng thái tâm lý được diễn tả và châm biếm qua câu ca dao “*Thương thì thương cả đường đi, ghét thì ghét cả tông chi họ hàng*” (hoặc “*Thương thì trái ấu cũng tròn, không thương trái bồ hòn cũng méo*”), Phan tưởng rằng những “nước bạn” sẽ là những đồng minh muôn thuở, bất luận trong tình huống nào, và vô hình trung cho rằng “Pháp là nước duy nhất có ý đồ xâm chiếm Việt Nam”. Vì Phan hoạt động trong giai đoạn mà ý thức hệ (hệ tư tưởng) chính trị – những hư cấu (*fictions*) của nhân loại trong thế kỷ XX – chưa chia phối hàng ngũ người Việt trong nước cũng như ở hải ngoại, nên mặc dầu những thuật ngữ Phan dùng có thể khác những thuật ngữ của các thế hệ sau, nhưng phải nói là trạng thái tâm lý nói trên vẫn thể hiện đậm nét trong quan niệm đối ngoại của Việt Nam ít ra mãi cho đến gần đây.

Chủ trương bạo động của PBC tùy thời điểm có mức độ khác nhau. Chẳng hạn, sau khi sang Nhật để xin viện trợ quân sự chống lại Pháp, Phan gặp Lương Khải Siêu, và sau khi nghe lời khuyên chí tình của họ Lương, Phan mới chuyển hướng sang việc gửi thanh niên sang Nhật du học. Qua bút đàm, Lương khuyên Phan: “*Quý quốc chớ lo không có ngày độc lập, mà chỉ nên lo quốc dân không có đủ tư cách độc lập... Thực lực của quý quốc là dân trí, dân khí, và nhân tài*”. Mặc dầu thời kỳ Đông Du là khoảng thời gian mà chính Phan xem là “*đắc ý*” nhất trong đời, Phan vẫn còn vương vấn với khuynh hướng “bạo động” nên cũng không hết lòng tin tưởng vào vai trò của giáo dục. Phan mượn câu nói của Mã-Chí-Nê (Mazzini) làm chủ thuyết của mình: “*Giáo dục dốt bạo động đồng thời tịnh hành*” (Giáo dục và bạo động cùng tiến hành song song).¹¹ Sau khi bị trục xuất ra khỏi Nhật (1909), bốn ba



Việt Nam Quang phục hội. Người đứng đội mũ cối là Hoàng Trọng Mậu, người ngồi chống gậy là Phan Bá Ngọc

sang Xiêm, rồi cuối cùng trở về Quảng Đông thành lập QPH (1912), Phan chủ trương “ bạo động kịch liệt ” nhằm “ tìm cái sống trong muôn vạn cái chết ” và những mong bạo động sẽ là “ môi giới để cải lương giáo dục ” !

Trái hẳn với PBC, châm ngôn của PCT là “ *Vọng ngoại tắc ngu, bạo động tắc tử* ” (“ Không nên cậy vào nước ngoài, cậy vào nước ngoài là ngu ; không nên bạo động, bạo động là chết ”) và “ *ý Pháp cầu tiến bộ* ” mà trên thực tế có nghĩa là phải tạm thời chấp nhận chính quyền thuộc địa nhằm mở mang dân trí và cải cách chế độ cai trị của người Pháp, rồi từng bước phục hồi nền độc lập quốc gia. Khi bị tù ở Côn Đảo, PCT đã từng nói : “ *Chưa có tư cách quốc dân độc lập, đâu có nhờ cậy sức nước ngoài chỉ diễn cái trò ‘đổi chủ làm đây tớ lần thứ hai’, không ích gì... mình không tự lập, ai cũng là kẻ cừu của mình, Triều Tiên, Đài Loan, cái gương rõ ràng, người Nhật chắc gì hơn người Pháp* ”.¹²



PCT là nhà sĩ phu đầu tiên hô hào dân quyền ở nước ta.¹³ Ông chống bạo động, dấy phong trào duy tân “ *chấn dân khí, khai dân trí, hậu dân sinh* ” và chủ trương “ tự lực khai hoá ” không phải vì uơ hèn hay sợ hãi, mà bởi vì ông thấy dân trí nước ta còn quá thấp. Theo ông, trong tình trạng như vậy thì cho đâu có giành được độc lập “ *cũng không phải là điều hạnh phúc cho dân* ”. Ông là người quả cảm, có khí phách, không sợ hiểm nguy hay gièm pha, dám đưa một chủ thuyết khác hầu hết mọi người đương thời. Phan Tây Hồ là một nhà cách mạng theo đúng nghĩa của nó.

Vì PBC theo chủ thuyết bạo động nên không phải ngẫu nhiên mà phần lớn những sinh viên du học ở Nhật và Trung Quốc vào đầu thế kỷ (dưới ảnh hưởng của Phan) đã theo học những trường quân sự, và đại đa số những người này cuối cùng đã hy sinh trong những vụ bạo động, mưu toan ám sát người Pháp cùng những người Việt cộng tác với chính quyền thuộc địa, hay các binh biến lẻ tẻ. Than tiếc cho sự việc này, PCT đã viết : “ *Phải chỉ dùng số người xuất dương đó phân tán trong nước, đem trí thức, trình độ cao đó khiến cho mười mấy triệu người trong nước cũng có trí thức cao lên để tranh giành với Pháp* ”.¹⁴

Bởi vậy, trong lời tựa của tập tự truyện *Phan Bội Châu niên biểu* mà tác giả đã viết với sự cân nhắc và phản tỉnh sâu lắng trong tuổi già, PBC ghi : “ *Chân trời góc bể gần ba mươi năm, vì liên lụy với tôi mà kẻ chết người tù, hoa tàn quận quốc, độc trôi đồng bào... Anh em chúng ta nếu xem cái gương thất bại trước mà gấp lo tìm cách cải lương, sẽ mở một lối thành công sau...* ”. PBC khuyên đồng bào nên xem cuộc đời hoạt động của mình như một “ *chiếc xe đã bị lật dằng trước nhằm cảnh giác* ” (tiền xa phức, hậu xa giới) mà mở lối thành công. Những lời này của PBC nên được xem như là

những lời phản tỉnh và nhẩn nhủ chân thành của một nhà đại hào kiệt “ *có lòng thương nước* ” nhưng vô tình đã “ *không biết cái đạo thương nước* ” – xin mượn lối nói thẳng thừng của Tây Hồ tiên sinh.¹⁵



Nền độc lập mà PBC cùng các sĩ phu khác vào đầu thế kỷ hàng mơ ước ngày nay đã về trong tay người Việt. Nhưng vấn đề dân chủ, dân trí, dân sinh mà PCT hằng nhắc nhở từ đầu thế kỷ và cũng là những vấn đề hiện thực nóng bỏng của đất nước sau chiến tranh, vẫn chưa thấy có hướng đi lên, thậm chí có mặt đi lùi lại. Thực tâm giải quyết những vấn đề này sẽ mang lại sinh khí cho dân tộc, đất nước nhờ đó sẽ được hồi sinh.

PBC và PCT là hai nhân vật kiệt kiệt của đất nước, nhưng chỗ đứng của họ trong cuộc hành trình dân tộc trong một trăm năm qua lại khác nhau như âm với dương. Mặc dầu chúng ta cần đánh giá vai trò thức tỉnh hồn nước và ý thức quốc gia quốc dân của PBC, nhưng đồng thời cần nhận thức rằng Sào Nam tiên sinh không phải là người đã đề xướng dân chủ, dân trí, và dân sinh. Làm việc đó đã có tiếng nói hùng hồn của PCT. Có điều là giấc mơ của PCT cho đến nay vẫn chưa thành hiện thực. Bởi thế nên khi đọc lại những lời Tây Hồ viết vào đầu thế kỷ, ta vẫn nghe sang sảng tựa hồ như tiên sinh đang dang dlan diễn thuyết đầu đây.

Vĩnh Sinh

1. Trích lại từ Stanley Karnow, *Vietnam : A History* (New York, Penguin Books, 1984), trang 116.
2. *Tự phán* (TP, tức *Phan Bội Châu niên biểu*) (Huế : Nxb Anh Minh, 1956), trang 27. Khi trích dẫn từ sách này, chúng tôi đã tham khảo nguyên văn chữ Hán và đôi khi đã sửa đổi vài chỗ trong bản dịch quốc ngữ cho sát với nguyên văn và nghe thuận tai hơn.
3. Xem Nguyễn Q. Thắng, *Huỳnh Thúc Kháng – Con người và thơ văn* (Sàigòn : Phủ Quốc-Vụ-Khanh đặc trách Văn hoá, 1972), trang 278.
4. Đặng Thai Mai, *Văn thơ Phan Bội Châu* (Hà Nội: Nxb Văn Học, 1967), trang 105.
5. Xem *Việt Nam quốc sử khảo*, trong *Những tác phẩm của Phan Bội Châu* (Hà Nội : Nxb Khoa học Xã hội, 1982), trang 223-237.
6. Như trên, trang 217.
7. Xem Kawamoto Kunie, *Etsunanjin no ketsudan* (Quyết đoán của người Việt), trong cuốn *Kanji minzoku no ketsudan* (Quyết đoán của những dân tộc dùng chữ Hán) do Hashimoto Mantarô, Suzuki Takao, và Yamada Hisamu biên soạn. (Tokyo : Taishukan Shoten, 1987), trang 481.
8. Về các tư liệu trích trong phần này, xem TP, trang 146-154.
9. TP, trang 150.
10. NTT, trang 51.
11. TP, trang 53.
12. Minh-Viên Huỳnh Thúc Kháng, *Thi từ tùng thoại* (Sàigòn : Nam Cường, 1951), trang 105.
13. Xem Nguyễn Văn Xuân, *Phong trào Duy Tân* (Đà Nẵng : Nxb Đà Nẵng, 1995), trang 107.
14. Phan Châu Trinh, *Pháp Việt liên hiệp hậu chi Tân Việt Nam* (Nước Việt Nam mới sau khi liên hiệp với Pháp), bản dịch của Nguyễn Q. Thắng và Nguyễn Văn Tường, trong Nguyễn Q. Thắng, *Phan Châu Trinh – Cuộc đời và tác phẩm* (Tp Hồ Chí Minh : Nxb Tp Hồ Chí Minh, 1987), trang 252.
15. Như trên, trang 251.

mơ ước gì cho năm 2000... ?

nguyễn lộc

*khi đất nước tôi không còn giết nhau,
mọi người ra phố mời rạo rọi cười*

TCS

Tin báo : Những người dân Đông Timor, vừa bỏ phiếu khẳng định ước vọng độc lập xong, giờ đang xoay sở, bỏ nhà bỏ cửa chạy tìm nơi tị nạn ; các nhóm khủng bố của những người chống Indonesia trao trả độc lập cho Đông Timor đang công nhiên giết hại họ, dưới mũi các quan sát viên LHQ và quốc tế. Bom nổ gây thiệt mạng 2 người ở bắc Israel. Nhóm “ nổi loạn Hồi giáo ” từ Chechnya chạy sang gây xung đột đổ máu ở Dagestan (Nga). Xung đột và hận thù chủng tộc ở Kosovo vẫn sôi sục, bên dưới bộ mặt “ hoà bình ” uy nghi do các cường quốc mang lại ; chuyện vay và trả nợ máu vẫn tiếp diễn.

Thù hận, mang nhiều thứ nhãn hiệu khác nhau, vẫn kêu đòi máu, mang lại tàn phá, mất mát, xót thương, và tiếp tục duy trì thù hận. Viễn cảnh máu sẽ loang sang thiên niên kỷ kế tiếp là rất thật.

Và, tôi ngồi đây, vọng tưởng về một thiên niên kỷ mới đang tới, tự hỏi mình mơ ước gì ?

Tiếng súng, bom đã im hẳn từ lâu trên quê hương Việt Nam xa xôi. Cái ám ảnh dai dẳng một thời, về con số người Việt Nam nằm xuống ngoài mặt trận trong ngày, trong tuần, giờ đã lui vào quá khứ. Đó là một may mắn cùng tốt ! Đến giữa năm tới, sẽ là ngày giỗ thứ hai mươi lăm của người lính chết trận cuối cùng trong cuộc chiến Việt Nam.

Nhưng còn những tranh chấp, ngăn cách trong lòng người... ?

Không lâu sau ngày ngưng tiếng súng, những nghĩa trang liệt sĩ được tu bổ ; nhiều nghĩa trang mới được lập ra. Về phía lực lượng chiến thắng, di hài người nằm xuống trong thời gian chiến tranh được đồng bào và đồng chí tiết lộ, được tìm ra, được cải táng. Xin hãy nghỉ yên trong lòng đất nước. Tổ quốc ghi công ! Đó là chuyện tình nghĩa, là lời cảm ơn người đã hi sinh, lời an ủi, chia buồn với người còn ở lại.

Nhưng, cũng không lâu hơn, phía những người thua trận đã phải chứng kiến các nghĩa trang dành cho thân nhân của mình, bạn bè từng chiến đấu và ngã xuống mà quyền lực của phe thắng tước bỏ đi mọi dấu hiệu thương tiếc và biết ơn. Có khi, ngay cả quyền nằm lại trên mảnh đất dành riêng cho họ cũng bị thắng tay tước bỏ. Cái lý lẽ của chiến tranh, của sự được thua bấy giờ vẫn còn là chân lý. Vì trước đây, những người nằm đây đã từng chĩa mũi súng về những người đang nằm bên các nghĩa trang liệt sĩ kia, và đồng chí của họ, cái giá phải trả bấy giờ là thế đấy. Hai nhãn hiệu không dung nhau, không hoà hợp nhau vẫn nằm trên đầu môi.

Tâm thức thắng bại, sau một cơn quần thảo nảy lửa, tăng cường với quyền lực và vinh quang trong tay, khiến người ta đã dễ dàng bước qua những xúc động thiêng liêng của bao nhiêu người khác. Những con người chung nòi giống, cùng chung đất nước, và quan trọng hơn cả, lý ra sẽ phải cùng nhau đầu lung, sát cánh để hàn gắn lại một đất nước tan nát, rời rã. Trong một khúc quanh gấp gáp của lịch sử, thế là người ta đã bước qua luôn cách hành xử đạo lý truyền thống, sau một chặng dài phân tranh.

Còn ai nhắc câu nghĩa tử, nghĩa tận ? Không bận tâm, không nghĩ ngợi. Sự việc diễn ra lạnh lùng và “ tự nhiên ” như một quy luật sắt máu, an bài. Nhưng, làm sao tránh khỏi tạo ra niềm căm hận nơi những người nhận ra rằng tình cảm thâm sâu của mình bị khinh miệt, chà đạp. Dưới sức mạnh của quyền lực áp đảo, nỗi đau to lớn kia đành bị chôn chặt, bị người ta cắn răng mà nuốt sâu vào trong lòng, cùng nước mắt. Nhưng đau phải nó đã trôi đi, đã biến mất. Nó chỉ có thể càng sâu đậm hơn, và càng thêm cay đắng. Thua thiệt này lại hoá ra là cái thua thiệt chung cho cả dân tộc ; việc làm vẫn mang tính thuyết phục hùng hồn hơn mọi hô hào, rao giảng.

Cơ hội chấm dứt chiến tranh và phân liệt, thật sự lập lại hoà bình trên quê hương và niềm an lạc trong tâm hồn dân tộc đã mang quá nhiều thương tích vì thế đã trôi tuột đi. Phải chăng đây là một phí phạm mang tầm cỡ lịch sử ? Tâm thức và tư duy chính trị không có chỗ cho khả năng lắng nghe thật trầm tĩnh những tình tự của quê hương và đồng bào. Một “ đồng bào ” mang nghĩa rất chung và rất thâm sâu, không chỉ chữ đồng bào phải luôn đi kèm chữ “ đồng chí ”.

Đã mất đi cơ hội để quân bình và chan hoà được niềm sướng vui của triệu con người cùng với bao triệu người khác, dẫu cùng quê hương, chủng tộc, nhưng so thế cuộc vẫn còn nặng niềm âu lo, khắc khoải trong nỗi bất an và nỗi đau riêng. Cái “ chính nghĩa ” chính trị một thời, ác thay, đã làm chột đi cái đại nghĩa có thể ghi lại đến muôn đời.

Oán cừu ta lại đem ra trời cột lấy ta.

Có lẽ chỉ có người vợ, người mẹ Việt Nam, trong phần đời ngắn ngủi của mình, mới có đủ cái hoàn cảnh khắc nghiệt để gom lại trên bàn thờ hương khói của mình mười khung ảnh người thân yêu chết trong chiến trận. Đây là chồng, đây là các con, đây là các cháu. Tất cả đã nằm xuống đó đây trên khắp chiều dài đất nước. Tất cả đã nằm xuống lần lượt theo chiều dọc của thời gian lịch sử cận đại. Đây là ảnh người lính cụ Hồ thế hệ thứ nhất, sao vuông trên mũ. Đây là áo bộ đội, mùa chiến dịch Điện Biên. Đây là áo giải phóng quân. Và đây, những chiếc khung không có ảnh. Ai là người vắng mặt ? Và người ấy đã nằm lại nơi nào trên quê hương ? Đã có lần nào chưa, “ mẹ già lên núi, tìm xương con mình ”, và đau xót trở về tay trắng ?

Bi thảm hơn, nếu ta tưởng tượng rằng hai tấm ảnh vắng mặt còn có thể là chân dung đứa con, đứa cháu “ đi Nam ” từ những năm 50. Bộ quân phục, vì thế có thể sẽ khác, nhưng niềm đau của mẹ, của bà thì chắc vẫn đầy ắp.

Bằng cái tâm cảm thật phi chính trị. Bằng một nỗ lực để nghe và hiểu nỗi đau chung của chính dân tộc mình qua từng nỗi đau riêng, ta mong làm sao cho bà mẹ kia vui đi nỗi khổ.

Nhưng, khi màu sắc của chính trị, của oán hờn vẫn còn đủ sức làm hôn ám lương tri, người ta sẽ không nhìn ra ngay cả cái nhân tính trong mỗi con người. Không có nỗi đau ruột thịt, chỉ có sự tôn thờ và ngưỡng vọng dành cho phe phái. Cờ đối lấy cờ, khẩu hiệu đối với khẩu hiệu. Sự ngu tối trùng trợn nhìn nhau, toé máu mắt. Và con người chìm nhau xuống cõi thấp nhất của nhân tình. Oán báo oán vẫn còn là chuyện của hôm nay ! Vết chém trên lương tri kéo dài từ những nghĩa trang xa xôi bên kia bờ đại dương sang đến một bảo tàng nghệ thuật ở Nam Cali. Gieo và gặt vẫn sánh đôi nhau. Nghiệt ngã hơn cả định mệnh.

Lòng tôi muối xát khi nhìn cảnh một cháu gái thiếu nhi người Việt hăng say “ thuyết minh ” về ý nghĩa một bức tranh trong phòng triển lãm ở Santa Ana. Bức tranh có thể mang lại giọt lệ xót thương trên khoé mắt một bà mẹ người nước khác, nhưng bức tranh mang lại giọng điệu oán hờn, thù hận trong giọng ngâm thơ của cháu. Phải tốn biết bao công sức của thế hệ cha chú của cháu để nuôi dưỡng và truyền lại được mối oán hờn kia ?

Và, tôi ngồi đây, vọng tưởng về một thiên niên kỷ mới đang tới, tự hỏi mình mơ ước gì ?

Tình thật, tôi không biết sẽ gọi tên cho nỗi ước ao của mình là gì. Tôi càng không có khả năng dự phóng một kế hoạch để thực hiện điều mơ ước ấy. Tôi cũng sẽ không có lời lẽ gì để biện luận cho điều mình sắp nói. Làm sao tôi có thể đưa ra đây một luận chứng cho một kỳ vọng thuần cảm tính ? Lý lẽ nào cần và đủ để giúp ta hiểu được những điều thật sự đến từ trái tim ? Trái tim đã nhiều lần bị lý trí khinh mạn bước qua, không thêm han hổi. Lý luận, tranh biện có lẽ rồi cũng chỉ loanh quanh trong trò chơi lý trí, để lại dẫn nhau về theo lối mòn chưa thoát được kia ư ?

Tôi ước rằng, một ngày (hay một giờ, một phút) nào đó vào năm cuối thiên niên kỷ này, hoặc đầu thiên niên kỷ sắp tới – năm 2001 chẳng, nếu chưa thể là năm 2000 ? – dân tộc tôi sẽ tạm ngưng mọi lo toan cơm áo, tạm quên đi mọi thứ hơn thua, tranh đoạt, thăng tiến, vươn lên trong cõi đời này ; tạm gác những học thuyết và triết thuyết có sức làm nghiêng trời, lệch đất, có thể mang ta “ đi tới những tinh cầu ” nhưng khó đưa ta đến gần với con người sống quanh ta. Ngưng và quên hết cả, để quay trở lại với tình cảm thâm sâu mà đơn giản nhất của mình, để nghĩ về những người thân yêu của mình, của xóm giềng, và của cộng đồng dân tộc, đã vĩnh viễn nằm xuống trong cuộc chiến đã chấm dứt hơn một phần tư thế kỷ trước.

Ta sẽ cõi bỏ cho họ mọi phiền lụy của cõi sống này. Ta sẽ xếp lại giùm họ những màu cờ, sắc áo, những nhãn hiệu ta vẫn còn ký thác cho họ khệ nệ mang giữ. Và mời họ quay về, trong niềm thương tiếc chân thành, như là những người chồng của vợ, con của mẹ cha, anh của các em, cha của các con, và người thân yêu của họ mạc, xóm giềng.

Ta sẽ chọn cơ hội ấy để làm lễ mãn tang chung cho những người thân yêu mà cuộc thế đã đẩy họ đi ra nơi trận địa, làm chiến sĩ, làm anh hùng, và làm nạn nhân. Để ta có thể đến thăm từng bà mẹ, ông cha, thấp nén hương hay đọc một lời cầu nguyện cho người đã khuất, mà nơi cổ ta không còn vị đắng của phân liệt, hận thù.

Ta sẽ nhân khoảng thời gian ngắn ngủi ấy để các bà mẹ mất con, những người vợ mất chồng, con mất cha, bạn bè lìa xa bạn bè có thể đến với nhau, và nói với nhau lời ân tình, thông cảm. Để những ai còn nước mắt khóc với nhau một lần, đối xối đi cho sạch những oan cừu, ngăn cách. Như từng người riêng lẻ, trong từng cảnh huống riêng lẻ, đã từng khóc với nhau trong phần tư thế kỷ qua. Lần này, ta sẽ làm chung với nhau. Từng người, và mỗi người, sẽ mời nhau tham dự. Từng người sẽ tháo bỏ cho mình và cho người bên cạnh mọi lần ranh lịch sử phân tranh còn để lại.

Và, tôi ngồi đây, vọng tưởng về một thiên niên kỷ mới đang tới, tự hỏi mình mơ ước gì ?

Một ước mơ không có khả năng hiện thực ? Một ước mơ không vượt nổi các chương ngại lòng người ? Có thể là như vậy. Nhưng, xin vẫn được ước mơ. Và xin mời những ước mơ.

Nguyễn Lộc

Một ngày tháng 9, năm 1999

Một bộ phim tư liệu quý giá

LA FOI DU SIECLE trên đài truyền hình Arte

Tháng 10, trong 4 tuần lễ liên tiếp (tối thứ tư), đài truyền hình Arte (song ngữ Pháp-Đức) sẽ chiếu bộ phim tài liệu của Patrick Rotman và Patrick Barbéris : **La Foi du Siècle (Niềm tin Thế kỷ)**.

Niềm tin đó là niềm tin cộng sản, một lý tưởng đã quyến rũ hàng triệu, hàng triệu người trên thế giới trong suốt thế kỷ XX, dẫn tới những biến đổi lịch sử sâu sắc, cũng như đã gây ra những tội ác ghê gớm, những đau thương vô hạn.

Giá trị nổi bật của bộ phim 4 lần 52 phút này là toàn bộ hình ảnh tư liệu phong phú và đa dạng mà các tác giả đã truy tìm và khai thác từ các kho văn khố của nhiều nước, đặc biệt của Liên Xô và Pháp. Một thí dụ cụ thể và quý báu đối với tất cả những ai quan tâm đến lịch sử Việt Nam : hình ảnh Lev Trotsky đứng nói chuyện với Nguyễn Ái Quốc năm 1924 trong một cuộc họp của Quốc tế cộng sản. Hình ảnh ấy đã “ được ” cất giấu kỹ càng suốt hơn 70 năm, đến nay mới được công bố.

Nhược điểm chính của bộ phim là lời bình, nhiều chỗ rơi vào cái bệnh hời hợt theo kiểu tuần báo *Le Nouvel Observateur*. Cũng không quan trọng lắm, vì nói chung, các tác giả đã cố gắng đặt các sự kiện vào bối cảnh chung của tình hình quốc tế. Tính số và tổng kết sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản không thể chỉ thu hẹp vào thành tựu và thất bại của phe xã hội chủ nghĩa, mà phải xét cả tới những nhân nhượng của giai cấp tư sản ở các nước tư bản, mở đường cho những tiến bộ xã hội to lớn ở phương Tây. Nói tới điểm son này, để tiếc rằng các tác giả đã coi nhẹ tác động to lớn của phe xã hội chủ nghĩa vào phong trào giải phóng dân tộc.

Dẫu sao, đây là bộ phim giá trị. Nó gợi mở cho sự suy nghĩ và thảo luận rộng rãi.

K.V.

Buôn bán trong không gian Xi-be (2)

Hà dương Tuấn

Trong số trước^(*) người viết bài này đã giới thiệu những kỹ thuật và thủ tục gửi nhận thông tin đang được phổ biến mạnh để sử dụng trong việc giao dịch thương mại qua lưới nhện toàn cầu. Những kỹ thuật này, như : mật mã hoá bằng chìa khoá bất đối xứng, xác minh, thị thực, thẻ điện tử (*smart card, carte à puce*) v.v. nhằm bảo đảm sự bí mật và an toàn trong buôn bán điện tử, và người ta có thể thấy rằng buôn bán (và cả những giao dịch khác không có tính thương mại) trên không gian xibe là sòng phẳng không kém gì các phương thức cũ, có khi còn khó lừa đảo hơn. Nhưng thực tế ra sao còn tùy thuộc nhiều yếu tố phi kỹ thuật như tâm lý người tiêu thụ, luật pháp v.v. Trong số này xin tiếp tục xem xét những yếu tố ấy.

4. VÀI KHÍA CẠNH KINH TẾ XÃ HỘI

Thật vậy, qua những trình bày (hy vọng rằng không quá phức tạp !) trong kỳ trước, có thể nghĩ rằng người không chuyên môn khó thực sự biết tại sao và làm thế nào mua bán qua lưới nhện lại là bảo đảm, không nói gì tới những cơ chế luật pháp còn hoàn toàn trống vắng. Như vậy lẽ thường là người ta nghi ngại. Thế mà trong năm 1996 doanh số của TMĐT (Thương Mại Điện Tử) trên thế giới, có lẽ chủ yếu tại Hoa Kỳ, đã lên tới 15 tỷ quan pháp (FF). Phần Pháp lúc ấy mới chỉ là 200 triệu FF, tuy nhiên đó là những giao dịch qua Internet, TMĐT ở Pháp từ lâu chủ yếu là qua Minitel. Năm 1998, theo nhật báo Le Monde ngày 03/03/99 thì doanh số TMĐT trên thế giới là 65 tỷ FF (gần 11 tỷ đôla), ở Mỹ doanh số đó đã tăng 230 % so với năm 97, còn Pháp thì mới nhỉnh lên tới 300 triệu FF, trong khi doanh số của giao dịch qua Minitel là 15 tỷ FF.

Trong một hội nghị về TMĐT đầu năm nay, người trách nhiệm về vấn đề này của hãng France Telecom đã dự phóng các con số tương ứng cho năm 2001 là 1300 tỷ FF trên thế giới và 60 tỷ FF tại Pháp ; và dự phóng xa cho 2010 là 10 % của toàn bộ doanh số thương mại trên thế giới sẽ được thực hiện qua Internet. Con số tại Pháp như trên không đáng ngạc nhiên nếu người ta biết rằng giao dịch qua Minitel hiện nay đang chuyển mạnh qua Internet, và như thế tức là doanh số TMĐT sẽ nhân bốn lần sau 3 năm, không phải không có cơ sở so với sự tăng trưởng đã qua tại Hoa Kỳ, và nếu tính đến việc Internet bùng nổ tại Pháp sau Hoa Kỳ vài năm. Theo bộ trưởng tài chính Pháp thì đầu tháng 3.99 có 3,5 triệu người dùng Internet tại

(*) Vì không đọc lại kỹ nên trong chú thích trang 17 cột hai của bài kỳ trước (ĐĐ số 87) còn hai lỗi, xin bạn đọc tha thứ và sửa lại như sau : dòng 13 và 14 từ dưới lên : ...*Khoá mật là cặp số (n,d) và khoá công khai là cặp số (n,e)* . Xin để ý là muốn suy từ e ra d ... ; và dòng 3 từ dưới lên ...*bao phủ 5 tỷ tỷ lần*...

Nhân tiện xin nói rõ thêm, mặc dầu chuẩn quốc tế X.509 đã xác định chiều dài các khoá VSA là 1024 bit, các khóa hiện nay dùng trong PC chỉ dài có 512 bit. Ngày 22 tháng 8 vừa qua (Le Monde 08/09/99) một mạng gồm 300 PC và một máy rất lớn Cray C916 đã phá được *một* khoá 512 bit sau ... 7 tháng hoạt động.

Pháp (tin Le Monde 04/03/99), và tin mới nhất theo hãng tiếp thị Médiamétrie là đã có 4,7 triệu người vào tháng 7 năm nay. Như thế, tháng tám vừa qua, thủ tướng Pháp có cơ sở để tuyên bố là trong 6 tháng trước số người sử dụng Internet tại Pháp đã tăng 47 % (Le Monde, 28/08/99).

Nhiều ký giả cho rằng TMĐT là động cơ chính của việc phát triển Internet, có phải vậy không ? thực ra thì điều đã xảy ra là ngược lại, cho đến nay Internet phát triển vì những lý do khác, và TMĐT đã nương theo đó mà bung ra, vì thống kê năm 1997 cho biết chỉ có 3 % đến 4 % thông tin xuyên qua Internet là giao dịch TMĐT. Vì thế, tuy những con số có vẻ khả quan, người ta vẫn cho rằng sự chưa tin cậy của người dùng là một trở ngại, cộng với sự bất tiện của Internet hiện nay vì còn quá chậm. Đáng lẽ TMĐT có thể phát triển nhanh hơn.

Vì thế có thể nói trong tương lai không xa lắm TMĐT sẽ là một trong những yếu tố thúc đẩy sự hình thành của mạng Internet kiểu mới nhanh hơn lúc nhanh nhất hiện nay (vào ban đêm) khoảng 50 lần. Các hãng viễn thông lớn trên thế giới và các nước kỹ nghệ tiên tiến đều đang khẩn trương xúc tiến việc này, dựa trên một kỹ thuật gọi là ADSL (*Asymetric Digital Subscriber Line*) sử dụng đường dây điện thoại sẵn có để cho phép bạn vừa giữ máy điện thoại hiện nay, vừa lướt sóng trên không gian xibe với vận tốc cao. Điểm đặc biệt là không đối xứng : nếu vận tốc đường vào mạng cao hơn 10 lần hiện nay thì đường từ mạng về nhà cao hơn 50 lần, đủ để xem quảng cáo với những hình ảnh động như trên Tivi. Nhưng dù có khẩn trương thì việc phát triển một mạng viễn thông cũng cần năm, mười năm để giá sử dụng trở thành hấp dẫn với số đông.

Khó mà cho rằng khi người ta phát triển mạng Internet mới với kỹ thuật ADSL này lại không nghĩ đến TMĐT, vì nó quá thích hợp ! Khi người mua điền vào thư đặt hàng để gửi đến trạm phục vụ thì chẳng cần gì truyền tin nhanh hơn hiện nay. Chính là khi cần xem các mặt hàng với những hình ảnh và phim ảnh đủ màu thì mới cần truyền tin về nhà với vận tốc cao. Buôn bán qua Xibe hiện nay cần rất nhiều kiên nhẫn nếu trạm phục vụ của người bán gửi đi nhiều hình ảnh. Đó là hạn chế lớn, tuy những dịch vụ hiện nay đã rất là muôn vẻ : quảng cáo du lịch, thuê khách sạn hay nhà nghỉ hè, mua những sản phẩm đặc biệt trực tiếp từ người sản xuất (sách, rượu và... viagra bán rất chạy), mua vé hát, vé xe... Nhưng nếu trong tương lai ta có thể ngồi nhà xem mọi loại cửa hàng ảo bất cứ lúc nào và tức khắc, thì những dịch vụ thương mại trở nên hấp dẫn hơn rất nhiều. Không kể những dịch vụ mới có thể mở ra, không tưởng tượng hết nổi, chẳng hạn như bạn có thể mua bán qua cửa hàng 'ảo' như ta đi vào siêu thị, lật trang rất nhanh xem ảnh các kiểu áo như xem trên giấy, thích kiểu nào thì bấm nút một cái, tức thì có người mẫu siêu minh tinh Claudia Shiffer hay Naomi mặc áo đó đi qua đi lại trên màn ảnh...

Việc trả tiền là chuyện tương đối dễ. Tuy nhiên cũng cần thay đổi, vì không thể theo như Internet hiện nay, mà sẽ cần một cơ chế thanh toán mới nào đó giữa người sử dụng, người bán hàng và người bán dịch vụ viễn thông. Khối lượng thông tin quảng cáo truyền trên mạng mỗi lần sẽ rất lớn, khó có thể bắt hoặc người mua, hoặc người bán gánh chịu trực tiếp toàn bộ chi phí viễn thông đó, cho dù cuối cùng vẫn là người mua phải trả một cách vô hình, như đối với quảng cáo hiện nay.

5. CÁC HÌNH THỨC TMĐT CHỦ YẾU

Xin trở về hiện tại và tương lai rất gần, với những vấn đề có thể giải quyết sớm hơn, có nghĩa là cần tăng độ tin cậy và sự

tiện dụng cho người dùng. Hai yếu tố này có liên quan, vì trước một giao dịch đắt tiền thì cần độ tin cậy cao và người mua sẵn sàng chịu mất thời giờ và một chút phiền hà ; ngược lại nếu chỉ trả ít tiền như mua bánh kẹo, thuốc lá, thì việc đó phải rất đơn giản. Thêm nữa cần phân biệt hàng hoá vật chất cần đi mua, hoặc cần giao hàng, và hàng hoá không vật chất có thể gửi thẳng qua không gian Xibe. Vì thế có vài hình thức thực hiện khác nhau.

5.1. Túi tiền điện tử

Nếu dùng thẻ tín dụng cho trên dưới một chục quan thì không kinh tế, cho nên cần gộp những chi phí nhỏ lại để cả người mua (cho nhiều lần mua ở những chỗ khác nhau) và người bán (cho nhiều lần bán, với những khách hàng khác nhau) đều chỉ cần chuyển giao với nhà băng những món tiền lớn hơn. Giải pháp phổ biến hơn cả được gọi là túi tiền điện tử (TTĐT). Đó là một thẻ điện tử bạn có thể chuyển vào mỗi lần một số tiền vài trăm quan, rồi trừ đi dần mỗi lần mua, qua máy đọc của người bán hàng, máy đọc này tích tụ số tiền thu được, tới một lúc nào đó thì chuyển vào trương mục của người bán hàng. Thẻ điện tử này là vô danh (cũng như tiền), có thể khác với thẻ tín dụng, hay có thể dùng cùng một thẻ cho cả hai công việc như tại các nước Áo và Đức. Tình hình phát triển của TTĐT tại vài nước trên thế giới như sau (Le Monde, 07/07/99) :

- * Tại Mỹ, một vài thử nghiệm cho tới nay là thất bại, có lẽ vì người Mỹ quen trả tiền mặt hơn nhiều nơi khác.
- * Đan Mạch (5,2 triệu dân) là nước đi tiên phong, dùng TTĐT trong cả nước từ 1993, hiện nay cứ 10 người thì có một người có TTĐT, tổng cộng mỗi năm 7 triệu lần dùng.
- * Tại Đức TTĐT bắt đầu từ cuối 1996, tới năm ngoái đã có 4,5 triệu thẻ được phát hành, nhưng lại chỉ mới có 65 ngàn người bán hàng có máy đọc và 22 ngàn máy viết (máy chuyển tiền công cộng), tình hình sử dụng không có chiều hướng tăng. Tương đối thất bại.
- * Tại Bỉ (10 triệu dân) TTĐT đã được tung ra từ tháng 5.1996, và tới cuối năm ngoái thì đã có 5,6 triệu thẻ, hơn 54,5 ngàn máy đọc, và hơn 18 ngàn máy viết. Hơn một triệu người Bỉ sử dụng nó ít ra là một lần trong tháng, so với số dân thì như thế là tương đối thành công.
- * Tại Pháp TTĐT chưa được tung ra, và ngay từ bây giờ bắt đầu 3 thử nghiệm đại trà do ba tổ hợp gồm các nhà băng và các hãng lớn khác nhau chủ trì, thử nghiệm nào thành công nhất sẽ được giữ lại làm hình thức chính thức. Pháp rút kinh nghiệm của các nước đi trước nên đã chuẩn bị kỹ hơn, đặc biệt về phía các người bán hàng.

Tuy nhiên trong toàn thể Liên hiệp châu Âu một cơ hội nữa cho TTĐT sẽ đến vào năm 2002, khi Euro hoàn toàn trở thành đơn vị tiền tệ chung, khi ấy một hình thức TTĐT thống nhất và hoàn hảo hơn cần thiết được ban hành.

5.2. Trả tiền nhỏ qua không gian Xibe

TTĐT thích hợp cho việc đi tới các quầy bán hàng để mua những sản phẩm vật chất nhỏ và không đắt tiền, không bỏ công giao hàng. Nhưng ngày nay thời đại thông tin, rất nhiều sản phẩm ‘không vật chất’ có thể chuyển thẳng từ máy tính của trạm dịch vụ tới máy tính của khách hàng, như những bản nhạc, những bài báo cũ, các tài liệu chuyên môn nào đó. Các món này có thể không tốn tiền, nhưng hợp lý hơn cả là người muốn có nên trả một khoản tiền nhỏ cho trạm dịch vụ và cho tác giả các sản phẩm không vật chất đó. Vậy làm thế nào ?

Hiện nay hình thức thanh toán là phải qua trung gian của các

công ty dịch vụ Internet (ISP). Nếu bạn đã đăng ký trả tiền hàng tháng cho một công ty ISP thì có thể mua thông tin qua một trạm dịch vụ thông tin cũng gắn với ISP đó. ISP sẽ tính vào hoá đơn hàng tháng của bạn tất cả những lần mua khác nhau trong tháng, và trả lại các trạm dịch vụ mỗi trạm tất cả các lần bán trong tháng, sau khi đã khấu trừ vài phần trăm hoa hồng. Chẳng hạn hiện nay bạn có thể mua theo cách ấy những tài liệu trong kho tài liệu điện tử của nhật báo ‘Le Monde’ qua ISP **Wanadoo** của France Telecom. Hình thức này cũng tương tự như hình thức Minitel đã quen thuộc ở Pháp. Phức tạp hơn một chút là khi người mua và người bán không cùng một ISP, điều này hiện nay theo người viết bài biết thì hình như chưa làm được, vì cần hai ISP thương lượng với nhau, và cần một thủ tục trao đổi mới giữa hai ISP cho mỗi giao dịch.

Thuận tiện hơn cả là mỗi máy PC có bộ phận đọc thẻ để đọc TTĐT, như vậy người mua và người bán có thể giao thiệp thẳng từ bất cứ đâu, bỏ qua trung gian của các ISP. Các bộ phận này đã bắt đầu xuất hiện và đang được thử nghiệm. Người ta có thể nghĩ rằng đã thế thì sao không cài đặt trong PC một loại TTĐT ảo, hoàn toàn bằng phần mềm để bỏ qua luôn cái thẻ điện tử ? Điểm khác biệt là trong thẻ điện tử có máy vi tính, bằng những phương pháp mật mã hoá như đã trình bày kỳ trước, có thể bảo vệ chặt chẽ thông tin về số tiền nằm trong đó mà người dùng không giả mạo được. Ở Mỹ vài năm trước đây có sự dị ứng với thẻ này, vì nó được phát minh tại Pháp (do đó muốn sản xuất phải trả hoa lợi, *royalties*) ; nên đã có những đề án nghiên cứu về ‘TTĐT ảo’ như trên, nhưng bây giờ không nghe nói tới nữa. Tất nhiên không thể loại trừ là sẽ có những băng đảng làm giả mạo các thẻ điện tử với phương tiện tối tân, nhưng làm món này khó hơn làm bạc giả, và luật pháp cũng như công an, quan thuế vẫn còn đó.

5.3. Giao dịch lớn hơn qua không gian Xibe

Với những giao dịch cần trả những món tiền trên vài trăm FF thì không thể vô danh như TTĐT được, cần có kiểm tra và hoá đơn, v.v. Ở đây phải dùng đến những thủ tục phức tạp đã hoặc sẽ được cài đặt trong máy tính của người mua cũng như người bán. Như đã trình bày trong kỳ trước, những thủ tục này rất bảo đảm, chủ yếu vừa bảo vệ không cho ai đọc thư đặt mua hàng, vừa minh chứng và thị thực một cách chắc chắn tên tuổi người mua hàng bằng chữ ký điện tử gắn liền với thư ấy, mà ở trong đã có ghi số thẻ tín dụng của người mua.

Ngoài những thủ tục mua bán dĩ nhiên còn việc giao hàng. Hàng hoá vô hình như các hệ mềm (*software*) lớn, phim ảnh v.v. có thể được chuyển thẳng qua mạng lưới điện tử, tuy rằng với mạng thông tin hiện nay, việc này còn rất chậm và là một cản trở lớn. Với những hàng hoá vật chất thì việc tổ chức giao hàng cũng chẳng khác gì mua bán bằng thư từ hiện nay.

Nhưng trong khi chờ đợi các chuẩn mực và luật pháp về thương mại điện tử (TMĐT) được hoàn chỉnh, tùy nơi mà tâm lý người tiêu thụ có thể còn nghi ngại và do đó cản trở sự phát triển TMĐT. Vì thế hiện nay đang thành hành một hình thức tạm thời trong đó các công ty lớn như ngân hàng hay các hãng viễn thông nhận đứng ra làm trung gian, do đó làm khách hàng tin cậy hơn. Chẳng hạn tại Pháp từ tháng 9 này hãng France Telecom (FT) đã thành lập dịch vụ **Telecommerce** (mua bán từ xa) ; theo đó thì FT ký kết những hiệp đồng với một loạt các nhà băng, một hãng vận tải chuyên việc giao hàng để thực hiện dịch vụ ấy như sau :

- * Người bán hàng muốn được bán qua FT phải ký kết với họ và trả hoa hồng (từ 1% đến 3% tùy giao kèo).

- * Người mua hàng, qua ISP Wanadoo của FT sẽ vào đọc các trang chủ (Home Page) của người bán hàng, và lựa chọn tùy ý. Nhưng khi đặt mua hàng thì số thẻ tín dụng của người mua được giữ lại tại trạm dịch vụ của FT (nói là để bảo đảm không bị loan truyền) FT sẽ liên lạc với người bán, người giao hàng và cả nhà băng của người mua để bảo đảm tương mục còn đủ tiền, v.v.
- * Sau khi chấp nhận thư mua hàng thì FT gửi tới công ty vận tải lệnh giao hàng, và khi người giao hàng đưa biên nhận đã giao hàng về thì FT sẽ yêu cầu nhà băng chuyển tài khoản.
- * Các trao đổi thông tin đều xuyên qua cửa ngõ của FT và được mật mã hoá.

Người ta có thể thấy vai trò trung tâm có hơi ‘đế quốc’ này chỉ dựa trên cái tên của mình để trấn an khách hàng, và lấy tiền hoa hồng của những người bán hàng. Tương lai sẽ trả lời vai trò này có được họ chấp nhận hay không. Vì bên cạnh đó các ISP khác đang chuẩn bị cạnh tranh bằng những dịch vụ tương tự, nhưng không đòi hỏi nhiều như vậy. Chẳng hạn các ISP xuất phát từ Hoa Kỳ chỉ thị thực chữ ký điện tử, rồi để cho các quan hệ tay đôi trong tam giác người mua, người bán và nhà băng hoàn toàn độc lập với mình.

Thực ra tâm lý con người có phần không thuần lý, vì người ta sẵn sàng đưa thẻ tín dụng của mình cho bất cứ hàng tạp hoá hay tiệm ăn nào. Thế thì tại sao lo ngại số thẻ của mình bị đọc qua mạng lưới điện tử? Nguồn gốc thực sự của lừa đảo, tuy không dễ, là hiện nay chỉ cần gửi số thẻ tín dụng qua Internet để mua hàng. Vì vậy nếu chấm dứt được tập quán đó, nghĩa là mỗi lần dùng thẻ đều phải có chữ ký, điện tử hay không, thì dù có ai đó biết số thẻ của người khác cũng không làm được gì. Nhưng như thế phải có luật, đó là điều đang hình thành.

6. KHÍA CẠNH PHÁP LUẬT

Theo truyền thống ‘luật bất thành văn’ của Anh Mỹ thì cứ do kiện cáo và toà xử thành tiền lệ, mà sinh ra luật, vì vậy người ta không chờ đợi có luật mới nảy sinh những sinh hoạt mới. Người viết không sống tại Mỹ nên không biết đã có những vụ kiện nào do TMĐT gây ra chưa, nhưng nếu có chắc cũng nhỏ thôi, vì không thấy phản ánh qua các báo chuyên môn. Điều này, nếu đúng, chứng tỏ các thủ tục của TMĐT do tư nhân bảo đảm là tốt, và giúp cho việc phát triển nhanh hiện nay.

Nhưng tại châu Âu nói chung người ta thích làm luật, và chờ đợi sự bảo vệ của luật pháp nhiều hơn là của luật sư. Các chính phủ hiện nay đều thấy cấp bách phải có những đạo luật về TMĐT. Nhưng tình hình đến đâu, và cần làm những gì?

Một vài biến chuyển gần đây tại Pháp: theo nghị định văn hiện hành thì bất cứ ai muốn dùng mật mã phải đưa chìa khoá của mình, đối xứng hay không, cho một pháp nhân gọi là ‘người thứ ba tin cậy được’ (tiers de confiance) do chính phủ công nhận. Điểm độc đáo rất ‘Pháp’ này hoàn toàn không tưởng, vì làm sao kiểm tra mật mã nào đã ‘trình tòa’ hay không, trong hàng tỷ thông điệp xuyên qua mạng mỗi giờ? Kết quả là nghị định này đã chìm xuống trên thực tế, và những tuyên bố trong hai năm vừa qua của chính phủ Jospin cho thấy sự đồng thuận rất lớn trên cả thế giới trên khái niệm xác minh và thị thực bằng mật mã không đối xứng, trong đó chìa khoá kín là sở hữu tuyệt đối của công dân. Tháng 8 vừa qua thủ tướng Jospin vừa đề nghị khẩn trương thành lập những đạo luật TMĐT, trong một năm phải trình quốc hội, trong đó quan trọng nhất là đạo luật công nhận chữ ký điện tử. Một điểm quan trọng nữa trong việc bán hàng từ xa là: không dễ bảo vệ

người tiêu dùng bằng một đạo luật chặt chẽ chống những cạm bẫy quảng cáo, và nhất là chống bọn lừa đảo trong kinh doanh, mở ra một địa điểm WEB để thu tiền rồi sau đó biến mất! Cuối cùng, cần xác định một vài chi tiết như giới hạn số tiền tiêu tối đa bằng TTĐT (vài trăm FF?) và bằng chữ ký điện tử (vài chục ngàn FF?). Cũng có thể để cho những công ty thị thực chữ ký điện tử tự do xác định giới hạn đó.

Hội đồng châu Âu (*Commission européenne*), trong báo cáo đề ngày 03 tháng 5 năm 98, đã kiến nghị với Liên hiệp châu Âu những vấn đề cần giải quyết cho TMĐT, và có thể tin rằng Liên hiệp châu Âu sẽ đi tới những giải pháp thống nhất dựa trên báo cáo này. Như thế các chuyên gia về luật cho rằng sớm lắm cũng phải đợi hai năm nữa mới có những căn bản về luật TMĐT cho Liên hiệp châu Âu. Chỉ là căn bản thôi, còn nhiều khía cạnh như quan thuế cho những sản phẩm không vật chất, mới chỉ đặt ra vấn đề. Làm sao chặn được các ‘món hàng’ ấy để đánh thuế, mà vẫn tôn trọng đời tư của công dân?

7. KẾT LUẬN

Có thể nói, trừ Hoa Kỳ, TMĐT trên thế giới hiện nay mới ở giai đoạn trước triển khai, với những hình thái chưa hoàn toàn ổn định, nhưng đã tương đối rõ nét. Nhiều yếu tố đang hội tụ để đưa nó lên bệ phóng trong vòng vài năm sắp tới, và như nhiều hiện tượng kinh tế xã hội, người ta cần một thời gian để làm quen, nhưng khi đã phát triển thì có thể bùng nổ.

- * Người tiêu thụ đang tập sự TMĐT và, với thời gian, nếu không có sự cố lớn xảy ra thì nghi ngại của họ sẽ tiêu tan.
- * Mạng lưới truyền tin sẽ hoàn hảo và nhanh hơn khiến cho dịch vụ TMĐT trở nên hấp dẫn.
- * Cơ sở luật pháp sẽ có. Các tổ chức kinh tế chính trị chủ yếu, dù muốn hay không, đang chuẩn bị tích cực cho TMĐT.

Nhưng chắc TMĐT, tự nó, không phải là một cuộc cách mạng sẽ làm đảo lộn xã hội. Thật ra, với các hàng hoá vật chất, TMĐT chỉ khác mua bán từ xa bằng thư từ ở chỗ gửi thư qua Internet mà thôi. Nhưng nếu nhìn rộng hơn, nó là một bước phát triển mới của cuộc cách mạng thông tin đã triển khai từ nhiều thập kỷ nay, và việc có thể mua bán thông tin qua không gian Xibe sẽ thay đổi rất nhiều các ngành xuất bản và ấn hành báo chí, sách vở, âm nhạc, phim ảnh. Người lưu ý về môi trường bớt được một mối lo, vì bớt giấy tức là bảo vệ rừng. Người lo về giáo dục cũng lạc quan (phần nào, vì còn nhiều mặt trái) khi việc truyền bá kiến thức trở nên rẻ hơn.

Một điểm tích cực nữa là TMĐT cho phép chống lại khuynh hướng ‘múa gậy vườn hoang’ của các tập đoàn phân phối lớn, gây áp lực trên sản xuất để bán hàng loạt những sản phẩm tồi tệ. Vì TMĐT bảo vệ các nhà sản xuất nhỏ tốt hơn, do đó bảo vệ chất lượng đời sống. Họ có thể bán hàng trực tiếp qua không gian Xibe, làm một ‘catalogue’ điện tử hiện nay rất rẻ so với làm bằng giấy, và ai cũng có thể đọc được không cần tốn tiền gửi bưu điện. Cũng qua việc này, ngành vận tải hàng hoá tới người tiêu thụ sẽ phát triển mạnh.

Có một dịch vụ cần thiết và rất thích thú là tin học hoá các nhà sản xuất nhỏ trong thời đại Xibe này, kết hợp cả tin học (quản lý ‘sau cửa hàng’ - *back office* - việc mua buôn và bán lẻ, lấy dữ kiện trực tiếp từ mạng nhện), viễn thông, và nghệ thuật ‘multimedia’, gồm cả chữ viết, hình ảnh, phim để làm được những địa điểm (site) hấp dẫn trong mạng nhện.

Hà-duyng Tuấn

Tổng quan về hồi ký Tô Hoài
Mừng nhà văn tám mươi tuổi

Chiều Chiều

Đặng Tiến



Chân dung Tô Hoài, Nguyễn Sáng 1964

*Chiều chiều chìm vệt kêu chiều
Bâng khuâng nhớ mẹ chín chiu ruột đau
Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiu*

Chiều chiều nhớ lại. Chiều chiều lại nhớ. Lại nhớ chiều chiều. . .

Chiều Chiều, hồi ký văn học, là tác phẩm mới nhất của Tô Hoài, sau khoảng 170 đầu sách, gồm có truyện ngắn, truyện dài, truyện cho thiếu nhi, truyện phim... và khoảng mười tự truyện kể từ *Cỏ dại*, 1944, đến *Tự truyện*, 1978, *Cát bụi chân ai*, 1992, *Sổ tay viết văn*, 1977, *Những gương mặt*, 1988. Những dư địa ký về Hà Nội và nhiều ký sự, du ký...

Và nói chung, kể cả những truyện hư cấu, truyện lịch sử... Tô Hoài viết cái gì thì cũng ra... tự truyện. Anh nhẩn nha kể hết chuyện này sang chuyện khác nhưng mỗi tác phẩm đều mang đến cho người đọc nhiều kiến thức mới lạ và lý thú. Thậm chí giọng kể mỗi lần mỗi khác. Ví dụ *Cát bụi chân ai* đã đem lại nhiều hiểu biết về Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Xuân Diệu và một thời đại văn học. Tương đến đó là hết chuyện, nhưng **Chiều chiều** lại mang lại nhiều ánh sáng mới, rọi chiếu vào một giai đoạn dài và nhiều truân chuyên trong xã hội và văn học từ 1955 đến nay. Ngày nay không thể viết phê bình hay lịch sử văn học mà không đọc đi đọc lại Tô Hoài.

Tô Hoài luôn luôn gửi gắm từng mảng đời có thật của mình vào chữ nghĩa, kể cả trong truyện ngắn, truyện dài, và có thể do đó anh không ưa dùng hai chữ tiểu thuyết. Chính Tô Hoài tự nhận điều đó trong hồi ký *Một quãng đường* viết năm 1972.

“Sáng tác của tôi đã miêu tả tâm trạng của tôi, gia đình tôi, làng tôi – mọi cái của mình, quanh mình. *Quê người, Giăng thế, Xóm Giếng ngày xưa*, trong đó có những mảnh đời, mảnh tình con con của mình. Cả những chuyện loài vật

tưởng như xa lạ kia cũng không ngoài cái rộn ràng hay thâm lặng của khu vườn trước cửa” (*Tự truyện*, 1985, tr.272).

Mỗi ký sự của Tô Hoài đều có sắc thái riêng. Ví dụ mảng hồi ký về thủ đô Hà Nội, từ *Chuyện cũ Hà Nội* (1986) đến *Hà Nội và Hà Nội* (1996) đã đem lại những chứng từ sống động về địa dư, lịch sử, phong tục, tiếng nói của thủ đô, và nhà văn Nga Nikulin đã tinh tế phát hiện ở nhà văn Tô Hoài một nhà dân tộc học. Viết bao nhiêu về thủ đô Hà Nội Tô Hoài vẫn còn “tình thương chưa đã, nhớ chưa bura” nên thừa mọi cơ hội để tự tình với Hà Nội, từ tiểu thuyết lịch sử *Quê nhà* (1970) đến **Chiều chiều**.

Tô Hoài đã viết hàng chục tập du ký. **Chú Dế Mèn** đã mở những trang phiêu lưu ký đến khắp các miền đất nước, sang láng giềng Lào, Campuchia, sang các nước Âu Mỹ, Á Phi, mà đỉnh cao là cảnh núi Kilimangierô, nơi Dế Mèn đã phiêu lưu đến năm 1989 (**Chiều chiều** tr. 501). Du ký của Tô Hoài âm ập tình người và lúc nào cũng đầm ấm lòng quê.

Tiếp theo là hồi ký văn học, đặc biệt là **Những gương mặt** (1988) ghi lại chân dung đậm nét về các tác giả bạn bè từ Nguyễn Bính đến Trần Huyền Trân, đậm thắm tình nghĩa. Nổi tiếng nhất là *Cát bụi chân ai* (1992) viết sau thời kỳ đổi mới, đã gây tiếng vang lớn. Một mặt vì nó tiết lộ nhiều sự kiện, như thái độ một số nhà văn thời kỳ đàn áp Nhân văn Giai phẩm, mặt khác vì lối viết mới mẻ, ví dụ như những trang về quan hệ đồng tính với Xuân Diệu (1992, tr. 190), những trang nồng nàn tình bạn với Nguyên Hồng, Nguyễn Tuân qua bao nhiêu sóng gió. Sách được in đi in lại nhiều lần, trong nước và ngoài nước. Khi tái bản, Tô Hoài chăm chút đọc lại và thêm bớt, tùy nhu cầu thông tin hay tình hình cho phép. Ví dụ trong CBCA, lần in 1997 trong *Tự truyện*, anh ghi rõ tên Hoàng Huế là người năm 1956 đã mĩa mai Nguyễn Tuân “nhà văn thất càn vật đồ đi du lịch năm châu” trên báo *Đất Mới*. Cũng trong *Tự truyện*, ấn bản 1997, Tô Hoài thêm cả một chương dài 15 trang cho Nguyễn Hữu Đang (tr. 360-374). Và nói rõ thêm về các nhà văn theo nhóm Trót Kýt (đệ tứ), như Lam Kiều bút hiệu của Nguyễn Xuân Huy (tr. 282).

Như vậy, khi đọc Tô Hoài, dù một tác phẩm in lại, nếu đọc kỹ, chúng ta vẫn thu hoạch được những kiến thức mới và hiểu được thời tiết văn nghệ Việt Nam trong khí hậu chính trị Việt Nam: vào thời điểm nào thì có thể viết được chuyện gì, dù là chuyện tình trai, lúc nào có thể nhắc đến tên ai, dù kẻ ấy là công thần của cách mạng.

Điều lý thú khác khi đọc **Chiều chiều** là những bí ẩn kia do bản thân Tô Hoài kể ra sau 50 năm sống trong guồng máy từ chi bộ đến Đảng bộ, Đảng uỷ. Từ những hồ sơ, người đọc biết những gian nan một thời của Đỗ Phồn, Trinh Đường, Phan Kế An... và thêm một số chuyện khác. Như về Thế Lữ, chúng ta cho rằng đã biết đầy đủ qua hồi ký của bà Song Kim; về Quang Dũng cũng vậy, qua những trang giới thiệu của Trần Lê Văn; về Lưu Hữu Phước, hồi ký Mai Văn Bộ tưởng là đã đầy đủ chi tiết về chính trị nhưng đọc **Chiều chiều** của Tô Hoài mới biết thêm nhiều oan khuất không ngờ tới. Và biết thêm về đời sống văn chương của một thời chưa xa vắng. Về những oan khiên đè nặng lên cuộc đời những Đặng Đình Hưng, Trần Đức Thảo, Trần Huyền Trân, và những gian nan của Nguyễn

Bính (tr. 228). Về Phan Khôi, chúng ta đã đọc nhiều trang phê phán hay ký sự cực đoan, bên này hay bên kia, với những dụng ý ngoài văn chương. Đọc Tô Hoài sẽ bắt gặp nhiều nét bình thường trong đời sống hàng ngày, bên cạnh những ký hoạ về Hoàng Trung Thông hay Phùng Quán.

Lại thêm việc tập kết từ miền Nam, năm 1955, “*nhiều cán bộ được bố trí ở lại mất tinh thần đã đổ xô xuống tàu, không kiểm soát được, trong khi những người cần đem ra thì bỏ lại. Các trường hợp Lam Giang và Võ Phiến là như vậy*” (tr. 209). Võ Phiến công nhận điều này và tỏ vẻ ngạc nhiên : Sao Tô Hoài lại biết đến Lam Giang ?

Ngay về Tô Hoài, theo những tư liệu văn học phổ biến, chúng ta vẫn cho rằng truyện đầu tay của anh là **Nước lên** đăng ở Hà Nội Tân Văn của Vũ Ngọc Phan, năm 1940. Đọc **Chiều chiều** mới biết thêm rằng trước đó mấy năm anh đã có **Những chuyện khó hiểu** đăng trên phụ trang nhật báo Đông Pháp (tr. 496). **Nước lên** là truyện đầu tiên được trả tiền do đó Tô Hoài đã nhiều lần viết “*Tôi vào nghề văn từ truyện ngắn Nước lên*” (Tự truyện, 1985, tr. 250) gây ra một sai lầm về thư tịch.



Chiều chiều là con sông dài, qua bao nhiêu ghềnh thác vẫn tiếp tục xuôi dòng hồi ức 80 năm của Tô Hoài mà vẫn chưa hò hẹn ngày xuống đồng bằng hay đổ ra biển cả.

Vậy **Chiều chiều** đã mang lại cho người đọc những cảm thụ gì mới ? So với những tự truyện trước, **Chiều chiều** nặng phần phê phán thời đại mà tác giả đã trải qua. Ở các tác phẩm trước, Tô Hoài thường bao che, bào chữa, như là một hồi ký bao cấp. Đến **Chiều chiều**, giọng kể nghiêm nghị hơn về đời sống chính trị và văn nghệ ngọt ngào những năm 1955-1970, về những sai lầm trong chính sách cải cách ruộng đất, về những đợt học tập chiếu lệ ở trường Đảng cao cấp là trường Nguyễn Ái Quốc, về đời sống Hà Nội từ những ngày tiếp thu qua những đợt sơ tán, đặc biệt là những ngày nhà văn Tô Hoài, trưởng khu phố (1965-1972) phải đi mai phục “*bắt gái điếm*” (tr. 294) và “*những người giặt xi-líp thuê cho gái điếm*” (tr. 288) “*bắt những anh Hà Nội, buổi trưa thuê phòng chơi gái*” (tr. 290), hay cảnh diệt chuột, bắt mê tín, thậm chí cả việc “*trông nom hơn hai trăm cái hố xí hai ngăn của thành phố*” (tr. 301). Hà Nội thanh lịch của Tô Hoài trong các hồi ký trước, đến **Chiều chiều** bỗng sực mùi bản thủ, hôi hám suốt mười trang rất hiện thực mà lần đầu tiên, Tô Hoài đã dành cho “*việc ỉa đái của đất Kẻ Chợ*” (tr. 300). Ngôn ngữ này sẽ làm ngạc nhiên nhiều độc giả vì lạ lẫm ở hành văn Tô Hoài, một tác giả duy mỹ, có cả một chủ trương về chữ nghĩa, mà từ 1959 anh đã gọi là “*chủ nghĩa tiếng nói*”. Mới đây anh có bài báo : “*Làm sao cho mỗi chữ là một hạt ngọc trên bản thảo, hạt ngọc mới nhất của ta tìm được, do phong cách văn chương của ta mà có được. Trang sách mà không có ‘ngọc’, trang bản thảo không có chữ thần, không có tinh hoa chữ thì cái hồn tác phẩm, từ tư tưởng đến nhân vật, biết lấy gì mà sống được, không có chữ ngon, chữ bổ nuôi nó, trang viết gầy gù trông rỗng ròi chết héo*” (Tâm sự về chữ nghĩa, Tạp Chí Văn học, 12/1998), nhưng bài này viết đã lâu, trong **Sổ tay viết văn** (1959).

Chữ ỉa đái không chứng minh mà cũng không phản biện “*chủ nghĩa tiếng nói*” của Tô Hoài ; theo tôi, nó chỉ chứng tỏ cụ Tô... bức mình ; cụ bất bình về chính sách vệ sinh thời đó, mà phải phốt tỉnh, cho đến **Chiều chiều** thì nó bật ra. Sự đời, rồi đến tình người, cụ bức nhiều chuyện lắm ; thậm chí cụ gắt gỏng ngay với con sông Tô Lịch tuyệt vời nhất châu Á (!) (tr. 267) mà một đời cụ chất chiu trong trí tưởng – cái tên Tô Hoài còn có nghĩa là hoài vọng sông Tô.

Quen giọng Tô Hoài, người đọc biết được lúc ngọt lúc chua : ví dụ với Lê Đạt, trong CBCA (1992, tr. 59) kể lại thời Nhân Văn Giai Phẩm và công tác đảng, anh kể “*tôi làm bí thư, Lê Đạt phó bí thư*”, là ngọt ; đến **Chiều chiều** (tr. 106) gọi Lê Đạt là “*Ông phó bí thư chi bộ cũ của tôi*”, là chua. Nhưng ví dụ đậm đà nhất là Như Phong, bạn nối khố với Tô Hoài từ Mặt trận Dân chủ (1943) Văn hoá Cứu Quốc, cùng vào tù ra khám, cùng làm báo Cứu Quốc vv. vv. Nhưng đến khi đánh Nhân văn Giai phẩm thì Như Phong đánh Tô Hoài rất kỹ, rất ác và rất hỗn như câu “*cái tật làm ra về mình thông minh*” của Tô Hoài (tr.103) còn gọi Tô Hoài là “*thằng ngoại ô lâu cá, văn chương thì dẻo gọt*” (CBCA, tr 117). Nhưng trong **Những gương mặt**, Tô Hoài vẫn có một chương rất đậm thắm cho Như Phong (không rõ năm viết) và khi Như Phong chết (1985) Tô Hoài đọc điệu văn rất lâm ly bi thiết. Tôi rất lấy làm lạ và có lần gạ hỏi riêng anh : “*Thế không giận à ?*” trả lời : “*Giận gì ? Gặp vẫn đi uống bia*”. Tôi cho Tô Hoài là thánh. Nhưng rồi trong **Chiều chiều**, anh kể lại thời kỳ đi thực tế (1958) Thanh Đình tay viết kiểm hiệp ba xu một hôm đến đợi Như Phong tại nhà Xuất bản Văn Học, nói : “*Tao vào thẳng Thạc, tao với thằng Thạc là bạn nối khố*”, Thạc là tên cúng cơm của Như Phong (tr. 28) ; tôi mới hay Tô Hoài không phải là thánh và cũng biết hờn giận như ai. Vì đã gọi một bạn văn bằng “*thằng*” dù qua lời người khác, cũng là... không ưa thích.



Tiếng Việt ta không có một từ chính xác tương đương với chữ *humour* trong tiếng Pháp, tiếng Anh. Ta tùy tiện dùng những chữ hài hước, hóm hình, dí dỏm... Nhưng trí óc Việt Nam rất giàu *uy mua* (hay *u mặc*). Ca dao, tục ngữ, truyện dân gian chứng tỏ điều đó. Gặp văn học phương tây, nó phát triển mạnh : truyện **Võ đê** thời Phạm Duy Tốn là một ví dụ ; **O chuột** (1943), tập truyện đầu tay của Tô Hoài là một ví dụ về sau.

O chuột, một hình ảnh, phản ngữ của động từ *O Mèo*, là một sáng tạo ngôn từ của Tô Hoài (o nghĩa là tán tỉnh, như trong từ o bế). Ngoài Tô Hoài ra, không ai nói : o chuột. Nhưng uy mua (humour), không hợp với văn chương cách mạng. Hiện thực xã hội chủ nghĩa đòi hỏi trào phúng, hài hước chỉ đích danh đối phương ; còn uy mua thì không rõ ám chỉ ai, mà nhất định phải là một lối văn linh tinh, không đáng tin cậy, nhất là trước một đề tài trọng đại. Lấy Như Phong làm ví dụ, khi ông ấy phê phán cuốn **Mười năm** (1957) : “*Tại sao Tô Hoài cứ phải giở giọng pha trò khi nói đến những giờ phút nhiệt tình hay cảm động của quần chúng*” (sdd, tr 132). Khổ thân Tô Hoài, theo cách mạng từ tuổi thiếu niên làm sao dám pha trò, đùa cợt, chế diễu (sdd, tr. 104) với cách mạng ? Ấy

chỉ là cái uy mua, u mặc đặc biệt trong giọng văn và trong cách sống, cách nhìn đời. Sáng tác Tô Hoài luân lưu giữa hai bờ phong cách : u hoài và u mặc. Cuộc đời Tô Hoài là *Nụ cười thương nhớ* – tên một bài thơ Đinh Hùng, cố tri và cố nhân. (Nguyên câu thơ là : *Nụ cười thương nhớ – nét đan thanh*).

Giọng văn dí dỏm khiến người đọc dù nghe chuyện về những nhà văn ít tên tuổi như Sao Mai (sinh 1924) cũng không chán : “ *Tôi lại khoái ông có máu đa tình mà lại chung thủy. Lén téng với ai rồi cũng lấy người ta. Nghe nói ông mới có phòng mới (...) vừa cai nghiện (...) bằng một liều thuốc dân gian, mạnh và dữ, phải có nghị lực mới cai được (...) Bài thuốc cai của Sao Mai có gia giảm cả vị phụ nữ...* ” (tr. 25-27). Tô Hoài không nói rõ là gia hay giảm.

Giọng văn có khi đan lại, như khi nói chuyện quyền thế, cơ hội, tráo trở. Tâm hồn anh thoáng rộng, không cố chấp về luân lý hay chính trị, thậm chí còn bị Như Phong kết tội là hoài nghi chủ nghĩa (!) (Sđd, tr. 132) ; duy có một điều : Tô Hoài tình nghĩa, như đã viết : tình nghĩa cũng trong lẽ sống tự nhiên (tr. 516) và đã tự nhiên thì mãi mãi (tr. 269) ! Và từ đó Tô Hoài không hiểu những thái độ không tình nghĩa – chẳng nhất thiết phải là phản bội hay tráo trở. Nói là nhược điểm cũng được đi. Trong CBCA, Tô Hoài có thể xởi lởi với một đại tá Huỳnh Cự phản phúc (1992, tr. 116), nhưng đến *Chiều chiều* anh đã gay gắt với Hiếu Chân Nguyễn Hoạt – vì là chỗ cố tri (tr.20). Phải chăng vì Hiếu Chân tránh gặp lại Tô Hoài sau 1975, vì chút hào khí tuyệt vọng của con người chiến bại, hay tự cho là như thế. Còn phần Tô Hoài, thì không có vấn đề ấy ; như cái lần anh đưa đám ma ông Minh Đức, đã phải trả lời Nguyễn Tuân : “ *Trong đầu tôi không có câu hỏi nào về việc như ông hỏi* ” (CBCA, 1992, tr. 57). Đây cũng là một câu nói chìa khoá, để tìm hiểu Tô Hoài. Có những câu hỏi Tô Hoài không bao giờ đặt ra – Nguyễn Tuân có vẻ không tin (tr. 57), nhưng mà đúng vậy. Ngược lại, có lúc anh ấy đặt ra những nghi vấn rất chi là vớ vẩn. Cũng có thể Tô Hoài không biết là Hiếu Chân đã bị bắt và chết trong nhà giam Chí Hoà năm 1985. Tôi dừng lại hơi lâu ở trường hợp Hiếu Chân, vì là một biệt lệ, có thể là duy nhất, nhưng có nguy cơ bị khuếch đại và xuyên tạc.

Nhân tiện, mong Tô Hoài rà lại về cái chết của Nhượng Tống. Phải chăng ông ấy bị ban ám sát (Việt Minh) khử (tr. 333) như lời Cự Thắng, hay bị đồng đảng thanh toán, như nhiều nguồn tư liệu đã ghi lại ?

Giọng văn Tô Hoài cũng có lúc cà kê ở phần sau, khi kể những chuyến đi các nước Á Phi, Nga, Đông Âu, ở giai đoạn mà các chính quyền cộng sản địa phương đang băng hoại. Tô Hoài đi thăm con trai, lao động tại Leipzig (tr. 409) mấy năm sau đã tử nạn tại đây (tr. 521). Một thảm kịch trong đời, nhưng anh chỉ kể sơ lược. Tô Hoài vốn tiết kiệm những chuyện gia đình, riêng tư. Anh chỉ ghi lại những mảng đời tiêu biểu, có liên quan đến xã hội, văn học, và chỉ đề cập đến con người cá nhân khi nó “ *mang hình thái trọn vẹn của thân phận làm người* ” như lời Montaigne.



Tâm sự thoáng qua của một người có khi hồi quang cả một thời đại. Như vài ba ngày ngắn ngủi khi Tô Hoài đi xe ôm về

thăm lại Xóm Đồng ở Thái Ninh, Thái Bình, nơi anh đã tham gia cải cách ruộng đất non bốn mươi năm trước (1958-1996). Chuyến đi ngắn ngày chiếm trọn chương cuối với năm mươi trang cực kỳ súc tích và cảm động, như một chuyến hành hương. Những gian nan biến mỗi quá quan thành cố quận. Những ân hận biến mỗi kỳ ngộ thành một cố nhân. Ông Ngải, nông dân nghèo, có đáng đáp Phan Khôi, người đã cứu mang Tô Hoài, Phùng Quán, thời cải cách ruộng đất, năm 1958 ngủ giữa bụi tre, bốn mươi năm sau vẫn ngủ giữa bụi tre, trong khi làng xóm thời kinh tế thị trường “ *cứ đua nhau mà nhà tầng nhà gác* ”. Ông Ngải bình luận : “ *Ối người đi vay lãi, bán lúa từ lúc vào đồng để làm nhà. Chỉ khác ngày xưa lý trưởng, phó lý giàu có, bây giờ chủ tịch, bí thư, xã đội, đạo trước còn chân chủ nhiệm, kế toán nữa cũng trộm cắp mà nên giàu có cả* ” (tr. 535). Chủ nhiệm Sự giàu sụ, thành nghiện thuốc phiện nặng, hai con trai ở tù, con gái “ *ra ngoài tàu ngủ với trăm thằng. Cả mẹ nó... Bà lão cũng chẳng tha thằng nào. Có thể mới giàu như điên* ” (tr. 546). Thái Bình. Lại Thái Bình. Sao Tô Hoài không trở về Xóm Giếng ngày xưa để hạ màn *Chiều chiều*, cho bớt nào nùng tiếng sương ? Anh lại trở lại nhà hát Bà Ký Đường trong truyện Nguyễn Khắc Mẫn, nửa thế kỷ về trước, gặp lại Cô Thẹn mười ba, mười lăm tuổi, ngày xưa, bây giờ là bà lão : “ *Nước mắt bà lão chảy ra, không biết cái nước chết lưu niên ở hai con mắt loài lúc nào cũng ràn rụa nhọt nhọt trên mi, hay là nước mắt (...) Cô Thẹn ngày ấy đây. Bà lão vẫn nắm tay tôi cất giọng phều phào, rè rè :*

Đến bây giờ mới thấy đây

Mà lòng đã chắc những ngày một hai

Câu Kiều này (câu 2282, ĐT) đầu mùa đông 1959, Nguyễn Đình Thi đã ghi sổ lưu niệm bảo tàng L.Tôn-x-Tôi ở Tu La. Mỗi khi mơ màng lại cái chuyến về Thái Bình này, là thật hay chiêm bao. Hai câu lấy Kiều tình nghĩa kia đã thấy ở Tu La hay đã nghe cô Thẹn, bà cụ Thẹn nghẹn ngào ”.

Những dòng cuối *Chiều chiều*. Giọng Tô Hoài trầm xuống, nghẹn lại. Chấm dứt cuốn *Tự truyện* như vậy là tài tình. Hay ở chữ tài. Quý ở cái tình. Chữ tài vẫn quý nhưng không hiếm. Cái tình vừa quý vừa hiếm, càng ngày càng hiếm, có cơ tuyệt chủng.



Tên sách *Chiều chiều* lấy từ ca dao :

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều

Nhớ người quân tử khăn điều vắt vai

Tô Hoài trích dẫn ở đầu sách, gọi là ca dao cổ. Thật ra nó không cổ, chỉ mới phổ biến hơn trăm năm nay, vì nguyên là một câu thơ của Tương An Quận Vương, con vua Minh Mệnh, kín đáo khóc Hồng Bảo, con trưởng vua Thiệu Trị, là cháu, học trò và bạn tri âm của mình. Hồng Bảo âm mưu tranh ngôi vua với em là Tự Đức nên bị bắt giam và bức tử trong ngục.

Nguyên gốc là :

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều

Nhớ người đầy gấm khăn điều vắt vai

Đầy gấm là cái hà bao bằng gấm. Bao là cái dây, hà là cây sen, vì dây gồm có hai phần : dây lớn hình lá sen đựng trâu
(xem tiếp trang 29)

Đặng Tiến

Hoài niệm Vũ Hoàng Chương

(1915-1976)



Ngày 6/9 dương lịch là ngày giỗ Vũ Hoàng Chương, mất tại Thành Phố Hồ Chí Minh, năm 1976 ; sau mấy tháng bị chính quyền bắt giam vào khám Chí Hoà anh bị trọng bệnh, đưa về nhà một thời gian ngắn thì qua đời, thọ 62 tuổi.

Vũ Hoàng Chương sinh tại thành phố Nam Định năm 1915 (giấy tờ ghi 1916) trong một gia đình khoa bảng giàu có ; tác giả của khoảng hai mươi tác phẩm, chủ yếu là thơ, rồi đến kịch thơ, hồi ký, bài nói chuyện. Vũ Hoàng Chương là nhà thơ lớn của đất nước, bắt đầu từ phong trào Thơ Mới, với các tập thơ *Say* (1940), *Mây* (1943), qua những trăn chuyên của dân tộc với thơ *Lửa* (1948), *Hoa Đăng* (1959), *Lửa Từ Bi* (1963), và những biến chuyển trong thi ca hiện đại. Vũ Hoàng Chương là một tác gia lớn lao và quan trọng trong lịch sử văn học nước nhà, chiếm một địa vị riêng biệt trong các trào lưu thi ca. Giữa những trầm luân của đất nước, tác phẩm của anh chưa được tìm hiểu toàn bộ và đánh giá đúng mức, ở miền Bắc cũng như

miền Nam, trước 1975, và trong nước cũng như ngoài nước những năm gần đây.

Trong nước, từ chính sách đổi mới, 1986, đã có lối nhìn thoáng rộng hơn đối với phong trào Thơ Mới 1932-1945 và Vũ Hoàng Chương, ở một chừng mực giới hạn, cũng được đọc lại một cách công bình hơn. Mới đây (1996) một sinh viên đại học TPHCM đã trình tiểu luận tốt nghiệp về Vũ Hoàng Chương và giáo sư phản biện Hoàng Như Mai, nhà phê bình văn học (sinh năm 1917) đã phê “ *viết về nhà thơ Vũ Hoàng Chương không phải dễ, người viết vừa phải có trình độ uyên bác nào đó, vừa phải có năng khiếu nghệ thuật. Trên thực tế, khen thơ Vũ Hoàng Chương thì có đông đảo độc giả và các nhà nghiên cứu phê bình, nhưng trực tiếp viết ra những lời đánh giá thì lại rất ít ai dám viết. Trên văn đàn, những bài, sách nghiên cứu, phê bình thơ Vũ Hoàng Chương có bao nhiêu đâu. Sinh viên viết được bài tiểu luận tốt nghiệp như thế này là đáng biểu dương. Tôi đánh giá như vậy là với tư cách một người yêu quý thơ Vũ Hoàng Chương, và là người bạn thân của nhà thơ* ” (25/6/1996) .

Chúng tôi ghi nhận lời phê, viết tay trên luận án, vì nhiều lý do :

- Dù bị vùi dập, Vũ Hoàng Chương vẫn có người yêu quý và ngay thẳng nói lên niềm yêu quý ấy.

- Người ấy có thể là một trí thức cao tuổi, là Hoàng Như Mai, nhưng còn là những sinh viên trẻ tuổi.

- Đoạn văn phản ánh đúng tình hình nghiên cứu về Vũ Hoàng Chương, với những khó khăn khách quan về nhiều mặt.

Nhưng cũng có người tâm huyết vượt qua những định kiến như Hoàng Thiệu Khang đã viết : “ *Cuộc nội sinh hoá văn học phương tây, để có thể sản xuất ra một chất phương đông đậm đà, phải qua tay Vũ Hoàng Chương, Huy Cận, Đoàn Phú Tứ, Thâm Tâm... và cả Xuân Thu Nhã Tập* ” ¹. Và Đỗ Đức Hiếu (tú tài 1944 tại Hà Nội) trong sách *Đổi Mới Phê Bình Văn Học* đã phân tích ảnh hưởng Baudelaire trong thơ Vũ Hoàng Chương ; hoặc Đỗ Lai Thuý (sinh 1948) đã có những trang về *Vũ Hoàng Chương đào nguyên lạc lối* ² thật hay, chủ yếu giải thích chất say như một chìa khoá giải mã đi vào thi giới Vũ

Đường thi

chuyển sang thơ viết

*Xưa hạc vàng bay vút bóng người
Đây lâu Hoàng Hạc chút thơm rơi
Vàng tung cánh hạc đi đi mất
Trắng một màu mây vạn vạn đời
Cây bến Hán Dương còn nắng chiếu
Cỏ bờ Anh Vũ chẳng ai chơi
Gần xa chiều xuống đâu quê quán
Đừng giục cơn sầu nữa sống ơi.*

Vũ Hoàng Chương
xa tặng Đặng Tiến
6/12/1975

Bài hoạ

*Hạc xưa sải cánh rợp quê người
Hạc hút - lâu Hoàng hạt nắng rơi
Hạc vọng Thơ Say vờn ngất ngất
Mây giăng Hoa Đăng hoài đời đời
Hán Dương Thơ Lửa vui tro mộng
Anh Vũ Rừng Phong khép cuộc chơi
Chiều sập , ôi nhà , ôi cố quận,
Hận người sống gọi sông thôi ơi.*

Đặng Tiến
Paris, nhân ngày giỗ Vũ Hoàng Chương
6/9/1999

Hoàng Chương, như một yếu tố của mỹ học và thi pháp ; và tính cách suy đồi trong nghĩa văn học có mầm mống cách mạng và hiện đại. Dĩ nhiên cái nhìn theo phương pháp luận luôn luôn mang tính cách cục bộ, và tiếc rằng Đỗ Lai Thuý chưa đọc nhiều thơ Vũ Hoàng Chương. Tuy vậy, những bài viết mới mẻ như thế còn hiếm và đáng biểu dương.

Đồng thời, một số tác phẩm của Vũ Hoàng Chương trước 1945 đã được in lại ³. Những tác phẩm về sau, dường như chỉ in lại hồi ký *Ta đã làm chi đời Ta* (nxb Hội nhà Văn, 1993, TPHCM).

Nhưng nói chung những thành kiến còn đè nặng trên sự nghiệp văn học của Vũ Hoàng Chương, có thể từ bài viết của Chế Lan Viên (tháng 4/1960) phê phán tập thơ *Hoa Đăng*, bất công và độc ác ⁴. Có thể nói, bài này, ở chừng mực nào đó – tôi cân nhắc – ở chừng mực nào đó, đã đưa đến thảm kịch Vũ Hoàng Chương năm 1976. Bài của Xuân Diệu ân cần với Vũ Hoàng Chương, trong mục *Tiếng thơ* trên báo Văn Nghệ số 6/1948 không thấy in lại. Thỉnh thoảng lắm mới có người nhắc đến tình cũ nghĩa xưa như Tô Hoài trong *Tự truyện*, hay mới đây trong *Chiều Chiều* ⁵. Còn lại là những phê phán gay gắt kể cả Lê Đình Ky, là người tương đối cởi mở với thơ tiền chiến, cũng đánh giá Vũ Hoàng Chương là “ *bi quan, bế tắc, buông thả, tự huỷ, truy lạc* ” ⁶... Ở đây chúng tôi không nhắc tới Phan Cự Đệ vì sách *Phong Trào Thơ Mới* viết đã lâu (1966), và từ ấy đến nay ông ta cũng có tiến bộ. Chỉ ghi nhận những lời mới đây (2/1989) của Hà Minh Đức, đương kim viện trưởng viện Văn Học, xem Vũ Hoàng Chương là “ *cây bút có tài năng nhưng nằm trong dòng nước đục (...) chẳng có gì để nói thêm về những câu thơ như một con thuyền bập bềnh trôi trên dòng nước đục* ” ⁷. Hà Minh Đức chỉ muốn so sánh thơ Vũ Hoàng Chương những năm 1940, 1943 với những nguồn thơ khác, nhưng câu chữ vẫn không hợp với một đất nước đang hô hào đổi mới, mở cửa, giao lưu. Dù sao, “ *đục trong thân cũng là thân* ”, cụ Nguyễn Du bảo vậy, và Tết Mậu Thân, 1968, Vũ Hoàng Chương cũng có bài thơ nhan đề như vậy.

Và dù sao, thời gian cũng sẽ gạn đục khơi trong. Biết ai là đục biết ai trong...

¹ Hoàng Thiệu Khang, *Cảm nhận và suy tưởng*, nxb Văn Học, Hà Nội, 1994, tr.20.

² Đỗ Lai Thuý, *Con mắt thơ*, nxb Lao Động, Hà Nội, 1992, tái bản nhiều lần.

³ Lại Nguyên Ân, trên *Tạp chí Văn Học*, số 2.1998, cho biết nxb Văn Học, Hà Nội, 1991, có ra một bộ sách 12 tập *Thơ Mới* đầu tiên trong đó có *Mây* của VHC. 1995 ra bộ sách *Thơ Mới Tác gia và Tác phẩm* gồm có 15 tập với 15 tác giả, có VHC. Nxb Hội Nhà Văn, TPHCM 1992, có tái bản *Mây* của VHC trong một bộ gồm nhiều thi tập.

⁴ Chế Lan Viên, *Phê bình văn học*, nxb Văn Học, Hà Nội, 1962, tr. 86-98.

⁵ Tô Hoài, *Tự truyện*, 1985, tr 263, *Cát bụi chân ai*, 1992, tr 153, *Chiều chiều*, 1999, tr 21 và 25.

⁶ Lê Đình Ky, *Thơ Mới những bước thăng trầm*, nxb TPHCM, 1989, tr. 83 và 122.

⁷ Hà Minh Đức, *Khảo luận văn chương*, nxb KHXH, Hà Nội, 1997, tr 14 và 40.

Năm 1969, Vũ Hoàng Chương lên 55 tuổi, tự hào mình thọ hơn Khổng Minh... 1 tuổi, có bài thơ :

*Chữ thọ vừa ăn đứt Ngô Long
Bến nằm dư biết đục hay trong (...)
Chỉ thương kiếp đá ai bày trận
Để ngán vàng gieo chột rồi vòng...*

Một ánh trăng giữa bát Trận Đồ. Trong cảnh đá chạy cát bay, đôi tiếng thị phi, hoặc lời ca tụng, có nghĩa lý gì ?

Hiện nay nhà xuất bản An Tiêm, trong dự án dài hạn, muốn ấn hành một *Tuyển Tập Vũ Hoàng Chương*, có thể nhích lên *Toàn Tập*, yêu cầu tôi sưu tầm, biên tập và giới thiệu, với sự thoả thuận của chị Vũ Hoàng Chương. Lý do là chút nghĩa cũ càng. Vì vậy, nhân ngày giỗ anh Chương, mới có bài này để cập nhật hoá hoàn cảnh văn học của Vũ Hoàng Chương trong hiện tình đất nước.

Nén hương lòng. Xa xôi và cách trở. Không phải để nghị luận hay tranh luận với ai.

Paris, 9.1999

Độc hồi kí Tô Hoài

(tiếp theo trang 27)

cau, dây nhỏ hình bông sen đựng

thuốc. Màu sắc tùy thuộc đẳng cấp : Vua dùng dây bằng đoạn màu vàng, hoàng thân, như Hồng Bảo dùng dây bằng gấm màu đỏ (điều) dân thường dùng lụa màu xanh.

Chi tiết nhỏ không quan trọng gì, nhưng tôi vẫn trình với Tô Hoài vì anh ưa thảo luận về chữ nghĩa, trong cái anh gọi là “ chủ nghĩa tiếng nói ” (Có lần anh than với tôi : “ *Ngày xưa còn cụ Hoàng Đạo Thuý, thỉnh thoảng mình còn có người nói chuyện về chữ nghĩa. Bây giờ ông ấy qua đời thì ...* ”. Anh có những câu nhẹ nhàng thế thôi, nhưng nghe ... phát ớn).

Chiều chiều... Tô Hoài dùng chữ theo ý nghĩa, nhưng còn vì âm vang của nó. *Chiều chiều* là hồi ký của người cao tuổi, như *Nhớ nghĩ chiều hôm* của Đào Duy Anh. Nhưng chỉ hiểu như thế thì chưa tri âm. Vì Tô Hoài rất thích âm vang ấy từ hồi còn trẻ, như là lúc 23 tuổi. Tại Sơn Tây, ngày 20 Juillet 1943 anh đã viết : “ *Chiều chiều Ly thần thơ ra ngoài bờ giếng. Gã muốn nói mãi, nói mãi về những chiều vô tội ấy. Những buổi chiều hoa mộng không bao giờ có thể quên, bởi nó ngáy ngất mà chẳng mang một nghĩa gì rõ ràng (...). Sao không chỉ có những chiều thơ đại ấy trong tất cả một đời người...* ”.

Tô Hoài là nhà văn không bao giờ già. Vì con người anh chưa bao giờ trẻ. Tô Hoài miên viễn là “ buổi trưa mùa thu ”. “ *Mùa thu có những ngày không sáng, mà cũng không chiều* ” Nhưng vẫn có những chiều chiều. Những chiều chiều mãi mãi trong chúng ta.

Thỉnh thoảng lại hanh hao lên một âm hao u hoài xa vắng...

Chiều chiều...

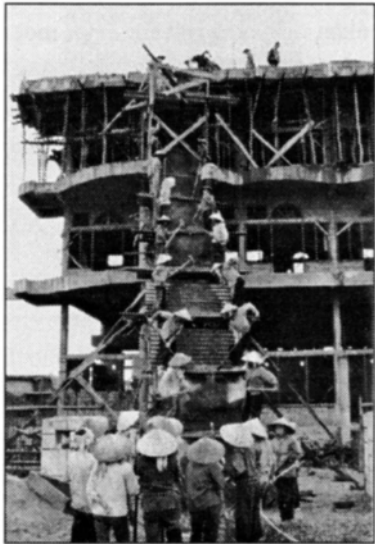
Đặng Tiến

Orleans, 14/9/1999

Viết cho ngày sinh nhật Tô Hoài, Rằm Trung Thu 1920

Vài suy nghĩ về **Kiến trúc thời mở cửa**

Văn Ngọc



Trường hợp này còn phổ biến công trường thi công thiếu an toàn cho người lao động (không có giàn giáo, lan can) - (Ảnh Vũ Quốc Khanh, trong cuốn *Passage to Viet Nam*, do 70 nhà nhiếp ảnh quốc tế chụp, NXB Melcher Media - không để năm xuất bản).

Sau ba mươi năm chiến tranh, và gần mười lăm năm phục hồi kinh tế, mãi tới cuối thập niên 80, cả mấy thế hệ kiến trúc sư Việt Nam, từ các bậc lão thành, thế hệ đầu tiên được đào tạo dưới thời Pháp thuộc, cho tới các thế hệ trẻ tốt nghiệp sau 75, không mấy ai đã thật sự được *hành nghề* của mình lấy một lần, theo đúng cái nghĩa của nó.

Với chính sách *đổi mới* và đường lối *mở cửa*, Việt Nam chuyển từ mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang mô hình kinh tế nhiều thành phần. Sự phát triển của nền kinh tế thị trường đã kéo theo sự phát triển của các đô thị và sự *bùng nổ về xây dựng*, với tất cả những hiện tượng tiêu cực mà mọi người đều biết (1), nhưng đồng thời cũng giải phóng giới kiến trúc sư khỏi cơ chế *bao cấp*, trong đó họ không *làm chủ* được công việc của mình, cũng như không tiến bộ được trong nghề nghiệp, vì không có cạnh tranh, nhà nước lại quản lý tất cả, và đồng thời cũng là khách đặt hàng duy nhất.

Những nhu cầu bức thiết về quy hoạch, kiến trúc và xây dựng trước sự phát triển đột ngột của kinh tế và sức ép của các chủ đầu tư, cộng với những hiện tượng tiêu cực đã xảy ra và đã buộc khỏi sự kiểm tra của chính họ và của các nhà quản lý, không khỏi đặt các nhà quy hoạch và kiến trúc Việt Nam vào một tình thế lúng túng, bị động.

Nhiều vấn đề *cụ thể* cần phải giải quyết gấp trước sức ép

của nhu cầu xây dựng, đòi hỏi phải nắm vững một số cơ sở *lý luận*. Ví dụ như vấn đề bảo tồn khu phố cổ Hà Nội, chẳng hạn. Đây vừa là một vấn đề thực tiễn phức tạp có nhiều tham số, lại vừa là một vấn đề lý thuyết (2). Những vấn đề khác như: cái *đẹp* trong kiến trúc đô thị, hoặc thế nào là *hiện đại*, thế nào là *dân tộc* trong kiến trúc, đều là những vấn đề có tính lý thuyết cao. Không thể nào giải quyết những vấn đề cụ thể mà không dựa vào lý thuyết, mà lý thuyết trong kiến trúc, ngoại trừ một số ước lệ của kiến trúc cổ điển Hy Lạp, La Mã ra, còn thì, nói chung, đều là những kết luận tổng hợp rút ra từ kinh nghiệm thực tiễn và dần dần trở thành quy luật. Ở thời buổi giao lưu toàn cầu hiện nay, nếu ta không có kinh nghiệm thực tiễn, thì cũng vẫn có thể học hỏi kinh nghiệm của người khác được, miễn là biết áp dụng một cách linh hoạt những kinh nghiệm đó vào hoàn cảnh cụ thể của nước mình.

Tôi cố nắm bắt cái thực tế quy hoạch và xây dựng hiện nay ở Việt Nam qua một số tạp chí chuyên ngành và báo chí hàng ngày, hàng tuần, nhưng đã hơi bị thất vọng, vì không tìm thấy những thông tin mà mình muốn biết, và hơi ngạc nhiên thấy *rất ít* tác giả bàn đến những vấn đề lý luận của kiến trúc. Tôi cho rằng chính đây mới là một trong những khâu cần bàn đến nhất lúc này, khi mà nhiều người còn lúng túng trước việc *định hướng* cho kiến trúc đô thị, lúng túng ngay cả trước sự lựa chọn phong cách thiết kế cho một ngôi nhà biệt lập, một dãy phố, một quảng trường, hay một khu phố.

Nhìn tổng quát tất cả những công trình đã được thiết kế và thực hiện từ ngày mở cửa, ta thấy gì ?

Không kể những công trình *xây trái phép* thời mới bùng nổ xây dựng, chủ yếu ở Hà Nội, đã bị dư luận lên tiếng phản đối mạnh mẽ, song vẫn được *hợp thức hoá* bằng cách này cách khác (2); không kể hiện tượng những *nhà phố* với kiến trúc nghèo nàn, mọc lên như rừng bừa, làm xấu cả những dãy phố, giờ đây loại công trình được



Khách sạn Trung tâm Hà Nội, 44B phố Lý Thường Kiệt, do một tập thể kts Thái Lan thiết kế, Công ty France Architects thực hiện năm 1997.

đầu tư xây dựng nhiều nhất ở Hà Nội và Sài Gòn là những khách sạn tiêu chuẩn quốc tế. Thử đến những trụ sở công ty, những trung tâm dịch vụ, những nhà cao ốc văn phòng. Ngoài ra, ở các địa phương, đó là những công trình văn hoá, hành chính, du lịch, những tượng đài tưởng niệm liệt sĩ, v.v... Tất cả đều được thiết kế và xây dựng trong một tinh thần phô trương, lãng phí, khó có thể tưởng tượng được !

Ít thấy những dự án thiết kế nhà ở, những nghiên cứu về nhà ở, hoặc những tổng thể kiến trúc nhà ở đã được thực hiện, từ những chung cư cao tầng cho đến những cụm nhà ở tập thể thấp tầng dành cho người dân bình thường. Trên mặt báo chí của TPHCM còn thấy những thông tin về nhà đất, về cấp phép xây dựng, về vệ sinh môi trường, v.v... Thi thoảng, cũng có được một hai mẫu hình chung cư *cao cấp* ! Những thông số về



Biệt thự cao cấp xây sát mép nước hồ Tây ở Quảng Bá.

tiêu chuẩn, chất lượng, về diện tích ở, về mục tiêu phấn đấu để xây nhà ở cho dân, bây giờ cũng không còn tìm thấy ở đâu nữa. Có chăng, và chủ yếu là ở các tỉnh phía nam, là người ta còn quan tâm đến những vấn đề *những khu nhà ổ chuột*, những cụm nhà ở trên kênh rạch, v.v... nhưng cũng ít thấy trưng ra những dự án cải tạo, hoặc

xây dựng những khu ở mới để thay thế.

Tuy nhiên, giải quyết những khu nhà ổ chuột đâu đã phải là giải quyết nạn thiếu nhà ở, nói chung, ở đô thị ?

Phải chăng vì không có ai chịu đầu tư vào xây dựng nhà ở cho dân nghèo thành phố ?

Hay là vì kiến trúc nhà ở cho dân chưa phải là khâu đáng tự hào để phò lên mặt báo chí ?

Ngược lại, người ta hay bắt gặp những dự án và công trình biệt thự đồ sộ, loại biệt thự dành cho những nhà giàu mới, hoặc cho khách ngoại quốc (còn được gọi là *biệt thự cao cấp*). Rõ ràng đây không phải là những loại *nhà ở cho mọi người* !

Nếu phương châm lúc này là tất cả để phục vụ cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường, thì đầu sao cũng không thể nào bỏ quên được cái ước mơ vươn tới ấm no mà người dân vẫn ôm ấp từ lâu. Người ta vẫn còn nhớ cái thời chưa xa mà diện tích ở bình quân đầu người chỉ chưa đầy 4m² ! Bây giờ thì không biết đã được bao nhiêu rồi ? Nếu nhà nước và các nhà kiến trúc sư không lo cải thiện được nơi ăn chốn ở, và những không gian sinh hoạt, giải trí, đi lại, tạo điều kiện sống văn minh cho người dân đô thị, thì rồi ra vấn đề ở và môi trường sinh hoạt của họ sẽ trở thành một vấn đề rất lớn, khó giải quyết.

Chính ở khâu này mới thường phải đặt ra những bài toán hóc búa như : xây dựng làm sao cho có đủ nhà ở cho dân, làm sao cho vừa rẻ, lại vừa khang trang, đồng thời lại vừa làm đẹp thêm bộ mặt đô thị ?

Chính ở đây, mới cần nêu lên vấn đề : xây dựng như thế nào, theo những định hướng nào, để cho vừa *đẹp, rẻ, bền, tiện dụng*, lại có *bản sắc Việt Nam* ? (Vấn đề này đáng lẽ phải được đặt ra từ hàng chục năm nay rồi).

Có nhiều người đến giờ này mà vẫn còn nêu lên những câu hỏi đại loại như : “ Nên chăng kiến trúc Pháp ? ”, hoặc : “ Nên chăng kiến trúc truyền thống ? ”, v.v... Những câu hỏi này rõ ràng thể hiện một sự lúng túng về mặt lý luận, và là triệu chứng của cùng một căn bệnh khá trầm trọng : đó là bệnh *hình thức*, mà nguyên nhân sâu xa là sự thiếu thông tin và thiếu... lập trường ! Những phương châm như : *tự lực cánh sinh, phát huy nội lực*, dường như không còn được ai đoái hoài đến nữa.

Nhu cầu thông tin về thực tiễn xây dựng trên thế giới, cũng như nhu cầu giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, đều là những vấn đề cần được đặt ra một cách nghiêm túc và khẩn trương lúc này. Thông tin đây không phải là chỉ dành cho các giới chuyên môn không thôi, mà còn để nâng cao dân trí trong lãnh vực

quy hoạch và kiến trúc.

Tôi cho rằng, một nền kiến trúc lành mạnh không cần phải mang một nhãn hiệu nào cả, mà chỉ cần dựa lên những nguyên lý phổ biến đã được mọi người thừa nhận, và đã trở thành cái kim chỉ nam cho bất cứ người kiến trúc sư nào hành nghề ở bất cứ nơi nào, và bất cứ thời buổi nào.

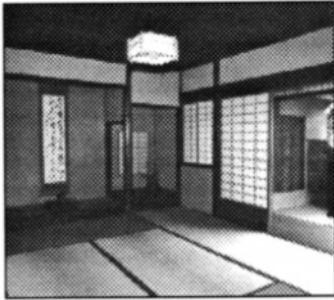
Phương châm *Khoa học, Dân tộc, Hiện đại*, nếu hiểu theo đúng nội dung của nó, thì vẫn là một phương châm áp dụng được cho ngành kiến trúc, tuy rằng phải đào sâu tìm hiểu thêm để thấy được hết chỗ đúng, và chỗ chưa đúng của nó.

Tôi đã có dịp nói về mối quan hệ mật thiết giữa yếu tố *hiện đại* và yếu tố *dân tộc* (3). Cần phân biệt thêm ở đây sự khác nhau giữa khái niệm *truyền thống* và khái niệm *dân tộc*. Có những yếu tố *truyền thống* chỉ có giá trị *lịch sử*, trong một bối cảnh văn hoá, lịch sử nhất định (chẳng hạn như cái mái cong trong kiến trúc đình, chùa, miếu, điện, v.v...), song nằm ngoài bối cảnh đó chúng sẽ mất hết giá trị, cả *tượng trưng* lẫn *thực tiễn*.

Ngược lại, những yếu tố *dân tộc* là những yếu tố do kinh nghiệm muôn đời để lại, có tính chất gần như vĩnh cửu, và luôn luôn có giá trị *thực tiễn*, ít ra đối với một cộng đồng người sống trong cùng một vùng khí hậu và có cùng một nền văn hoá. Đó là những yếu tố có chức năng thiết thực, phù hợp với những điều kiện thiên nhiên : môi trường địa lý, khí hậu, nguồn tài nguyên về vật liệu xây dựng ; đó cũng là những yếu tố phù hợp với phong tục, tập quán của mỗi dân tộc, mỗi địa phương. Chẳng hạn như ở những xứ nóng ẩm, gió mùa như ở Việt Nam, quan niệm *xây nhà hướng nam* vẫn là một quan niệm có cơ sở khoa học (ở đô thị, nhất là ở những ngôi nhà ống, điều kiện này không phải lúc nào cũng thực hiện được, thì người xưa đã có sáng kiến tạo ra những chiếc *sân trong* và những chiếc *giếng trời* để thông gió và đón bắt ánh sáng. Quan niệm về *sự hoà nhập giữa kiến trúc và thiên nhiên* (cảnh quan, vườn tược, cây kiểng) cũng là một quan niệm gần gũi với người Á đông. Cái *gác sân thượng* mái bằng, lát gạch, cũng là một yếu tố kiến trúc quen thuộc, là chỗ người ta phơi phóng, kéo nhau lên hóng mát lúc chiều tối, cũng là nơi lý tưởng để tạo nên một vườn cây kiểng trong điều kiện chật hẹp ở thành phố. *Hàng hiên* và *mái hiên* che mưa nắng cũng là những yếu tố cần thiết. Trong một số công trình (trụ sở, văn phòng, nhà ở, v.v...), cần nhiều ánh sáng tự nhiên, và sử dụng nhiều khung kính lớn, chiếc mái hiên, còn có thể tồn tại ở mỗi tầng lầu, dưới dạng ban công thu hẹp (60 cm, đủ để một người đi lọt), chạy dài suốt mặt tiền để che mưa nắng, tránh cho các cửa kính khỏi bị hư hại, đồng thời cho phép bảo quản dễ dàng toàn bộ mặt đứng của công trình, cũng như cho phép tạo một *lớp da* thứ hai cho công trình, làm chỗ dựa cho một kết cấu nhẹ có chức năng cách ly, như những tấm giải truyền thống, vừa là để trang điểm cho mặt tiền. Cũng như người ta còn có thể khai thác hiệu quả thẩm mỹ của những chiếc mái ngói nhỏ nhô ra khỏi mặt đứng (như ở Viện Pasteur, hay ở Bảo tàng lịch sử, Hà Nội), mà chức năng là che chở nắng mưa cho những cửa sổ đôi khi nằm lơ lửng trên một số loại công trình xây dựng hiện nay.

Còn khái niệm *hiện đại*, nên hiểu cụ thể như thế nào ? Ta hãy lấy phong cách High-Tech, chẳng hạn, làm thí dụ (4).

Phong cách này có thể được coi là một trong những phong cách kiến trúc hiện đại đã tồn tại bền bỉ từ những năm 60 cho đến ngày nay, và chắc chắn sẽ còn thịnh một thời gian dài nữa. Lý do là vì chỗ dựa về mặt lý thuyết của nó khá vững vàng : cấu trúc sắt, thép, Alu, với những áp dụng tiên tiến nhất (kết cấu ba chiều) vẫn luôn luôn có giá trị thực tiễn về mặt xây dựng, cũng như về mặt thẩm mỹ. Đối với Việt Nam, phong cách High-Tech có thể hãy còn xa vời, vì ta chưa có một nền kỹ nghệ luyện kim tiên tiến, chưa mấy sử dụng đến những kết cấu nhẹ ba chiều,



Tính cách hiện đại của ngôi nhà truyền thống Nhật Bản

nên có thể cũng chưa quen với thẩm mỹ của loại kết cấu này. (Thật ra, trong phong cách High-Tech, người ta vẫn có thể sử dụng những loại kết cấu sắt thép cổ điển đơn giản vẫn thông dụng ở Việt Nam).

Khái niệm *hiện đại* trong kiến trúc thường được hiểu là đi đôi với điều kiện khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến của một nước. Do đó, đối

với một nước công nghiệp và khoa học kỹ thuật còn chưa phát triển như Việt Nam, khái niệm này cần được hiểu với một nghĩa tương đối và trong tinh thần hướng tới một nền kiến trúc *thích ứng* (5).

Ngôi nhà gỗ truyền thống của người Nhật Bản, chỉ sử dụng có tre, gỗ, rom, rạ, cói, giấy, mà vẫn có được một tính cách hoàn toàn hiện đại. Điều đáng chú ý nữa là chính cái tinh thần giản dị, ngăn nắp, đầu ra đấy, mỗi chi tiết đều được quan niệm một cách vừa thẩm mỹ, vừa khoa học của những ngôi nhà khiêm tốn này, đã góp một phần không nhỏ vào sự hình thành của nền thẩm mỹ và kiến trúc hiện đại ở phương tây !

Xem như vậy, *tính hiện đại* không chỉ giới hạn trong việc sử dụng những kỹ thuật và vật liệu tiên tiến nhất, mà còn tìm thấy ở nhiều yếu tố khác : ở thứ tự trên, đó là quan niệm thẩm mỹ về không gian kiến trúc và về vật liệu xây dựng, là cách mô-đun hoá không gian và mặt bằng của ngôi nhà, tiêu chuẩn hoá các bộ phận, từ chiếc chiếu *tatami* cho đến chỗ để bình hoa, chỗ dùng trà, v.v...

Thậm chí, một ngôi nhà xây bằng gạch đất (trong tinh thần Hassan Fathy) (6) cũng có thể được gọi là *hiện đại* , nếu nó đáp



San Gimignano (Ý) một tổng thể kiến trúc giàu nhịp điệu, với một sự tương phản về hình khối và hài hoà về vật liệu xây dựng.

ứng đầy đủ những tiêu chuẩn về không gian, ánh sáng, thông gió, hình khối và đường nét kiến trúc, cũng như về các tiện nghi bếp núc, phòng vệ sinh, cách tổ chức các không gian sinh hoạt, nghỉ ngơi, v.v...

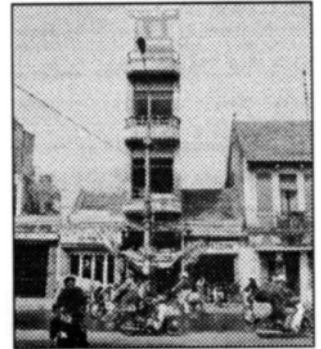
Trong kiến trúc đô thị, có một hiện tượng mà nếu ta để ý quan sát sẽ rút ra được nhiều điều bổ ích. Khi ta ngắm nhìn những thành phố Ý thời Trung cổ và thời Phục hưng, nổi tiếng là đẹp như Sienna, San Gimignano, Firenze, hoặc Venetia, hoặc ngay như bất cứ một

thành phố cổ nào ở Âu châu mà trong đó phố xá, nhà cửa ở nhiều khu còn được bảo tồn nguyên vẹn. Ta có cảm tưởng như chúng được xây dựng theo cùng một phong cách, mặc dầu nhà này khác nhà kia về hình khối, cũng như về chi tiết, song cùng thể hiện lên một nhịp điệu. Cái đẹp toát ra từ những quảng trường, từ những dãy phố, làm cho ta như bị choáng ngợp. Đó thật ra không phải là cái đẹp *riêng lẻ* của từng ngôi nhà cộng lại, mà là cái đẹp chung của dãy phố, cái đẹp của một *tổng thể hài hoà* về nhịp điệu, về tỷ lệ, hình khối chung, cũng như về chất liệu và màu sắc của các vật liệu xây dựng.



Sienna (Ý), một góc quảng trường, cũng vẫn một sự tương phản về hình khối, và một sự hài hoà giữa các yếu tố kiến trúc.

Như vậy có nghĩa là trong một quần thể kiến trúc, như một dãy phố, chẳng hạn, mặc dầu về mặt quy hoạch đã có khung qui định về kích thước, tỷ lệ (gabarit và prospect), song nếu những ngôi *nhà phố* nằm trong khung quy định đó – (thường được thiết kế bởi những kiến trúc sư khác nhau, hoặc không có kiến trúc sư, ở những thời điểm khác nhau) – không có tới thiếu một sự hài hoà nào giữa chúng, ít ra về hình dạng, vật liệu, hoặc chất liệu, thì cả dãy phố sẽ trở thành một đống lộn xộn, không thể nào đẹp được. Nói như thế không có nghĩa là



Nhà phố xây dựng như răng bừa, một cách hoàn toàn “ vô chính phủ ”, thể hiện một sự buông thả trong quản lý kiến trúc.

mỗi một ngôi *nhà phố* không thể được xây với một phong cách riêng, song phải có một sự hài hoà tối thiểu giữa các hình khối, và các yếu tố kiến trúc. (Hài hoà không có nghĩa là đồng điệu, đơn điệu). Ở một số nước Âu châu, sự hài hoà giữa các ngôi *nhà phố*, nhà nọ dính liền với nhà kia, thường được quy định một cách khá rõ ràng, tuy rằng cũng linh hoạt, không có tính áp đặt cứng nhắc và máy móc.

Bộ phận mái, với hình dạng, chất liệu và màu sắc của nó, thường đóng một vai trò khá quan trọng, vì nó có khả năng tạo ra một sự thống nhất về nhịp điệu trong một tổng thể kiến trúc (Xem dự án *bảo tồn khu phố cổ ở Bắc Kinh*, Tạp chí Kiến Trúc số 2-1999). Trong việc bảo tồn và phục hồi một dãy phố cổ, như ở khu phố cổ Hà Nội, chẳng hạn, người ta có thể nghĩ đến việc sửa đổi, thay mới lại bộ phận mái của một số ngôi nhà, cùng một lúc với việc nâng tầng những ngôi nhà đó tới mức quy định để tăng



Một thí điểm bảo tồn và cải tạo khu phố cổ Bắc Kinh, do kts Ngô Lương Dung chỉ đạo thực hiện, hoàn thành vào đầu thập niên 90.

diện tích sàn. (Đây là nói trường hợp những phố cổ đã bị tàn phá, xuống cấp nhiều, và đã từng bị xây mới lại nhiều lần, không còn để lại dấu tích gì của những ngôi nhà cổ nữa. Còn trường hợp những phố có nhiều nhà còn nguyên vẹn, thì nên để nguyên những mặt tiền như cũ, để tôn trọng tính lịch sử của chúng).

Tuy nhiên, như tôi đã có dịp trình bày trong bài *Bảo tồn và cải tạo khu phố cổ Hà Nội* (ĐĐ số 38, 2-1995), không thể nào bảo tồn một khu phố cổ, và giữ được cho nó *sống* ở giữa trung tâm một thành phố lớn, mà không nghĩ đến những biện pháp cải tạo cần thiết để thích nghi với những nhu cầu về ở, sinh hoạt, buôn bán, đi lại, vệ sinh, an toàn, v.v... Trên thực tế, nếu ta đem so sánh khu phố cổ *36 phố phường Hà Nội* ngày nay với cùng khu phố cổ đó ở đầu thế kỷ, thì ta thấy chúng đã khác xa nhau lắm rồi ! Với thời gian, và nhất là sau cuộc tác chiến năm 1946-1947, nhiều ngôi nhà cổ đã bị phá huỷ, đốt trụi tới tận mặt đất. Sau đó người ta đã xây mới lên đến mấy đợt rồi. Cái cần được bảo tồn và còn làm được ngày nay, là tôn trọng cái mô bào đường phố và ô phố cổ, giữ lấy cái tinh thần chung của cả khu phố theo đúng khung quy định của dự án quy hoạch, không để bị lấn chiếm, hoặc phá vỡ cảnh quan.

Từ thí dụ nhỏ nêu ở trên về *cái đẹp tổng quát* của một *dãy phố*, ta có thể suy ra rằng : muốn có những dãy phố đẹp, những khu phố đẹp, và nói rộng ra, những thành phố đẹp, những người trách nhiệm *quản lý kiến trúc*, nghĩa là trách nhiệm kiểm soát, phê duyệt các dự án, và cấp giấy phép xây dựng, phải là những kiến trúc sư có tài năng thật sự, giàu óc tưởng tượng và khiếu thẩm mỹ, lại có nhiều kiến thức về văn hoá, về luật xây dựng, cũng như về khoa học kỹ thuật. Một dự án, hay một mô hình quy hoạch đô thị không thể nào chỉ là những quy phạm, kích thước khô khan, mà phải như một mô hình kiến trúc khá chi tiết, phải được cảm nhận từ tỷ lệ, kích thước, hình khối, cho đến cái không khí sinh động mà nó tạo ra được trong trí tưởng tượng của người xem. (Ở công trường xây dựng Trung tâm thủ đô Berlin, người ta đã có sáng kiến trình bày một cách rất hấp dẫn và công phu trên màn ảnh cho công chúng xem những dự án quy hoạch chi tiết và kiến trúc của từng ngôi nhà từ lúc bắt đầu xây dựng, với những người bộ hành và xe cộ tấp nập trên đường phố).

Thời mở cửa có phải là *vận hội ngàn năm* của ngành kiến trúc ở Việt Nam không ?

Điều này còn là một dấu hỏi lớn. Vì một mặt, nó tùy thuộc ở bản thân các nhà kiến trúc sư, song một mặt khác, nó cũng còn tùy thuộc ở những người quản lý kiến trúc và những khách đặt hàng. Bây giờ, người quản lý kiến trúc là ai ? Đó chủ yếu là các Ủy ban Nhân dân, các Văn phòng Kiến trúc sư trưởng ở thành phố, các Sở quản lý xây dựng ở nông thôn. Còn khách đặt hàng là ai ? Đó trước hết là những ông chủ đầu tư, phần đông là tư bản ngoại quốc, rồi đến các tư nhân trong nước, các cơ quan chính quyền địa phương, cuối cùng là nhà nước trung ương, người có tiếng nói quyết định trong việc lựa chọn các mục tiêu phát triển xây dựng chung cho cả nước.

Thời mở cửa đầu sao cũng đã cho phép một sự bùng nổ về xây dựng. Điều đó lẽ ra là đáng phấn khởi, nếu đã không xảy ra những nạn đầu cơ nhà đất, xây dựng trái phép, chung quy

cũng chỉ vì luật pháp về nhà đất, về quy hoạch đô thị, kiến trúc và xây dựng, cũng như những đồ án quy hoạch chi tiết và những định hướng kiến trúc đã không được chuẩn bị kịp thời, dẫn đến tình trạng quản lý kiến trúc, nếu có, cũng bị vô hiệu hoá.

Sự bùng nổ về xây dựng lẽ ra còn đáng phấn khởi hơn nữa, nếu nó đã thật sự đem lợi ích đến cho người dân, song đáng buồn thay, nó đã chỉ có lợi nhiều cho bọn đầu cơ nhà đất và lớp nhà giàu mới đã lợi dụng *đục nước béo cò*.

Đối với giới kiến trúc sư, đầu sao đây cũng là một giai đoạn thử thách có ý nghĩa *lịch sử*. Cơ hội không biết có phải là ngàn năm có một hay không, nhưng chắc chắn nó sẽ chỉ là ảo tưởng, nếu người kiến trúc sư không biết nâng tầm nhìn của mình lên khỏi những dự án thiết kế biệt thự cao cấp cho tư nhân, những tượng đài đồ sộ, phù phiếm, thể hiện một sự lãng phí khủng khiếp, để hướng vào những vấn đề cơ bản hơn trong giai đoạn phát triển đô thị hiện nay, trong đó còn tồn tại rất nhiều vấn đề : từ việc cải thiện hạ tầng kiến trúc trong các thành phố, cho đến làm đẹp bộ mặt đô thị, trong đó vấn đề nhà ở và môi trường sinh hoạt cho người dân chiếm một địa vị quan trọng đặc biệt. Xa hơn nữa, còn là vấn đề xây dựng một nền kiến trúc khoa học, hiện đại, thích ứng với những điều kiện thực tế của đất nước, với tất cả những vấn đề phải quan tâm mà nó sẽ đặt ra không chỉ riêng cho Việt Nam, mà còn cho cả các nước đang phát triển, cũng như đã phát triển : đó là vấn đề tiết kiệm nhiên vật liệu, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, v.v...

Đầu sao, mọi sự đều có quy luật tồn vong của nó cả. Ở các nước Âu châu, như ở Pháp, chẳng hạn, sau Thế chiến thứ hai, nhiều sai lầm và vướng mắc trong quy hoạch và kiến trúc đô thị cũng đã xảy ra. Trong công cuộc tái thiết lại những thành phố bị tàn phá, nhiều khu công trình đã được thiết kế một cách vội vàng bởi mấy nhà kiến trúc sư thế hệ cũ, thuộc giới quan chức, giáo sư, viện sĩ hàn lâm của Pháp (Membres de l'Institut, Grand Prix de Rome, Professeurs Chefs d'Ateliers), cho nên chưa xây xong đã lỗi thời rồi ! Song, người dân cũng đành chịu vậy thôi, chứ biết làm thế nào ? Xây dựng là phải đầu tư hàng núi của, đâu có thể huỷ bỏ đi dễ dàng như xoá một bức vẽ để vẽ lại được ! Vì vậy cho nên đến nay chúng vẫn còn tồn tại, như những di tích của một thời... lầm lỗi !

Cũng may là các thành phố ở các nước công nghiệp phát triển đều thay da đổi thịt một cách nhanh chóng : ngay từ những năm 60 trở đi, nhiều lớp kiến trúc mới, ngày một hiện đại hơn, đã mọc lên áp đảo ở xung quanh, làm thay đổi hẳn bộ mặt của những thành phố này...

Văn Ngọc

Chú thích :

Xem các bài của Văn Ngọc đã đăng trong ĐĐ:

- (1) *Quy hoạch xây dựng : một tình trạng đáng lo ngại*, ĐĐ số 43, 7-95 ; *Làm gì cho ngày mai ?* ĐĐ số 45, 10-95.
- (2) *Bảo tồn và cải tạo khu phố cổ Hà Nội*, ĐĐ số 38, 2-95.
- Bảo vệ khu vực hồ Tây*, ĐĐ số 40, 4-95.
- (3)(5)(6) *Bản sắc dân tộc trong kiến trúc*, ĐĐ số 87, 7-99.
- (4) *Thủ đô Berlin năm 2000*, ĐĐ số 84, 4-99.

Lê Minh Hà

những gặp gỡ không ngờ

Tất cả tề tựu quanh nồi lẩu. Nhưng bữa lẩu đã vào lúc thoái trào. Chủ nhà chồng với tay vặn nhỏ bếp hạ nhiệt nồi nước dùng đang sôi âm ỉ. Chủ nhà vợ đưa đũa thoăn thoắt vun những tôm những mực những rau vào một khay cho gọn, miệng giục giã theo thói quen hiếu khách : “ Mọi người ăn đi chứ ! Sao chưa chi đã buông bát buông đũa thế ? ”

Anh là người buôn đũa đầu tiên. Lúc này anh đang chăm điều thuốc thứ ba. Vừa đẩy chiếc bật lửa ra giữa bàn anh vừa thủng thẳng : “ Kể ít tiền mà thỉnh thoảng được tùm năm tùm ba với nhau cũng khoái. Chứ cái hồi phong trào bán thuốc đang liên tục phát triển thì giờ này còn đang ‘bitte schoen’⁽¹⁾ ở trên từng cây số chứ đâu thành thời thế này... ”.

Những người khách của chủ nhà cùng hướng về anh. Cùng là dân Việt, nhưng với người làm ăn bên Tây Đức, buôn thuốc lá lậu là đề tài quen nhưng ít ai biết tới đâu tới đũa. Một anh tò mò nhìn người vừa nói : “ Anh trước làm gì ạ ? ”

Anh cười. Gương mặt trắng trẻo, hàm râu quai nón cạo nhẵn, vầng trán không vết nhăn. Nói chung đây vẻ trang trọng trí thức. Nhưng một chiếc răng lại rơi mất đâu đó trong một dịp vui nào đó làm cho gương mặt anh biến đổi rất buồn cười. Có một cái gì đó vừa trẻ thơ vừa ngộ nghĩnh chẳng ăn nhập gì với vẻ từng trải thực có ở anh.

– À... Ý cậu định hỏi trước mình có bán thuốc không chứ gì ? Bán chứ ! Tị nạn bên Tây mới dễ sống. Chứ bên Đông Đức này chỉ trông vào đồ ăn sẵn với tiền âm phủ nó phát hàng tháng để tiêu vật thì có mà treo lưối. Khổ nỗi mình bị giới quên. Gốc Nghệ hẳn hoi nhưng ông cụ bà cụ lại tính tang tình tang với nhau ở Hà Nội, tòi ra mình ở Hà Nội, nói đúng giọng ba sáu phố phường, thành thử mấy ông đồng hương “ thường thời quê Bác ” nhất quyết không tin, không ưu tiên chỗ tốt. Thế nên chẳng làm sao áp dụng được chuyên môn cũ vào lĩnh vực làm ăn mới cả.

Xung quanh cười ô. Tôi cũng phì ra cười. Quen nhau, đã biết đủ dùng về nhau mà không hiểu sao tôi vẫn không thể nghiêm trang mỗi lúc anh nói anh cười với cái miệng mất răng. Anh là bậc đàn anh của tôi ở Nga nếu xét về thâm niên cống hiến cho nhân dân xô viết. Anh học ở Nga trước. Chín năm là sinh viên rồi nghiên cứu sinh ngành kinh tế chính trị học ở đó. Kiếm bán áo gió đặc sản Khâm Thiên Hà Nội và sau đó là đủ thứ đặc sản khác của đất ngàn năm văn vật. Vượt sang Đức qua đường Ba Lan. Nhập trại ở Brandenburg. Và nhập thẳng vào đoàn quân Việt Nam chung lòng bán thuốc lá lậu. Có điều bản mặt của anh đã hại anh. Tôi không biết chuyện bán buôn hồi ở Nga của anh có thật không. Nhưng đi bán thuốc anh không làm sao tranh khách được với đồng hương nước Việt. Ngày nào cũng ôm ngăn ấy thuốc đi rồi ôm gần

ngăn ấy thuốc về. Cùng cả tiểu thuyết. Trong khi ai cũng dáo dác nháo nhác vờn khách vọt Polizei⁽²⁾ thì anh xù xù một cái bu dồng bên lén và ngượng nghịu nhìn người qua lại, rồi tối lại bên lén và ngượng nghịu về chịu trận cười của mấy cậu cùng phòng. Nếu không có mấy cậu lính Nga đi tìm nguồn tiêu thụ thuốc được cấp phát thì không biết anh sẽ sống thế nào trước khi trở thành cai thuốc thứ thiệt chuyên bán buôn cho bà con mang đi phục vụ từng người dân Đức. Nhưng anh ít nói về chuyện này. Cũng giấu biệt người không quen cái tích bán thuốc cho Tây không nổi lại còn đi nhận bán sách cho ta. Anh thích kể những chuyện bán thuốc trên đường phố Berlin. Cứ làm như người thạo lắm.

“ Các ông bên đó làm hăng. Sáng đi chiều về. Cuối tuần rong ruổi Autobahn thăm nhau. Lại có chế độ đãi ngộ đáng hoàng. Lại có tiền đóng bảo hiểm cho mình từ đầu tới cuối. Ừ... ừ, từ cả đó tới gót nữa. Mà không đi làm hưởng trợ cấp xã hội thì trợ cấp cũng ra trợ cấp. Rồi lại làm chui trốn thuế. Thành ông bà chủ quán mấy hồi. Chứ còn bên này... Có phải cứ bán thuốc là thành maphia thành ‘Bố già’ được đâu. Bố khỉ ! Trước mình học ở Nga. Có năm chỉ toàn điểm năm, xin được sứ quán sang Đông Đức thăm thẳng bạn cũng là sinh viên. Cứ tưởng thiên đường là thật. Dân Đức hồi ấy sao mà tử tế thế không biết. Vậy mà đánh đùng một cái họ nhìn mình như quân thù quân hần. Dân mình có buôn thuốc lậu cũng là vì dân họ muốn mua lậu chứ. Đúng luật cung cầu. Thế mà họ đuổi họ chửi. Công nhận người Việt mình chịu khổ chịu nhục giỏi. Các ông hình dung mà xem ! Trời mùa này, lạnh dưới âm, sáu giờ sáng con cháu vua Hùng đã nai nịt xong để xuống đường. Thuốc buộc vào người. Thuốc lên vào túi. Thuốc nhồi ba lô. Đứng ngoài trời cả ngày, ngón chân sưng cồng tướng mất hết cảm giác, nhưng bước một bước thì cứ gọi là buốt óc. Mặt thì đầm chiêu. Mất thì nhón nhác. Miệng thì liến thoắng ‘bitte, danke’⁽³⁾. Không cần nhiều. Chỉ cần nói ngọng được hai từ đó thôi. Với các con số nữa. Dân mình công nhận có khiếu ngoại ngữ. Chính mắt tôi nhìn thấy có cô sau hai buổi chiều đi bán thuốc về đếm tiền bằng tiếng Đức nhoay nhoáy *ai xờ vai dờ dai*⁽⁴⁾...”

...Anh cứ nói tung tung. Xung quanh cười bò lăn bò càng. Lăn nào anh cất tiếng cũng vậy. Chẳng ai biết ông này đùa hay thật. Mấy ông khách từ Tây Đức sang cứ mắt tròn mắt dẹt dán vào cái miệng mất răng của anh. Cả tôi. Cả những chiến binh còn tại ngũ trong đoàn quân bán thuốc. Cứ dòng tai lên và cười như chuyện ai. Nghe một người mô tả về mình, mới bật ngửa là hoá ra mình vẫn nghĩ về mình y như thế. Tự dưng thấy cuộc sống lem nhem bôi bác quá. Thấy xót xa cho mình. Nhưng ý nghĩ này đã làm tôi để lạc câu chuyện của anh. Có điều gì mà dân tình cười sõi sùng sục...

“ Minh chạy. Chạy nhé. Mà không được đánh xa tay lấy đà. Hai tay dút trong túi bu dồng, ghì chặt. Sao cho thuốc khỏi rơi. Đàn bà con gái mỗi bận chạy thế này là cơ cực lắm. Vú mình thuốc mình, lúc đó lấy ai ôm hộ. Một thằng oắt giơ chân ngáng. Minh ngã sấp. Vùng dậy. Chạy tiếp. Chẳng cần biết chạy đi đâu. Thì dân mình ở đâu chẳng thế. Đi đâu làm gì từ lâu rồi không còn là câu hỏi siêu hình với dân mình. Thái dương tưởng vỡ ra. Bọn Tây đi hùng hục trên phố thẳng nào cũng ngoái cổ. May. Chắc toàn những thằng cần tới mạng lưới phân phối thuốc lá của dân Việt mình. Không có thêm thằng mất dạy nào ngáng cản. Đúng vào lúc mình tưởng gục thì

nghe có tiếng gọi ‘vào đây vào đây đồng chí’. Ta-va-ris. Tiếng Nga. Trời đất. Thật sự là mê giữa ban ngày. Xế bên đường, ngay trước một Kios báo chí, một tay người Á đang khua cả hai tay lên trời : ‘Vào đây ! Vào đây !’ Cậu bảo chọn lựa gì nữa. Mình đâm thẳng vào đó, rút tay, giật dây, thuốc rơi lỏng chổng. Ngực lại lép như dân Việt bốn ngàn năm nay vẫn lép. Quảng nốt cái ba lô. ‘Xi-pa-xi-bờ !’⁽⁵⁾ Nhào ra. Chạy tiếp một đoạn. Rẽ trái. Chậm dần. Rồi đi thủng thẳng thở vào hít ra thật thanh thản ung dung cho khỏi vỡ phổi. Giờ đó thằng cha con mẹ cảnh sát nào chặn mình cũng vô can. Rồi mình thủng thỉnh quay về xem cái phố đó có tên gì. Gần tối thì mình quay lại cái Kios bán báo đó. Xin lại thuốc. Xin trả ít tiền. Cái lòng người ta dám liều vì mình... trả ít hay trả nhiều thì cũng vậy... Không trả nổi... Ông chủ quán nhất quyết xua tay. ‘Không ! Tôi giúp đồng chí thôi ! Vô sản thế giới liên hiệp lại !’ Ông ta nháy mắt cười rạng rỡ. Da trắng... như dân mình. Mắt xéch. Gò má bẹt. Miệng gọn. Mặt tròn. Đúng kiểu người Mông Cổ. Ủ. Quân Nguyên đấy. Nhưng lần này cái ông có khi là hậu duệ của Thành Cát Tư Hãn kia đã hoàn toàn chinh phục mình. Ông ta đóng Kios, mặc áo khoác, chỉ cho mình cái ba lô và hai túi thuốc mình xỏ ra hồi chiều dúm dưới quây, cầm số tiền mình đưa, đẩy mình sang quán cà phê bên đường. Bọn mình ngồi ở đó cho tới tận lúc chị chàng hầu bàn nguẩy mông nguẩy mắt ra ý đến giờ quán đóng cửa. Nói bằng gì à ? Tiếng Nga. Ông ta nói tiếng Nga như nói tiếng Mông Cổ. Nói về cái gì à ? Thì về những người như bọn mình như ông ấy ở Đức này. Về Mông Cổ Việt Nam. Về nước Nga. Ông ta từng sống nhiều năm ở Nga. Ông ta là ai à ? Phó Tổng biên tập tờ Quân Đội Nhân Dân Mông Cổ. To chuyện đấy chứ ? Mình và ông ấy cười thoải thích cả tối đó. Thế nào mà ở Mông Cổ nhà ông ấy cũng thịnh hành vô khối chuyện cười như ở nhà mình...

— ?

— ?

“ Các cậu cũng phải biết mấy cái chuyện đó chứ ? Chuyện vô sản thế giới...? Không biết à ? Hai ông Liên Xô Trung Quốc ục nhau tranh đất. Mấy cụ Mác Lê bừa đó rồi thế giới người hiền ngao du. Đi mây về gió, thế nào lại qua đúng chỗ các con giỏi đánh nhau, các cụ từ trên cao ngó xuống thấy thế mới hét ‘Vô sản thế giới buông nhau ra !’ Mình ngờ nguyên bản chuyện này là từ mấy anh Nga. Mấy anh Ivan nhìn mặt thì vừa lành vừa ngớ nhưng cười đều ra phết...”

...Tất cả lại cười. Anh châm một điếu thuốc nữa, nhếch môi :

— Thế nhưng cái ông nhà báo Mông Cổ ấy cứ nhắc đi nhắc lại chúng ta là đồng chí chúng ta giờ là vô sản. Vô sản thế giới phải liên hiệp lại. Và ông ấy cười. Nói thật là mình không tả được cái cười đó. Tươi lắm. Dân Mông Cổ trông dữ vì gò má bành mắt xéch ngược nhưng cứ cười lên thì trông khá là hiền. Có điều miệng ông ấy cười nhưng mắt ông ấy thì... Ông ấy trước học báo chí ở Nga, làm phóng viên thường trú ở Nga, về Mông Cổ được điều làm sếp nhỡ ở báo Quân đội nhân dân. Về hưu, sống chật vật, lương ít, vợ lâu nhàu cấm cầu... Thì cũng y như các cụ ông cụ bà đến tuổi nhàn ở nhà mình. Ông ấy bảo tại là mình lương thiện quá. Nghĩa là ngu. Sang Đức là theo sự thu xếp của thằng con thứ không thích học trước đi xuất khẩu lao động sau không chịu về. Nó lấy một cô Đức nhưng ba phần tư máu trong người là máu Trung Á hồi hương sau khi nước

Berlin, xuân '96

Một ngày nhỏ chợt thấy lòng bứt đau

Xuân Berlin, chiều lá xanh đến thế

Con gió thổi trong lòng viễn xứ :

Đừng chờ những bức tường nào tự hoại với thời gian

Một ngày nhỏ chợt thấy lòng nhói đau :

Sáu người chết, mafia thuốc lá.

Berlin nghiêng tai

nghe

người Việt mình nổ súng

Thôi đã lại những ngày cúi mặt mà đi.

ĐỖ QUANG NGHĨA

Những ngày cúi mặt mà đi : tên một bài báo đọc trên ĐĐ.

Đức thống nhất. Nó đứng tên mở cho ông già cái quán bán báo. Ông ấy bảo mình thế là vừa giữ được truyền thống du mục vừa theo đuổi được nghề nghiệp cũ. Viết báo hay bán báo chẳng qua là báo bổ chứ gì nữa...”

...Các bà các cô đã tự động rời mâm vào bếp giúp bà chủ nhà thu dọn. Đám đàn ông cũng đã nhảy phốc sang đề tài đổi xe đổi hãng từ lúc nào. Và tiếng nói cười lại càng rôm rả. Anh dụ thuốc, gấp ít bún vào bát : “ Ăn thêm một chút không đem về lại phải nấu mì ăn liền. ” Chị chủ nhà từ trong bếp bung đĩa hoa quả chạy ra te tái giục chồng vận bếp lên, te tái đẩy tới trước anh cái khay đầy đồ ăn vừa được dọn lại : “ Anh chờ một tí tẹo cho nước dùng nóng lại ! ”. Anh khoát tay : “ Thôi dẹp đi. Mai trần thêm tí bún làm cho mỗi ông một bát khỏi phải bày vẽ gì. Thốc đầu mà đãi gà rừng ! ”.

Tôi nhìn anh. Anh tùm tùm : “ Cái chính là khỏi phí. Hơn bảy mươi triệu đồng bào trong nước còn đang đói khổ...”

Dân tình cười mới ghê chứ. Đủ mọi âm vực. Hổ hổ. Há há. Ha ha. Hì hì. Ông chủ nhà còn cố ngắc ngư trong cơn cười : “ Tám mươi triệu chứ. Dân số Việt Nam giờ phải tám mươi triệu. Tám mươi triệu người Việt Nam đang đói khổ. Ông này đặc đạo đùa rồi...”

Anh không cười, tay vè vè quả ớt xanh, nước mắt ràn rụa : “ Gớm cái giống ớt chọc trời này mẹ nào mua mà cay thế không biết ! ”.

Lê Minh Hà

1. 1999

(1) Xin mời

(2) Cảnh sát

(3) Xin mời. Cảm ơn

(4) Eins, zwei, drei : 1, 2, 3

(5) Cảm ơn (phiên âm tiếng Nga)

Tác phẩm này trích từ tập truyện ngắn của Lê Minh Hà, ***Gió biếc***, Nhà xuất bản Văn Nghệ, California, 1999, tiếp theo tập ***Trăng Goá***. ***Diễn Đàn*** cảm ơn tác giả đã cho phép đăng lại và xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

thơ nguyên bắc sơn

giai nhân và sách vở

Ta đọc ba ngàn quyển sách
Xong rồi chẳng nhớ điều chi
Ta chỉ nhìn em một cái
Sao mà nhớ đến mê si

tâm hồn trẻ thơ

Buổi sáng mang tiền đi hót tóc
Vô tình ngang một quán cà phê
Giang hồ hảo hán dăm thằng bạn
Mãi mê tán dóc chẳng cho về.

Về đâu, đâu cũng là đâu đó
đâu cũng đều hui đất Hán Hồ
Hót tóc cạo râu là chuyện nhỏ
Ba ngàn thế giới cũng chưa to.

Tháng giêng ngồi quán, quán thu phong
Gió Nhận môn quan thổi chạnh lòng
Chuyện cũ nghe đau hồn tứ xứ
Thương Kiều Phong nhớ tiếc Kiều Phong.

Bày ra một ván cờ thiên cổ
Thua trận nhà người cứ trả tiền
Mẹ nó, tiền ta đi hót tóc
Gặp ngày xúi quẩy thua như điên.

Tháng giêng có kẻ đi tìm cúc
Nhưng cõi đời không có Cúc Hoa
Thấy đám phù bình trên mặt nước
Biết mình đi lộn nẻo bao la.

Lạng quạng ra bờ sông ngó nước
Trên trời dưới nước gặp ông câu
Ta câu con đù, người câu đèn
Chung một tâm hồn tất gặp nhau.

Ghé thăm ông bạn trồng cây thuốc
Mời nhau một chén rượu trường sinh
Bát cơm tân khổ trong tù ngục
Câu chuyện năm năm khiến giật mình

Khi gã Yêu Ly đàm Khánh Kỳ
Là đàm trúng phải trái tim mình
Sông Mường Mán không dung hào kiệt
Muôn đời bóng núi đứng chênh vênh.

Nằm ngủ dưới cây nghìn cánh hạc
Đường như mặt đất tiết mùi hương.
Ngủ thẳng một lều chiếu mới dấy
Đường như mình cũng mộng Hoàng Lương.

Đường như đứa trẻ nghìn năm trước
Bây giờ đây vẫn trẻ trong ta.
Khi về râu tóc còn nguyên vẹn
Một ngày loáng thoáng một ngày qua.

chuyện hai bố con tôi

Cái ngu dân của kẻ thông minh
Là Cái Đố chính là Cái Đố

Bố qua đời đúng năm năm
Tôi viết bài thơ này
để tâm sự cùng một người khuất núi

Thuở sinh tiền
Ông rất thương tôi
Và tôi rất thương ông
Nhưng hai chúng tôi
Đúng là hai người đàn ông có bề ngoài lãnh đạm

Bố tôi ước mơ làm cho loài người sung sướng
Và thế là ông từ tuổi thanh xuân
Cùng bạn bè đi làm cách mạng
Ông làm cách mạng chừng nào
Thì loài người càng thêm sặc máu

Tôi ước mơ cõi đời tốt đẹp
Và thế là tôi làm thơ ca tụng loài người
Tôi càng ca tụng chừng nào
Thì loài người càng xấu xa chừng nấy

Bi kịch của bố con tôi
Là bi kịch của hai thằng tây đen
Cùng đi kiếm con mèo đen
Trong đêm đen mù mịt

Các vị thánh hiền thời xưa
Bảo thế giới loài người
Giống như chiếc đuôi cong
Của loài chó
Chúng ta là những đứa trẻ con
Chống khu vuốt chiếc đuôi này cho thẳng
Vuốt cho thẳng rồi
Thả tay ra là nó cong trở lại

Nếu mỗi chúng ta có làm điều gì tốt đẹp
Chẳng qua là để phát huy một tấm lòng son
Còn trái đất cứ ngày đêm sáng tối
Thịnh đã rồi suy
Suy rồi lại thịnh

Bố ơi bố đã ra về
Con ở lại làm thơ và chữa bệnh
Chúng ta đến nơi này để phát huy một tấm lòng son
Thành hay bại chỉ là chuyện vặt.

Sinh (năm 1944) và sống tại Phan Thiết. Trước 75, bị động viên vào quân đội Sài Gòn ; nổi tiếng với tập thơ *Chiến tranh Việt Nam và tôi* (1972). Cha đi kháng chiến, tập kết, sau này về hưu với quân hàm trung tá Quân đội nhân dân. Hai bài thơ đầu trích từ *Ở đời như một nhà thơ Đông phương* (nxb Đồng Nai, 1995), bài thứ ba từ *Tiểu Dao Bào Cự : Hành trình cuối đông* (nxb Văn Nghệ, California, 1995).

Mai Ninh

BÃ O CÁI

Trong khoảng giữa buổi chiều thăm viếng cơ sở và dạ tiệc, tôi chạy về nhà thay quần áo. Dưới vòi nước ấm, tôi nao nao xúc động nhớ lại từng khuôn mặt bạn bè. Ngoài một hai người thỉnh thoảng gặp nhau nhờ ở lại nơi này sau khi tốt nghiệp, còn hầu hết thì sau một phần tư thế kỷ đã qua đi, bây giờ mới tái ngộ. Làm sao không ngẩn người trước những tên bạn ngày xưa mặt mũi căng hồng tí từng nhớ nhăng, giờ đây làn da gấp nếp, râu ria đạo mạo, ra dáng xếp lớn xếp nhỏ cả rồi. Và dấu chân chim của thời gian càng rõ rệt hơn nữa, nơi những cô đầm bạn gái của tôi.

Sau bao năm biệt tích, cách đây mấy tháng, vợ chồng tên trưởng lớp gọi tìm tôi ngộ ý muốn làm cuộc họp mặt bạn bè toàn lớp kỷ niệm hai mươi lăm năm và nhờ tôi tổ chức buổi viếng thăm trường cũ cùng vài cơ sở liên hệ quanh vùng. Trong đám bạn tôi ngày ấy, hai người này đã là vợ chồng khi vào năm thứ nhất; năm sau nữa lại một cô đám cưới và đến năm cuối cùng thì một tên khác lấy vợ. Đa số đã về đây từ tối hôm trước, nhưng sáng bữa sau tôi mới gặp lại tất cả trong giảng đường của ngôi trường đã khác hẳn năm xưa, hiện đại hơn, đồ sộ hơn với sự đóng góp của nhiều ngành kỹ nghệ. Bạn bè nhận ra nhau, qua lúc đầu ngỡ là ồn ào niềm vui. Đến nổi, sau khi ông giám đốc hiện thời vừa chấm dứt vài lời chào đón bọn học trò cũ, tên nghịch ngợm nhất khi xưa đã cởi ngay áo veste, trèo lên bàn, phóng tung những chiếc tàu bay giấy mà hắn vừa gấp vội vàng. Chúng tôi vỗ tay la ó náo nhiệt như thuở nào.

Bữa tiệc đêm được tổ chức trong một trang trại đã tàn trang thật thích hợp với kiến trúc trong vùng. Những xà nhà nâu bóng, những bức tường đá nổi cùng bàn ghế gỗ muọt nước thời gian, đã được chủ nhân chủ tâm chọn lựa khi biến nông trại này thành một khách sạn nhà hàng nổi tiếng. Sự tàn trang này tạo ra khung cảnh lịch sự ấm cúng bên trong mà vẫn giữ lại được chút quê mùa nên thơ của cảnh vật ngoài vườn. Khoảng sân nuôi gà vịt, súc vật xưa kia nay trở thành sân chính, ba bên được bao bọc bằng những dãy nhà ăn, khách sạn và phòng tiếp tân. Đây đó còn một miệng giếng đá cổ dưới giàn hoa leo tím tím và bồn nước uống cho ngựa. Góc kia là chỗ chất cỏ khô, máy ép nước tảo với những thùng gỗ sồi đựng rượu. Chung quanh, những hàng cây xum xuê ửng đầy táo đỏ của mùa thu.

Trang trại cách thành phố khá xa, đường đi quanh quất. Tôi chạy lạc một vòng nên đến nơi khi mọi người đang vào bàn. Chưa biết ngồi đâu, tôi chạm phải ánh mắt N., một thúc đẩy vô hình, tôi ngồi xuống cạnh anh. Bên phải N. là một người đàn bà mảnh mai, tóc bạch kim sáng dưới ánh đèn. N. giới thiệu vợ mình. Tôi đưa tay ra, cầm lấy một bàn tay mềm nhưng hờ hững, giống màu mắt xanh thăm lạnh lẽo của cô.

Chúng tôi bắt đầu ăn uống trong không khí ồn ào náo nhiệt. Sau một ngày hội họp, tuy có lúc vui tếu nhưng thường bắt buộc phải nghiêm trang, bây giờ mới được thả giàn thoải mái. Cả bọn hồi sinh, hoàn đồng, đứa nào cũng tranh nhau thăm hỏi. Nghe từng mẩu chuyện, nhìn từng người bạn một, diện mạo thay đổi đã đành, tôi còn ngạc nhiên biết bao trước những thay đổi về cung cách, về con người. Hình như chẳng phải do thời gian, mà chính là đời sống và cách sống đã làm người ta đổi khác đến như vậy.

Anh chàng M. chuyên học gạo hồi xưa, lúc nào cũng chúc đầu vào đồng sách, cặp kính cận dày nặng trĩu xuống tận miệng, đang huênh hoang khoe rằng, bây giờ cái giường của anh ta kê trên máy bay. Làm phó giám đốc một hãng truyền thông lớn, cứ rồi các buổi họp là anh ta trèo lên máy bay ngủ khò lấy sức. Bao năm nay không sờ tới một quyển sách. Còn cậu J. mặt mày trắng bóc thư sinh, vô cùng nhút nhát, cứ đứng trước mặt các cô là bắt đầu lắp bắp. Thế mà giờ đây cũng điềm đạm, chững chạc bên bà vợ khá duyên dáng. J. giảng dạy ở một thành phố khác, nghề nghiệp giúp J. chế ngự được tật nói lắp của mình. Còn con bạn tếu của tôi! Cuối cùng nó cũng lấy tên bố bác sĩ, nhưng rồi li dị sau đó. Nó là đứa duy nhất đã bỏ hẳn cái ngành chúng tôi theo học. Không đung, nó chán nghề, ghi tên học môn luyện giọng cho trẻ em bị ngọng. Nó cười khoe:

– Bây giờ, tao giao thiệp toàn với bọn tai to mặt lớn.

Thấy tôi tròn mắt, nó nhún vai:

– Mày không biết, con nít đến tao chữa, toàn là con của họ. Ấy, bọn chính khách chuyên dối gian thánh tướng, nên lũ con thường ngọng cả!

Cuối bữa ăn, khi nhà hàng dọn cà phê và rượu mạnh, chúng tôi bắt đầu giở ra những tập hình cũ của mỗi người mà trước đó tên trưởng lớp đã dặn dò mọi người nhớ đem theo. Tám này, cả nhóm mặt mày còn non, bánh chọe trong y phục dạ hội, tám kia trong khu chợ souk, mấy đứa đang dang dai mặc cả mua cái púp trong nửa tiếng đồng hồ, chỉ để xuống giá vài đồng! Những gian hàng vài vốc, gia vị màu mè sặc sỡ. Quán trái cây bên đường treo những chùm cam quýt kết thành dây vàng rực... Và tôi, trên con lạc đà có con mắt lồi thật hiền từ với hàng mi dài rậm. Chỉ nhìn qua đã nhớ ê ẩm cơn đau đáy lưng và hai bên đùi. Những hình ảnh gợi lại các pha đùa nghịch hài hước trong chuyến đi sa mạc Bắc Phi hai mươi lăm năm trước, trải đầy trên mấy chiếc bàn. Có cả tám chúng tôi quần chân chùm mền mỗi người một đồng ngồi sát bên nhau. Bao nhiêu kỷ niệm tưởng chừng đã quên không ngờ sống lại đêm nay với những lời bàn ra tán vào, chọc ghẹo. Bỗng tên trưởng lớp cầm một tấm ảnh giơ cao:

– Ê, đứa nào nói được hai cái bóng ma âu yếm này là ai, tao thưởng!

Mọi người nhao nhao:

– Đưa xem, đưa xem...

Tám ảnh chuyển đi, người bảo tên này, kẻ nói tên khác, tên trưởng lớp vẫn lắc đầu. Khi đến bàn tôi, con bạn nhanh tay chụp trước, tôi chưa kịp ngoái sang tay nó, hắn đã nheo mắt nghi ngờ ngó lại tôi. Tên trưởng lớp cũng ngừng lên, ánh mắt nửa xác định nửa chế riếu, vợ hắn đứng sau lưng cười mỉm. N. choàng tay với lấy. Tôi liếc qua. Một tấm hình thiếu ánh sáng,

mờ mờ hai bóng người dựa bên nhau, nhưng một cái lu đất sáng rõ hơn trong góc ảnh, như có ánh đèn rơi thẳng vào. Vợ N. cũng quay sang ghé mắt nhìn. N. dứt ngay tấm ảnh vào túi áo, rồi thản nhiên cầm ly rượu giờ cao về phía tên trưởng lớp :

– Cám ơn bạn, đã cứu ta trong cơn bão cát, lại còn chụp cho tấm hình kỷ niệm.

– Hi hi, cho gì ! Tao bán đấy. May mà lúc nào tao cũng đeo theo cái máy ảnh.

Bọn còn lại chợt hiểu ra, vỗ bàn rầm rầm :

– A, nhớ rồi, hai đứa nó trốn biệt vào đó bàn chuyện thế sự để tụi mình lo sốt vó !

Bên kia N., vợ anh cũng cầm ly mình lên uống cạn rồi cô chau mày đặt xuống. Tôi không uống rượu, nhưng mặt nóng bừng, hai tay loay hoay, không biết để vào đâu. May thay, lúc ấy, ban nhạc trên cái sân khấu nhỏ ở góc phòng, vẫn chơi nhạc nhẹ từ đầu bữa ăn, vừa đổi qua một điệu nhảy sống động. Vợ N. đứng ngay dậy kéo tay chồng, N. bước theo. Con bạn bấy giờ huých tôi :

– Hấn tỉnh bơ thật, mà có sao, đâu còn gì giữa họ nữa !

Tôi trông theo, chẳng hiểu sao không chút ngạc nhiên nào. Vợ N. nhảy rất đẹp, nhưng mặt cô không tươi cười mà lạnh lạnh.

– Này mày, giọng nói và màu tóc cô ta không hẳn Pháp.

Con bạn gật đầu, chép miệng :

– Ờ, gốc Đức, bởi vậy quen gì nổi cái xứ mệnh mông là biển của N.

Rồi nó chợt nghiêm trang :

– Còn mày, chia sẻ bớt chuyện đời cho tao nghe đi.

Tôi gạt liến :

– Thôi mày ơi, chuyện tao như con cá chết, mày nên nghe mấy đứa kia kể chuyện vợ chồng con cái, tậu nhà tậu cửa, coi bộ thích thú hơn. Mày có biết D. đang tính bỏ việc sang Dakar chạy đua xe hơi không ?

Vừa nói tới đó thì D. xuất hiện, nghiêng mình kiêu cợ mời tôi một bản, còn đùa thêm :

– Nhảy hết bài nghe M., đừng có xô tôi nhào xuống đất như hồi xưa đó nhé !

Tôi bật cười. Bao nhiêu năm rồi, anh ta vẫn chưa quên ! Trên sân nhảy, thỉnh thoảng chúng tôi đến gần vợ chồng N. Chỉ thoáng qua màu áo nâu nhạt và chiếc cà vạt hồng của N., tôi băng khuâng thoáng nhớ một lần nào như thế khi chúng tôi còn rất trẻ.

Bản nhạc vừa dứt, tôi cảm thấy ngọt ngào vì khói thuốc, nên bước về phía bên kia phòng ăn, có cửa mở ra một khoảng sân nhỏ che kính, trồng nhiều loại hoa miền nhiệt đới. Bầu trời đêm đen thẫm, xa xa trong vườn, vài trụ đèn lồng rơi trên sân sỏi và những giậu hoa hồng nở muộn. Tôi dễ thở hơn với bóng tối dịu dịu. Một nỗi buồn khó tả, nhẹ nhẹ trong hồn tôi. N. đã đẩy cửa bước vào, tôi thốt nhiên rùng mình, đưa tay ôm lấy hai vai. N. làm như không thấy, mà có lẽ anh chẳng thấy thật, nói tự nhiên :

– M. ra nhảy chứ, đứng đây coi chừng lạnh.

Tôi biết không thể nào khác hơn, đành theo anh. Nhiều cặp

chuyển động giữa sân, nhưng vợ N. với màu áo voan xanh nổi bật hơn tất cả. N. vừa nắm tay tôi bước vào điệu nhạc vừa nói :

– Cô ấy có thể như thế cho tới sáng.

Tôi cố thản nhiên :

– Thì anh cũng vậy, chìm trong biển, từ sáng đến chiều !

N. chẳng trả lời, kéo tôi vào một góc thoáng, rồi hỏi thật bất ngờ :

– Sao tối nay M. không mặc áo dài như đêm năm xưa ?

– À, tôi... không nghĩ tới.

– Cũng may, M. mà mặc, thằng D. lại giành mất !

Thật lạ, cả N. và D. cùng gọi lại đêm khiêu vũ mà bọn sinh viên năm cuối chúng tôi tổ chức theo thông lệ của trường, để lấy tiền du lịch trước khi mãn khóa. Trong lớp, hai mươi mấy học trò, chỉ có năm đứa con gái. Chúng tôi làm nữ tiếp viên mệt khờ cho đêm ấy đông gần ngàn người vì nổi tiếng nhất thành phố, luôn luôn thành công. Số tiền lời dư thừa cho cả lớp lang thang hơn mười ngày qua Bắc Phi, xuống sâu vùng sa mạc.

Trong buổi dạ hội năm đó, đến khoảng nửa đêm, khi phần sự hướng dẫn quan khách đã xong, bọn tôi mới được vui chơi. Vừa cởi tấm khăn quàng tiếp tân ra khỏi chiếc áo dài lụa bạch là tôi bị D. chạy tới lôi ra sân nhảy. Hấn tấn công ngay :

– Không ngờ áo Việt Nam đẹp quá ! Tao...

D. chưa dứt câu, mấy tên bạn nhảy gần đấy với qua :

– Ê, không được giữ lâu nhé, nhường phần cho tụi tao.

D. lắc đầu quấy quậy :

– Tao độc quyền, với cái áo này, ôm cổ trong tay cứ y như là cổ chẳng mặc gì hết !

Tôi ngượng chín người, xô mạnh D. ra, anh ta loạng choạng mấy bước, bọn bạn chung quanh cười oà. Không biết N. đang ở đâu gần đó, chạy tới gỡ rối, rủ tôi ra quây nước. Khi tôi đã nguôi, N. mới nói :

– Hôm nay M. thật khác. Không thể nhận ra cô sinh viên ngày thường tôi vẫn thấy, áo pull, giày ống. Ở xứ M., cô gái nào cũng mặc áo kiểu này ư ?

Tôi gật đầu :

– Vâng, bọn con gái đi học đồng phục như vậy cả, màu trắng – rồi nói thêm – nhưng vài dây hơn!

N. nheo mắt cười, xoay ly rượu trong tay :

– Chỉ tưởng tượng thôi, đã thấy dễ thương quá ! Minh ra nhảy nghe M.

Đã hai mươi mấy năm trôi qua, bây giờ hơi thở N. cũng nồng thơm mùi rượu. Cánh tay anh ấm áp sau lưng, và bàn tay kia anh xiết nhẹ những ngón tay tôi. Tự nhiên tôi muốn thả người để được rơi vào một cõi bình yên. Tâm hồn lơ lửng theo tiếng nhạc, chấp chờn trong hai tà áo dài của thời tuổi trẻ lượn bay như cánh bướm. N. ôm sát tôi vào anh hơn, cúi xuống trên mái tóc, lùi xa dần những người khác. Vai tôi chạm vào tấm ảnh anh bỏ trong túi áo sơ-mi. Cả hai cùng bật tiếng cười. N. nói nhỏ :

– Sao M. không hỏi thăm tôi ra sao từ độ ấy ?

Tôi kêu thầm trong bụng, ừ, anh khôn lắm, muốn tôi hỏi anh ra sao, để anh có thể hỏi lại tôi thế nào chứ gì ? Và tôi sẽ phải trả lời anh ! Tôi biết tôi vẫn nợ anh câu trả lời từ độ ấy rồi mà. Xin anh hãy tha tôi đi, N. ạ.

N. đưa tay đẩy tôi quay một vòng rồi dịu dàng kéo lại. Không thể tránh được, tôi cười trong mắt anh :

– Không cần hỏi, tôi đã biết, trước sau gì anh cũng trở về vùng biển của anh. Nghe nói anh có việc làm quan trọng nơi ấy mà.

– M. đâu biết được, trước khi tìm ra việc ở đó, tôi qua nhiều thăng trầm, khó khăn. Mỗi lần chán, hết tinh thần, là mỗi lần nhớ lời M. chế nhạo, tôi có chút thông minh nhưng hay để cho xúc động chiếm lĩnh trí tuệ.

Tự nhiên tôi thở dài tiếp lời anh :

– Nhưng cũng chẳng ra gì, thứ trí năng trần trụi cảm xúc !

Nghe tôi nói thế, N. buông tay, nâng nhẹ cầm tôi, ngập ngừng :

– Đây, cô bạn nhỏ, sao cô nói vậy... cô hạnh phúc không ?

Ồi thôi rồi, tôi phải nói gì đây ! Tôi luôn luôn sợ phải nói về mình như chạm phải một con rắn độc. May thay, bản nhạc chấm dứt ngay lúc đó. Tôi nhẹ nhàng gỡ tay, trước khi bước đi tôi ghé vào tai anh :

– Đừng giữ tấm ảnh, bão cát trong sa mạc đã ngừng nghỉ lâu rồi.



Sa mạc sắp hiện ra, sa mạc mệnh mông, hoang vu mà chúng tôi náo nức đợi chờ ngay từ đầu cuộc hành trình. Cuối con đường quốc lộ trắng nhựa, khi xe qua một cây cầu lớn là bắt đầu địa phận hoàn toàn trần ngự bởi thiên nhiên. Hai bên cát vàng cháy, khi cuộn tròn thành những đồi xoáy mịn màng, lúc thênh thang trải tràn tận chân những dãy núi chập chùng. Có ngọn trắng xoá nhọn tuông xuyên trời, có ngọn đỉnh cát bằng như một bức tường đỏ quạch khổng lồ. Thế giới bên kia dãy núi ra sao ? Có khác thế giới bên này, không bóng người, không sự sống, không màu xanh cây cỏ ? Trong chiếc xe ca lắc lư trên con đường đất nện, bọn con trai chụp hình lia lịa. Những luồng gió nóng rất tạt qua mặt, hừng hực. Tôi đang mãi mê nhìn cảnh vật, con bạn ngồi đằng sau vỗ vai :

– Đây này, nếu xe bị pan, ngừng lại chỗ này, chắc chết !

Tôi giật mình, đồng tình với nó, nhưng nạt :

– Đây chỉ nói vậy.

N. ngồi dãy ghế bên kia phụ họa :

– Đẹp ghê, y hệt phim cao bồi, nhưng hoang vu quá, tao thích biển hơn.

Con bạn quay sang :

– Đây thì lúc nào cũng biển ! Cứ thử đắm tàu giữa biển mà xem, đâu hoang vu hơn.

N. không cãi, thò đầu ra ngoài khung cửa, bỗng reo lên :

– Ê, nhìn xem, có sinh vật!

Cả lũ chồm ra. Từ đằng xa nhiều đám màu đang di động, xe đến gần, một đoàn du mục. Những bị, những túi, đồ dùng soong chảo, bầu nước... đầy màu sắc lũng lảng đeo cổ những chú lạc đà lênh khênh. Những người đàn ông miền núi mặc áo vải thô, đầu quấn khăn vành dây. Mấy người đàn bà trùm

khăn mỏng chỉ để lộ cặp mắt, ôm vài trẻ nhỏ, lác lư trên lưng lạc đà, giữa hai bướu u cao. Ngoài tiếng vật dụng va chạm kêu loeng xoeng, cả đoàn im lặng. Tôi có cảm tưởng họ đang làm một cuộc hành hương, vừa đi vừa âm thầm cầu kinh. Xe lướt qua, chúng tôi ị ới vầy chào. Họ vẫn thản nhiên, lặng lẽ tiếp tục cuộc hành trình hàng một. Con bạn lại than thở :

– Trời ạ, có vài con lạc đà, còn cả lũ đi bộ ! Bao giờ mới tới nơi, rồi đêm xuống ?

Tôi trấn an :

– Đây khéo lo, sống quen thế, họ phải biết.

Nói vậy nhưng tôi bắt đầu nghĩ ngợi đến đêm nay, sẽ trú ngụ ở đâu, có đến kịp một thị trấn nào trước khi trời tối ?

Và chiều hôm ấy, chúng tôi vào đến một nơi không phải làng, chẳng là xã. Chỉ là một cụm nhà nhỏ giữa sa mạc. Khi người hướng dẫn viên bản xứ chỉ căn nhà lớn nhất bảo đó là nơi chúng tôi sẽ ở lại đêm nay, bọn con trai ồn ào huýt sáo, mấy đứa con gái nhìn nhau e ngại. Ông ta và cả bác tài lái xe quay lại nhắc nhở :

– Các cô cậu đời sống giống hết dân du mục mà !

Thế là cả bọn đành im miệng, xuống xe lủi rủ ôm hành lý, ba lô đi vào căn nhà đá trắng. Trời đã chạng vạng, nhiệt độ thấp hơn thấy rõ. Đây là một căn nhà hai tầng, chắc đã quen đón khách du lịch. Họ dẫn chúng tôi lên lầu trên, ngoài dãy nhà tám có hai phòng ngủ lớn, mỗi phòng hơn mười cái giường. Lũ con trai một bên, con gái một bên, tám bảng trên tường chỉ rõ như thế. Năm cô gái nhìn căn phòng thênh thang, con nhỏ bạn rên rí :

– Lại cũng hoang vu !

Trong khi bên kia, tụi con trai không đủ giường, ồn ồn nhào qua khuôn luôn mấy cái sang phía họ. Tầng dưới là dãy nhà ăn, có cả phòng đọc sách. Vài ba cuốn tiếng Anh, một ít tiếng Tây trên kệ, còn lại là những giòng chữ ngoằn ngoèo. Giữa tầng trệt này là một sân rộng hình tròn. Nhìn lên cái nóc bằng kính, tôi thấy một vòm trời bắt đầu cuộn mây, nhưng là một thứ mây mang ánh trời rất đỏ. Khí lạnh bắt đầu từ dưới đất bung lên, từ trên ập xuống.

Sau bữa cơm chiều, chúng tôi mừng rú khi có đoàn vũ công dân tộc đến biểu diễn. Họ chỉ có năm người, hai nhạc công và ba cô gái mặc váy màu sắc sỡ, thân trên quấn áo thật sát ngang ngực, một chiếc khăn voan che kín mặt và tóc. Chúng tôi ngồi vòng quanh khoảng sân tròn, trên những tấm thảm len. Trong khi họ sửa soạn, dù mặc hai ba lớp áo mấy đứa tôi đã bắt đầu run lập cập. Một tên có sáng kiến, thế là cả bọn leo lên phòng, gỡ hết ra giường và chăn đem xuống. Mỗi đứa quần chùm quần đụp quanh người thành một ụ. Ngồi gần, tôi loáng thoáng thấy mấy cô vũ nữ vừa uốn người theo điệu trống vừa không nhìn được cười sau làn voan mỏng. Chương trình chỉ kéo hơn nửa tiếng. Tuy thông cảm các cô gái ấy chịu làm sao hơn cái lạnh này trong thứ y phục quá mong manh, nhưng cả lũ tiếc rẻ kêu ca chẳng biết làm gì cho qua buổi tối. Người hướng dẫn tội nghiệp mách cho, cách đây chừng ba cây số, băng qua những đồi cát, có một hộp đêm rất lịch sự đồng thời cũng rất “ nóng ” ! Bọn con trai rú lên, đòi đi cho bằng được, dù biết có thể có một cơn bão cát đêm nay. Nghe thế, họ lại càng thích, đi cho biết phong trần ! Mấy đứa con gái than một

và sợ nguy hiểm, lũ con trai om sòm phản đối :

– Các cô không đi, tội này nhảy nhót với ai ? Bao cát nhỏ, có gì mà sợ !

Người hướng dẫn chỉ đường, giao cho hai cái đèn bão, cả bọn nhào ra, hí hửng. Riêng tôi, bước khỏi cửa, nhìn bầu trời đen mù, mãi tí xa mới có ánh đỏ chập chờn, tôi đâm lo sợ, chùn chân. Chung quanh dường như có sự chuyển động nào đó, ngấm ngấm. Tôi tìm quanh, muốn chia sẻ với con bạn nhất gan, nhưng quay đi quay lại, nó đã đi trước với bọn con trai đang hào hứng ca hát. Còn lại N. và tên bạn khác gần đấy giục :

– Nhanh lên M., không lạc tội nó mất !

Thế là tôi đành miễn cưỡng đi theo hai ánh đèn bão thấp thoáng phía trước. Đi chẳng được bao lâu, những tiếng động mà tôi mơ hồ nghe ra, đã từ mọi phía dâng lên, trở thành hiện thực. Chỉ trong vòng một hai phút thôi, những luồng cát mù mịt đã âm ầm ào ào lao tới. Tiếng bọn đang hát thay bằng tiếng kêu la sợ hãi. Tôi đưa tay ôm lấy mặt, nhắm nghiền mắt, đứng tại trận, tưởng phải buông người quỵ xuống. Có tiếng N. gọi nhưng tôi không thể mở miệng trả lời. Bỗng có người đâm xầm vào tôi, khi chập choạng đứng dậy nhận ra N. và người bạn. Cả hai xốc cánh tay tôi kéo đi. Tôi can nên quay về, nhưng N. bảo không thể nào nhìn ra phương hướng nữa. N. cố gọi to, nhưng chỉ còn gió và cát trả lời.

Cũng may, thỉnh thoảng như ân huệ của trời, gió tạm ngưng, tôi mở mắt ra, cả ba đứng lại lấy hơi thở, nhận định xem đang ở nơi nào. Nhưng dưới đất không có gì khác hơn là cát, và trên trời, những đám mây đen đe dọa. Chẳng biết nhờ đâu, sau ba giờ đồng hồ vật vờ, cuối cùng chúng tôi cũng nhìn ra những đốm sáng lân tân đằng trước. Đấy chính là những ánh đèn xanh đỏ của hộp đêm.

Khi N. đẩy cửa, tôi ngỡ mình vừa tái sinh, rơi hẫng vào một thế giới luân hồi nào khác. Lung linh thủy tinh và màu rượu nâu trong các chai lọ óng ánh. Trên những chiếc ghế đầu cao bao quanh quây rượu, có đến năm sáu cô gái ăn mặc không đủ vải, những đôi mắt đen sâu, viền quanh xanh nhờn nét vẽ, những cặp chân duỗi dài dong đưa đôi giày gót nhọn. Các cô cười đón, mời vào. Cũng không hiểu do đâu, rốt cùng cả bọn lục tục đến nơi đầy đủ, không mất đứa nào. Mỗi người được các cô ban phát cho ly rượu. Chẳng bao lâu, trong tiếng nhạc và hơi ấm từ hai lò sưởi đỏ hồng, cả bọn hầu như quên mất cơn tai biến vừa rồi, nhất là bọn con trai. Con bạn ngồi dựa vào thành ghế, lắc đầu :

– Coi đó, mấy tên này thật vô ơn ! Bắt bọn mình đến đây, thiếu điều chôn thân dưới cát, vậy mà mới nhảy được vài bài, tội nó đã bỏ bọn mình ngồi trơ.

Tôi cười an ủi :

– Càng khoẻ, nghỉ đi, còn lấy sức mà về.

Ngoài sàn nhảy, mấy tên bạn xoắn lấy các cô vũ nữ. Trong góc kia, vài đứa xúm lại tán một cô có mái tóc lượn sóng chảy xuống tận lưng. N. đem đến cho tôi một ly rượu khác. Con bạn vội vàng nói :

– Này, gió đang ngừng, tao nghĩ, kêu cả bọn về thôi.

Lời cô ta có lý, nên dù luyến tiếc, lũ con trai cũng đồng tình, trừ D., tên play-boy nhất bọn đang quần quít bên cô tóc

dài. Hần quãng tay ôm cô ta, hào hùng tuyên bố :

– Tao ở lại đây, bảo xe ca sáng ghé đón tao.

Tên trưởng lớp định can ngăn, nhưng một người lên tiếng :

– Ấy, nó khôn hơn bọn mình !

Nào ngờ, đường về giống tổ nhiều lần hơn bạn đi. Gió cát lại nổi lên đùng đùng, cả bọn lại lạc mất nhau. Tôi theo sát bên N. Có lúc chúng tôi không bước nổi, cát từng luồng xoáy tròn chung quanh. Da đầu và cổ ê rát, tóc quất vào mặt, tôi hét lên, rồi rã. N. biết tôi đau, cởi áo khoác trùm đầu hai đứa lại. Thỉnh thoảng anh hé ra đưa cái đèn pin, đã cẩn thận xin ở quán rượu, rọi đường. Bước một bước tôi cảm tưởng lại lùi hai, người run lên vì lạnh. Tôi ôm chặt cánh tay N., tôi chỉ sợ N. bay theo cơn bão, bỏ tôi ở lại với hàng tỉ hạt cát quỳ thần này. Tôi muốn cầu nguyện một lời gì đó, nhưng chỉ nghe tiếng cát vùn vùn, tạt tới loạn mù. Bỗng N. kêu, có cái gì trước mặt. Khi đến gần, hoá ra là một căn nhà gạch, một cái chòi thì đúng hơn. Không biết ai dựng làm gì giữa sa mạc trống lốc này. Nhưng hai cánh cửa mở toang ra trước sức gió như hai cánh cổng thiên đường. N. đẩy tôi vào một góc khuất, mực cát còn thấp. Tôi thả người, thở hồng hộc.

Những hạt cát bay giờ từ tóc tai đầu cổ rơi xuống. Dưới ánh đèn pin yếu ớt, tôi cố nhìn quanh, chẳng có gì ngoài một cái lu đất đã lún sâu. Tôi kéo N. ngồi xuống bên cạnh, nhắm mắt mỗi một. N. quay người dựa lưng vào tường, chột bặt tiếng kêu đau đớn. Tôi hoảng hốt giật cái đèn pin, mặt N. đang nhăn nhó, tay khoanh ra sau lưng. Lúc ấy, tôi mới để ý, N. chỉ mặc có mỗi chiếc áo somi, áo len và áo khoác đã cởi ra quần đầu quần cổ cho tôi. Chẳng ngại ngần, tôi kéo áo N. lên, tẩm lưng đỏ rần đầy cát, chúng đã cứu da N.! Tôi bật khóc. Anh quay lại, ôm lấy đầu tôi, tay gỡ nhẹ mái tóc rối bời. Khi bớt xúc động, tôi bối rối :

– Thế này là đau lắm. Tại tôi cả ! Cảm ơn anh.

Trong bóng tối, N. nhẹ nhàng :

– Suyt, đừng cảm ơn. Mà có gì đâu, tôi còn nợ M. bằng mấy ở những kỳ thi !

Tôi bật cười, N. cũng vui vui :

– Này, không nhờ M. cho cốp bài chắc bây giờ tôi vẫn ngồi năm thứ nhất !

Rồi N. tiếp tục, giọng trầm hơn:

– Nghe nói, ra trường, M chưa về nước, cũng không đi kiếm việc mà ở lại học thêm, phải không ?

– Ừ, chắc vậy quá, tôi chỉ giỏi làm tính vẽ hình, chữ viết đơn hay đi phỏng vấn xin việc đỡ ọc, chẳng ai thèm nhận ! Tôi hay đùa như thói quen. N. vội buông đầu tôi ra, ngồi thẳng dậy, sốt sắng :

– Chuyện đó dễ, tôi viết cho M. Tội mình đi tìm việc làm cùng một nơi nghe M.

N. làm tôi ngạc nhiên quá :

– Tại sao ? Hết thi rồi, anh đâu cần tôi nữa !

– Tôi không biết tại sao, nhưng những lúc có chuyện gì, tôi cứ nghĩ giá có M. bên cạnh, thế nào cũng xong !

Tôi buột miệng :

– Trời, xong gì mà xong! Coi như bây giờ đây này ! Thôi, anh đừng đùa.

Trong phút giây, tôi nhớ lại những kỳ thi. Tôi họ T, anh họ Q, không có ai vẫn R và S, nên hai đứa luôn ngồi cạnh nhau. Ngay lần thi đầu, cúi xuống nhặt cái thước đánh rơi, ngừng lên, chỉ nhìn thoáng hình vẽ và công thức tên tờ giấy nháp của N., tôi đã biết N. nhầm. Hình như vì chút lòng tốt, tôi cố tình đẩy tờ giấy của mình ra giữa. N. rất thông minh, chỉ ngó sơ đã hiểu ngay. Cứ thế nhiều lần, như một điều hẹn trước, tôi luôn luôn để bài gần về phía anh, dù chẳng bao giờ N. ngó ý yêu cầu. Lần đầu tiên ra khỏi phòng thi, N. dõm nói cảm ơn, nhưng tôi đã cười cười khoát tay bỏ chạy trước.

Ba năm học chung, ít lần tôi trò chuyện với N.. Thường, giữa những giờ cua, đám học gạo chui vào thư viện, bọn còn lại tụ tập đánh bài, nghe nhạc và tán dóc trong phòng giải lao. Lúc đầu, tôi cũng ngồi cạnh học mấy lá bài, nhưng chẳng tiến bộ bao nhiêu, nên bỏ đi tìm một góc vắng, chăm chỉ đọc mọi thứ tạp chí vớ được. Con nhỏ bạn hay nói, lúc đầu thường khó chịu :

– Sao mày ham đọc báo thế ! Cái gì cũng đọc.

Tôi thật tình :

– Ở xứ tao không nhiều sách báo về kiến thức tổng quát. Tao nhét vào đầu được chút nào hay chút nấy.

Những người bạn tốt bụng thường đem cho những tạp chí in đẹp đủ loại, văn chương, nghệ thuật, phim, kịch, phong cảnh... N. cũng thế, một lần anh tặng tôi một cuốn sách về vùng biển Bretagne nơi anh đã sinh ra và sống suốt quãng đời niên thiếu. Về hoang dại của đá, cát, cùng sóng nước của bờ Đại Tây Dương cuốn hút lạ lùng. Lần đầu tiên N. say mê nói với tôi về mơ ước và ý thích của anh ta. Và tôi đã hiểu tại sao vốn thông minh, nhưng N. không mấy tha thiết với những phương trình, công thức. Anh chỉ chờ cuối tuần được trở về nhà, ra đứng trước đại dương cuộn cuộn sóng. Sinh viên thời đó không có nhiều phương tiện, chỉ vợ chồng tên trưởng lớp và N. có xe hơi. Thỉnh thoảng sau giờ cơm trưa, N. gọi vài người lên xe, chở ra biển cách vài cây số, vào uống cà phê ở một cái quán lộng gió. Bỏ chúng tôi ngồi cãi nhau, N. xuống bãi cát, hai tay trong túi quần, thanh thản. Sự say mê của anh khi nói về biển đã khiến tôi nhiều lần xúc động, tự hỏi, phải chăng bao nhiêu nước biển và bọt sóng mà N. ngắm nhìn từ thuở lọt lòng cho đến hôm nay, đã gột tẩy đi màu xanh trong mắt anh, nên nó ngả ra thứ màu xám bạc lạ lùng ?

Thấy tôi không nói gì, N. nhắc : – Sao, M. ? Tôi giật mình, thế là, những suy nghĩ lập tức xoay đảo, tiến thoái trong cái đầu cân nhắc của tôi. Ừ thì, rõ ràng tôi rất thích màu mắt N., và anh đang ngồi cạnh đây, giọng nói, bàn tay, hơi thở... tất cả đều truyền sang hơi ấm, đem đến cho tôi cảm giác an toàn, đến nỗi tưởng chừng chưa bao giờ được có. Nhưng, làm sao nghe theo lời anh cơ chứ ? Tại sao tôi phải lăn vào đời ở cái tuổi này. Kể từ ngày bỏ nhà đi năm mười mấy tuổi, hình như tôi có lớn thêm, già dặn hơn chút ít, nhưng, như mẹ tôi vẫn bảo, tôi hãy còn trẻ dại lắm ! Vì sao phải đi làm nuôi thân, trong khi vẫn có học bổng để tiếp tục cái đời đi học không âu lo ? Và nữa, tôi sẽ phải trở về một nơi vô cùng yêu dấu, tự nhiên thôi, như N., anh phải về với biển. Tôi cũng còn có P.,

chắc chắn P. sẽ cùng tôi trở lại quê nhà, và anh sẽ được những người thân bên đời tôi chấp nhận, đơn giản, chỉ vì anh cùng nguồn cội. Tất cả giản dị, gọn gàng như thế, làm sao tôi có thể phá vỡ cái trật tự này, dù để bay bổng phút giây như ngựa hồng soãi vó trên đôi cò ! Tôi nói, lạ chưa, tôi đâu thể đi kiếm việc theo anh, để mãi mãi trôi giạt ở xứ sở này !

Thế đấy, gió đang tàn bạo lửa tung trần thế quanh đây, cát đang điên cuồng đập vào căn chòi này như loài thiêu thân liều chết, và N. đang xót xa làn da rướm máu. Thế mà tôi... tôi bình tĩnh xoay tít trong đầu mọi điều hơn thiệt. Vẫn chẳng thấy tôi trả lời, N. cũng im lặng, anh tìm cách dựa nhẹ vai vào tường, sát bên tôi. Rồi tôi cũng dần dần mê thiếp đi.

Chúng tôi giật mình nhòe dậy khi có tiếng người thì thào ở cửa :

– Ô, đúng hai đứa nó !

– Từ từ, không họ sợ.

– Thì cũng phải kêu tụi nó dậy, về chứ !

Một luồng ánh sáng đảo qua, tôi nhìn ra ngay tên trưởng lớp đang giơ cao cái máy ảnh, và ông hướng dẫn tay cầm đèn bão. Hoá ra, cả bọn đã về đủ, chỉ thiếu hai đứa tôi, nên họ sợ, đi tìm. Sức gió bên ngoài đã giảm cường độ. Thực ra, nơi chúng tôi trốn bão chỉ cách chỗ trọ hơn nửa cây số, nhưng ngược hẳn hướng đường.

Về tới nơi, tôi chạy thẳng lên lầu, hai dãy phòng tối om, mọi người đã yên ngủ cả. Lăn mò vừa tìm ra công tắc đèn, thì đã nghe con bạn la lối :

– Trời, mày ở đâu từ nãy tới giờ, tao sợ muốn chết.

Sợ đánh thức vợ tên trưởng lớp và hai cô bạn đang say ngủ, tôi đưa tay suýt nó nói nhỏ, rồi lại gần giường thăm thì :

– Tao và N. bị lạc.

Nó lắc đầu nghi ngờ :

– Lạc thật hay giả ?

Tôi mặc kệ, đến chỗ hành lý lục mấy cái túi. Nó không để yên :

– Mày tìm cái gì ? Áo ngủ mày vắt trên giường rồi mà.

– Tao tìm cái túi cứu thương, mày thấy đâu không ?

– Tao để lại trên xe rồi. Mà ai bị gì vậy ?

Chẳng hiểu sao tôi không muốn kể dài dòng.

– Cái lọ nước hoa của mày đâu ?

Con nhỏ mắt kiên nhẫn gắt :

– Trong cái va-li đỏ, nhưng tại sao mày đòi nước hoa ?

– Thì không có cồn, lấy tạm sát trùng cho N., hần bị chảy máu nhưng không sao. Mày ngủ đi đừng có lộn xộn.

Tìm ra cái lọ, tôi sắp nhào xuống lầu, con nhỏ gọi giật :

– Ê, mày biết gì không ?

Chưa hết câu, nó đã cười hình hích. Tôi tò mò quay trở lại. Nó chừng như không cảm được, cười to hơn :

– Anh chàng D. về ngủ rồi đó !

Tôi ngạc nhiên :

– Sao hần bảo ở lại tới sáng, tụi mình ghé đón.

– Thế mới nói ! Tụi mình vừa đi, anh ta tấn công liền, ai ngờ

con tóc dài chính thị là đàn ông. Cả bọn mày ơi ! Hấn vội vã cuốn gói chạy ra, lính quỳnh không biết đường về. May, ông hướng dẫn tới kịp.

Nhớ đến bộ mặt hí hửng của D. tôi cũng không nhịn được cười.

– Mà tự nhiên sao ông tới đó ?

– Cha này ghê lắm ! Biết trước mà vẫn xúi bọn mình đi. Sau, hối hận đi tìm, trên đường gặp vài đứa nói D. ở lại, ông quỳnh lên.

Con nhỏ hãy còn thích thú, muốn nói thêm, nhưng chợt nhớ tới N., tôi vội vàng bỏ nó đi xuống lầu.

Trong phòng đọc sách, N. đang ngồi lui cui cời khúc củi cháy gần tàn trong lò sưởi. Tôi vén áo anh lên rồi lại kéo xuống:

– Để rửa tay đã !

N. kêu :

– Tôi đã bảo mà, sao M. lúc nào cũng sáng suốt.

Phải sơ những hạt cát, tôi đổ nước hoa vào lòng tay, cố gắng xoa thật nhẹ, N. rùng mình chịu đựng. Tôi vẫn chân chừ để tay trên lưng N., làn da anh mềm lạ. Anh không nói gì, lặng lẽ nắm lấy tay tôi bóp chặt đến làm tôi nhói đau. Khúc củi được N. khơi đang bùng lên ngọn lửa, tiếng gỗ nổ tí tách. Tôi bỗng muốn cùng N. ngồi bệt dưới sàn này, dựa vào nhau như trong căn nhà trốn bão biết bao. Tôi muốn N. vòng tay qua người mình, truyền cho tôi chút hơi ấm, quên đi những mệt mỏi này. Thế nhưng, không, tôi chỉ đã cúi xuống trên tóc N. để nói rằng :

– Về phòng ngủ thôi, trời sắp sáng.

Ba ngày còn lại chúng tôi đi sâu xuống phía nam Sahara trước khi trở lên theo hướng đông. Đường về bình lặng hơn, vài lần bắt gặp những ốc đảo cây cối xanh tươi cùng những đầm nước mát. Mỗi khi loáng thoáng một mảng màu xanh xuất hiện từ xa là cả bọn rú lên mừng rỡ. Dù chỉ là bụi xương rồng chìa loi khơi như có người vừa cắm xuống, cho đến những hàng cây cọ cao ngều, đầu khoe lá tròn xoe làm tôi cứ mơ tới những quả dừa xanh lủng lẳng trên đó, như ở quê mình. Nhất là tưởng tượng đến dòng nước ngọt lịm chảy qua cổ họng, giữa cái nóng sa mạc thiêu đốt này. Tôi vẫn xót xa nghĩ đến những vết đau trên lưng N., nhưng luôn luôn tránh ánh mắt anh.

Buổi sáng cuối cùng, lúc đang chất hành lý lên xe ra phi trường, ngoài cửa khách sạn thì mấy đứa trẻ ùa đến, mời mua những đoá hoa hồng bằng cát kết tủa. Bọn bạn kêu đừng mua bán với bọn nhỏ này, chúng dai dẳng lắm đó. Nhưng một bé gái năm sáu tuổi đang giương cặp mắt tròn như viên bi nhìn tôi, hàng mi dài cong vút, mấy lọn tóc xoắn phủ xuống trán trông thật ngây thơ, khiến tôi dừng lại. Không như những đứa kia có cả một rổ, cô bé xòe tay ra, gọn lỏn một bông hồng cát, cánh xếp tròn thật nhỏ. Tôi đang loay hoay tìm trong túi những đồng tiền dinar cuối, N. đứng sau lưng đã cầm lấy đoá hoa và đưa tiền trả. Thấy tờ bạc quá lớn, con bé lắc đầu ra ý không có tiền thối, N. bảo cho hết. Nó cười nhe hàm răng chẳng còn mấy cái, chạy vù đi, sung sướng phất cao tờ giấy bạc. N. đưa đoá hồng cho tôi :

– Để M. đừng quên những hạt cát.

Suốt hai giờ bay, không hiểu sao tôi chẳng hề nghĩ cất nó vào hành lý, cứ cầm trong tay, tại nó bé nhỏ, dễ vỡ quá chăng ?

P. tới đón tôi với gương mặt sáng nụ cười. Gia đình, bồ, bạn những người khác cũng đến đây trên sân ga. Cả bọn vào quán, uống nước chia tay. Tôi vừa ngồi xuống đặt đoá hoa trên mặt bàn, P. kéo ghế bên cạnh quơ tay, đoá hoa rơi xuống, vỡ tan bên chân tôi. Con bạn gần đấy suýt xoa. N. ngồi cách không xa, cũng quay lại nhìn tôi đang nhặt lên vài cánh hoa vỡ vụn, cát nâu lấm tẩm trên tay. Tôi mấp máy định nói một lời xin lỗi, nhưng N. đã quay đi.

Từ đó, tôi không gặp lại anh. Ngày phát bằng mãn khoá anh cũng không về. Chẳng ai hiểu vì sao.

Thời gian trôi qua, tôi không cần viết đơn xin việc, việc tự nhiên đến. Như đời sống tôi, mọi điều tự nhiên đến, rồi tự nhiên đi. Phần đông tôi làm những gì tôi thích, nhưng không phải điều gì tôi muốn, tôi đều làm được. Tôi có giỏi bán khoán, suy tính, xếp đặt đến mấy, thì cuối cùng, cũng có một bàn tay vô hình cầm tôi lên như một quân cờ, rồi đặt xuống ở một vị trí nào đó – mà tôi, tuy bất mãn nhưng cảm thấy rồi rã, trống không, nên bỏ rơi, thờ ơ, để mặc mọi điều tuần tự diễn biến. Không chụp bắt, cũng không hề tháo gỡ.

Và, đã bao nhiêu năm tháng trôi qua, tôi vẫn chưa về quê tôi, vẫn còn ở lại xứ người, để mãi mãi day dứt, dằn vặt, về một điều chưa trọn.

Khi dàn nhạc bắt đầu một điệu slow, đèn chợt tối, biết sức khoẻ không cho phép ở lâu hơn, tôi vội vã đứng lên. Đây là lúc thuận tiện để ra về, tránh phải chào từ giả hay bị níu kéo ở lại. Trời đêm đầu thu đã lạnh, vừa quán sát chiếc khăn len trên vai tôi đi vội ra chỗ đậu xe dưới giàn kim ngân thoang thoang mùi thơm. Có tiếng chân ai bước nhanh trên sỏi. N. đang đến gần, cất giọng lo âu :

– M. chắc lái xe về được chứ ?

Để trấn an N., tôi nói to :

– Đừng sợ, tôi có uống rượu đâu, anh vào đi kéo lạnh.

N. vẫn đứng đó chờ cho đến khi tôi ra khỏi trang trại. Đường làng đêm không đèn, không ánh trăng. Tôi bắt đầu thấy mệt. Thỉnh thoảng một chiếc xe chạy ngược, đèn loé sáng chói chang. Tất cả bỗng nhoè nhoẹt, mắt tôi nhói buốt. Vài lần như thế, tôi hoảng sợ, cơn bệnh cũ đây rồi, những cơ bắp quanh mắt kéo co lệch lạc. Ban ngày, một vài dấu hiệu đã đành, bỗng đêm nay, chúng trở chứng giữa lúc đang lái xe một mình trong tâm tối, không còn phân biệt rõ đâu là lề đường, đâu là làn ranh ở giữa. Nhưng, ngừng lại chỗ đồng không mông quạnh này ư ? Tay nắm chặt vô-lăng, tôi tự nhủ, nếu ngôi sao bản mệnh chưa tới hồi phải tắt, nếu con đường cứ thẳng băng, và chỉ một mình mình trên hướng về thành phố, thì thế nào cũng tới nơi thôi !

Không ngờ, loáng thoáng bằng chỉ đường báo hiệu một ngã ba. Không quen vùng này, rẽ hướng nào đây ? Đèn nhóá sáng trưng vào hai cái bảng hợp thành hình chữ V trước mắt, nhưng tôi không thể nào đọc nổi. Tôi cuống cuống đạp thắng, chiếc xe chồm lên rồi dừng lại, giận dữ hất ngược tôi ra sau.

Con nấc trào lên ngực, ruột quặn đau, tôi buông người gục trên vô lăng. Đèn pha vẫn chiếu.

Không biết bao lâu, chắc chẳng lâu gì lắm, tôi nghe tiếng xe ngừng, chân người chạy đến, mở vội cửa xe. Rồi giọng N., phải, không ai khác, chính là N., hốt hoảng :

– M ! trời ơi, tôi đã linh cảm trước mà, M. có sao không ?

Tôi cố ngẩng đầu ra dấu cho N., anh vòng tay vừa đỡ tôi dậy vừa ríu rít gọi kêu. Sau khi tôi khoát tay cho biết chẳng hề gì, N. lấy lại bình tĩnh, gương nhẹ kéo tôi ngồi sang ghế bên cạnh, tắt đèn pha. Anh đem xe mình đậu vào một lối mòn gần con đường chính, rồi lên xe tôi, lái về thành phố. Thỉnh thoảng anh quay sang xiết cánh tay tôi, lo lắng. Như bao nhiêu năm trước đây, tôi chẳng cảm cự nổi, gục vào một bên vai N. Nước mắt, trước rơi lặng lẽ, sau, tuôn ra từng dòng nấc nghẹn. Anh không nói gì, cứ để tôi khóc. Cuối cùng, thì N. vẫn đi theo, có mặt đúng lúc, kịp thời, như ngày nào trong cơn bão cát.

Tôi từ chối không chịu cho N. đưa thẳng vào bệnh viện, hứa rằng sẽ gọi bác sĩ sáng mai, rồi thiếp đi, mơ hồ nhận biết N. đã đem tôi vào đến tận nhà. Khi tôi choàng tỉnh, đồng hồ trên bàn ngủ đã bốn giờ sáng. Có ánh đèn ngoài phòng khách hắt qua cánh cửa khép hờ. Tôi lần đứng dậy đi ra, N. đang ngồi đọc cuốn sách thiền tôi bỏ dở. Tôi sững sốt, sao N. kiên nhẫn, từ tẻ đến vậy. Còn tôi, tôi là thứ người gì ? Hình như tôi chỉ đem lại những điều tai bay vạ gió. Như thể trách mình chẳng đủ, tôi đâm bản gât :

– Đêm khuya rồi sao anh không về đi. Tôi đã khoẻ. Anh đợi làm gì !

Không chấp nhất, N. dịu dàng nhìn tôi :

– Cũng phải đợi sáng ra mới gọi được người tới đưa tôi về chỗ đậu xe. Nhà chẳng có ai, tôi không thể để M. một mình.

Tôi thở dài trong đầu, tôi đã quen một mình từ lâu nay, quen đến nỗi nó thành bạn keo sơn, nó trấn giữ, canh gác đời tôi. N. đã đoán ra, P. không còn ở đây. Chắc thế. Bối rối, không biết sao hơn, tôi lúi lúi vào phòng lấy đưa N. cái gối, tấm chăn.

Sáng ra, khi bừng mắt, N. đã đi rồi, chùm chìa khoá xe tôi nằm chặn trên tấm danh thiếp : M. đừng xem thường sức khoẻ. Cầm nó trên tay, tôi ngồi phịch xuống thảm. Đây, tên N., nghề nghiệp, và địa chỉ cùng số điện thoại. Con đau dịu bớt, con mắt nhìn rõ hơn, đầu óc tỉnh táo, tôi nhớ lại từng sự việc, lúc này N. đã trở về nơi dạ tiệc đêm qua. Chắc anh đã gọi cho họ biết, bạn bè, và nhất là cô vợ của anh...Tôi lại nhớ cái nhủu mày của cô ấy trước tấm ảnh lơ mờ năm xưa.

Liên tục mấy ngày sau, bệnh tôi không giảm. Nhưng tôi chẳng cảm thấy đau, mà hồn chơi vơi nghiêng ngửa. Bao nhiêu hình ảnh quá khứ bùng dậy, phủ chụp tâm hồn. Những hạt cát bay tung mù mịt trong giấc mơ. Ngàn cành xương rồng bông đầu mọc lên, mọc lên mãi trong bóng đêm, khi tôi vừa tắt ngọn đèn. Lưng tôi rất nóng, vai tôi tím bầm. Màu đỏ, màu tím lẫn lộn với cát vàng cam cùng màu xanh của biển cuộn tròn, xoay tít, cuốn lốc quanh quỹ đạo một mặt trời sáng loé. Mắt tôi chói loà, nhức nhối vô tận. Tôi hét lên, bàng hoàng bừng tỉnh cơn mơ.

Trở dậy tìm tấm thiếp của N., nhưng tôi không gọi cho anh. Từ bao năm xưa tôi biết N. chẳng đùa khi bảo tôi là một phần tư tưởng của anh. Chao ơi, nào có gì đâu so với những

điều N. đã cho tôi. Nhưng kỳ lạ thật, tại sao N. vẫn thường nghĩ đến tôi mỗi khi gặp khó khăn, nan giải. Còn tôi, tôi nào ngây thơ quá lắm để chẳng nhìn ra từ trong ánh mắt xám tro của N. những điều anh không cần phải nói thành lời. Nhưng tôi đã chẳng mở lòng hồn nhiên. Con người vốn sâu xa nhút nhát, e dè cuộc đời, hay con người luôn luôn đắn đo, nề nếp, con người tỉnh táo, phân tích rành rọt, lý luận đến chi li mọi thứ, đã đưa tôi đến khô cằn cạn kiệt ? Mọi ngọn lửa đã tắt ngấm mất rồi ! Có phải thế không N.? Nhưng có là như vậy, làm sao chối cãi được rằng, trong những cơn đau đời như lúc này đây, tôi đều thêm muốn được nhỏ bé lại, thu mình như chiếc gối trong tay anh.

Gần hai tuần sau, N. gọi tìm tôi ở sở, bảo sắp có dịp trở lại vùng sa mạc cũ. Tôi vội vàng than thở đang nhiều công việc. Bên kia đầu dây, N. thở dài cho biết anh muốn đi một mình, nhưng cô vợ đòi theo. Tôi cố tình thúc đẩy :

– Anh không nên ích kỷ, cảnh nơi đó đẹp bao nhiêu, phải đưa vợ đi, cho cô ấy biết.

Chẳng ngờ chỉ vài ngày sau, một người bạn báo tin N. gặp tai nạn. Chiếc 4x4 chở vợ chồng N. và hai người đồng hành băng trên sa mạc bị một xe hàng xuyên bắc nam chở quá tải đụng tan nát. N. đã thấy trước, nhanh trí đẩy vợ tung vào triền cát, cô thoát hiểm, hai người kia bị thương nặng, còn xác N. đã đem về quán nơi anh ở. Không suy nghĩ nửa giây, tôi chạy ra ga, leo lên chuyến tàu tốc hành sớm nhất. Nhưng cũng đã muộn. Người gác nhà xác chỉ về cuối con đường dốc. Hai hàng cây nghiêng trong nắng chiều, đoàn người đưa tang đang sửa soạn lên xe đến nhà thờ, nghiêm trang áo đen áo trắng. Loáng thoáng vài người bạn quen, và tôi nhận ra vợ N. với mái tóc vàng óng búi cao, cần cổ trắng ngần nổi bật trên chiếc áo đen, vẫn đẹp và kênh kiệu, nhưng sao lạnh lùng quá đỗi.

Ông già gác cổng thấy tôi còn đứng đó, nhắc to :

– Này cô nhỏ, nhanh lên, họ sắp đi rồi !

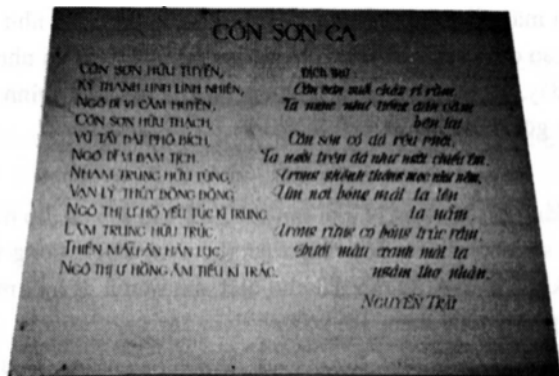
Cô nhỏ ? Tôi cúi xuống nhìn tôi. Vợ ra đi, tôi quên thay quần áo. Trên người, một cái quần jean, một chiếc áo len rộng. Này N., có phải tôi vẫn là cô sinh viên năm xưa ? Này N., tôi muốn nhìn thấy anh, muốn vuốt tóc anh, cầm tay anh, muốn soi thấy tận tường dáng điệu đơn độc của mình trong lòng mắt anh đã bạc lâu rồi vì nước biển. Tôi muốn được một lần trả lại cho anh sức nóng đốt cháy của tình cảm, chứ không phải, như anh nghĩ, tự bao giờ, trong tôi, chỉ thuần là trí tuệ, một thứ trí tuệ giá băng, lạnh lẽo. Đã lỡ làng rồi. Trí tuệ là chỉ biết nhận lấy. Tình cảm là thanh thần cho đi. Từ lâu tôi loay quanh co rút trong ngôi nhà nguyện với bao lần cửa khép, tôi không biết cho đi. Còn điều nhận lại ? Bây giờ, hẳn anh hiểu hơn ai, chính nó đã tước đoạt của tôi, từ trong trứng nước, tất cả ước mơ và hạnh phúc.

Đoàn xe tang bắt đầu chuyển bánh. Những giọt nước mắt tràn ứ trào lên từ ngực tôi, đau đớn. Mọi thứ nhòa đi. Chỉ toàn là những khối trắng khối đen lẫn lộn, rồi xa, lẫn đi, lẫn mãi... trên con đường trước mặt.

Mai Ninh

Về Côn Sơn

ký của Trần Mai Lan



Côn Sơn ca, thơ Nguyễn Trãi

Về Côn Sơn, tức là về nguồn.

Trầm mình trên mảnh đất nằm trọn trong một cảnh trí nên tranh, gói gọn trong một danh thắng tuyệt trần. Và, hơn nữa, trầm mình trên một vùng núi đồi gắn bó với thời Trần, với sự nghiệp, thân thế hàng bao nhơn vật lịch sử, tôn giáo, triết học, thơ văn, nghệ thuật, kể từ bảy thế kỉ nay, đã không ngừng hun đúc nên sắc thái, khí tiết và tim huyết con người Đại Việt. Nghĩa là của dân tộc Việt Nam, của chính chúng ta thời nay.

Vậy nên, vào cuối tháng Năm này, giữa ngày hè mờ bụi, nực nồng, nhầy nhụa, giữa cái xã hội nhốn nháo, lộn sòng, ô trọc, tôi đâu bỏ lỡ dịp đi tắm mát trong cảnh đồi núi cây lá um tùm trên miền đất còn lưu đậm dấu tích nhiều tâm hồn khẳng khái, khí phách kiên cường và sắt đá.

Cho khoẻ khoắn hình hài, cho tinh thần thanh thản.

Đường tới Côn Sơn

Có ba lộ trình dẫn tới Côn Sơn từ Hà Nội : một bằng đường thuỷ, hai bằng đường bộ. Trước ngày khởi hành mấy hôm, tôi và Dũng vốn họ Đào-duy đã cùng nhau vạch ra ba lối đường đáng được ứng dụng.

Đường thuỷ thì cứ ngồi trong lòng thuyền thả trôi trên dòng sông Đuống rồi sông Thương độ vài trăm dặm, ghé qua bến Kiếp Bạc thuộc khu di tích Hưng Đạo Đại vương, rồi từ đây xuống ghe cuốc bộ thêm năm cây số nữa. Lối đường thuỷ này xem chừng ngoạn mục thích thú và trôi chảy dễ dàng, hiềm nỗi lại vướng mắc nhiều điều phiền phức khó bề khắc phục, như kì hạn mượn người lèo lái, thời gian xuôi ngược, đó là chưa kể phần trời chi phí.

Cuối cùng đành phải theo đường bộ. Đường bộ thì có hai lối : lối chạy trên xa lộ, cũng kêu là đường cao tốc, mới mở vài năm trước đây, và lối nối theo gót cũ.

Muốn đi mau lẹ, tương đối mà nói, thì cứ mượn xa lộ làm lối. Độ chừng bảy mươi cây số chạy trên xa lộ Hà Nội – Hải Phòng, vừa trờ quá Hải Dương thì quẹo trái xuôi theo xa lộ Hải

Dương – Sao đỏ ba bốn mươi cây số, rồi từ thị xã này gấp gành thêm mười cây số nữa trên con đường chưa tráng nhựa.

Nhờ nhơ hơn, cũng tương đối thôi, thì noi theo lối mòn gót cũ. Khởi hành trên quốc lộ 1A chạy tới Bắc Ninh quê hương Quan Họ đẹp người hat hay, cách Hà Nội đúng hai mươi chín cây số, rồi quốc lộ này rẽ sang tỉnh lộ 18 cho tới Phả Lại đúng mười bảy cây số sau đó, rồi qua phà ngang sông Thương, tiếp tục thêm đúng mười bốn cây số thì đến xã Chi Ngải huyện Chí Linh, xã này chỉ còn xa Côn Sơn đúng năm cây số.

Đo lường lộ trình trên bản đồ và cân nhắc nhiều mặt khả năng của hai chú cháu, Dũng và tôi quyết định đánh một vòng Hà Nội – Côn Sơn – Hà Nội bằng xe máy. Dũng cầm lái, tôi đèo sau, khứ trên xa lộ, hồi theo lối cũ.

Núi Côn, núi Hun, núi Kì Lân

Sau hơn hai giờ đồng hồ lăn bánh trên xa lộ và con đường đất, trước mặt chúng tôi lần đầu hiện rõ, mỗi lúc càng xanh cây lá, một ngọn đồi vừa tầm sức, không vot cao cũng không rộng lớn. Vừa đủ tầm mắt, vừa đủ sức người.

Mới hay các danh nhơn thời xưa đã kén chọn chốn này, kẻ để trụ trì như thiền sư Huyền Quang, kẻ để trí sĩ như Đại Tư đồ Trần Nguyên Đán, kẻ để ôm ấp nỗi lòng như hào kiệt Nguyễn Trãi, – các danh nhơn đó quả tình chẳng hề thuộc nòi không tưởng, chẳng hề cùng loại lắm điều cao xa mộng ảo, vượt quá mức tìm oc và trí lực của mình.

Cảnh và người vốn dĩ hội nhập và hài hoà với nhau là vậy, đâu có chút gì so le bất nhứt, đâu có khe hở nào chia uyên rẽ thủy. Huyền Quang, Trần Nguyên Đán, Nguyễn Trãi thấy đều hùng vĩ và *lớn lao* (1) ở chỗ đó, khiến cho Côn Sơn nhờ vậy mà *lớn lao* và hùng vĩ hơn nhiều.

Khéo nhìn từ xa, hòn núi Côn hình thù quả giống loại kì lân, một trong bốn con vật thiêng ngày xưa gọi là tứ linh : *long, li, qui, phượng* (rồng, lân, rùa, phượng). Vì vậy, Côn Sơn cũng mang danh là núi Kì Lân, nói lên tánh chất linh thiêng của mảnh đất này. Núi lại mang thêm một tên khác nữa là núi Hun, thật tình dân dã, kể từ thời nào thời nao toàn khu còn u uất hoang vu, người dân lên rừng đốn cây chặt củi làm than, khói hun toả bốc mù mịt khắp cùng.

Cùng bạn đọc

Tôn trọng ý kiến của tác giả về chính tả và ủng hộ sự thử nghiệm này, ban biên tập đã nhiều lần đăng bài của T.M.L. theo cách viết chính tả của bản thảo, trong đó có việc không để dấu sắc trên những chữ chỉ có hai cách bỏ dấu (sắc hay nặng). Thí dụ : chữ hát viết không dấu sắc (*hat*), phân biệt với *hạt* (để dấu nặng) ; hay *mịch* lòng / tịch *mịch* ; chim *chich* choè / nặng *chich*... Đó là logic của đề nghị. Tuy nhiên, ngôn ngữ còn có những đòi hỏi khác : 1) sự thừa thông tin là điều khó tránh, và cũng không cần tránh vì nhờ đó, người nghe / đọc dễ thu nhận ; 2) chính tả cần thể hiện ngữ điệu một cách nhất quán ; 3) tôn trọng tập quán chung trước khi có thay đổi được chấp nhận.

Cuối cùng thì tất cả tùy thuộc cảm nhận của người đọc. Sau khi nhận được phản ứng từ độc giả, chúng tôi xin thưa rằng : sự thử nghiệm này đến đây là đủ.

Lưu vật và dấu tích

Vô thâm di tích và thắng cảnh Côn Sơn là đặt chun lên một mảnh đất có bố cục, đường nét phân định rõ ràng, do thiên nhiên và chính tay người tạo lập.

Cần nhớ rằng danh lam được khởi dựng trên thắng cảnh này vào cuối thế kỉ mười ba, khuếch trương mở rộng thêm đầu thế kỉ sau ngay năm 1304, rồi từ đó tới ngày nay, trùng tu và bảo tồn liên tục qua bao nhiêu biến sự thăng trầm, nắng mưa, khói lửa, chiến chinh, bão táp, nghĩa là xuyên suốt một thời gian tròn bảy thế kỉ dài.

Cho nên hiện thời, ngoài những dấu mòn đoán chừng trên mặt đất, những hình tượng tưởng chừng phẳng phất đầu đây, ngoài vài tấm bia và ngoài mấy ngọn đá chạm sen, một số ngôi mũi hài và mớ gạch sut mẻ nung thời Trần, vồn vện chỉ còn đứng vững những công trình tôn tạo và khôi phục giữa thế kỉ Mười bảy và thế kỉ Hai mươi.



Tam quan chùa Côn (chùa Hun)

Côn Sơn dấu sao vẫn còn hằn sâu trên đất cát và trong tâm thức mọi người Việt Nam bao nhiêu là dấu mộc tinh thần không bao giờ phai lạt.

Chùa Côn – Thiên sư Huyền Quang

Vừa băng qua ngưỡng cổng là đà bước lên lối đi lát gạch dẫn tới tam quan chùa Côn. Trông rộng chung quanh có nhiều hàng thông trăm tuổi xen lẫn trong đám tán vải thiều nặng trĩu, sắp đến mùa vải thiều chín rộ đây rồi. Tàn lá rợp bóng cho khách được mát mẻ tâm linh và cõi lòng thư thái trước khi đặt gót vô chùa.

Tam quan mới được tôn tạo cách đây bốn năm, hai tầng tám mái với nhiều hoạ tiết mây tản lá hoa, dấu hiệu kiến trúc thời Tiền Lê (1428-1527). Xin đỡ nón bái chào ngay đây Ban quản lí. Chùa lộ diện sau tam quan vài bước.

Chùa Côn tên tục là chùa Hun, tên chữ là *Thiên Tư Phúc Tự*, chùa được phước lành. Chùa kiến trúc kiểu hình I, nhái chữ Công viết theo ngữ Hán, gồm Tiền đường, Thiên lương và Phượng điện, thờ Phật đà. Tiếp sau là Nhà tổ thờ mấy vị có công tu nghiệp đối với Phật giáo, đặc biệt ba vị tổ Thiên phái Trúc Lâm, xưa kêu là *Trúc Lâm tam tổ*: vua Trần Nhơ tông, sư Pháp Loa và sư Huyền Quang.



Giếng Ngọc

Trình bày cơ sự và cơ sự như trên không phải là để nhấn mạnh phần mất mát dãi dầy của di tích. Mà, ngược lại, chính là để nêu lên khía cạnh xúc cảm sanh tình nổi bật của thắng cảnh.

Vị tổ thứ ba của Thiên phái Trúc Lâm đã về đây trụ trì cho tới ngày viên tịch. Chính sư Huyền Quang (1254-

1334) đã lập nên đài Cửu phẩm liên hoa, thuyết pháp giảng đạo và biên soạn kinh sách. Chính sư Huyền Quang đã nối nghiệp các vua Trần thuở trước, như là Trần Nhơ tông đã dứt bỏ vị thế quân vương mà lên núi Yên Tử tu hành (2). Chính sư Huyền Quang, cùng với các vua Trần sùng đạo, đã đem cái màu sắc dân tộc sáp nhập vào giáo pháp một cách hài hoà, biến thái cần thiết cho mọi tâm thức ngoại tịch khỏi bị sa thải và bành trướng. Chớ đâu như thứ hệ thống ý thức nào kia đã mặc sức hoành hành bắt ép trong nước đã hơn ba phần tư thế kỉ nay rồi mà nhơn tình vẫn cứ còn xa lạ trong cảm nghĩ và trong sanh hoạt.

Trèo lên dốc sau chùa mấy mươi thước, bên trái lối đi có tháp Đăng Minh Bảo là tháp mộ Huyền Quang dựng đầu thế kỉ Mười tám thay cho tháp Huyền Quang Tôn giả đổ nát trước đó. Leo cao hơn chút nữa, bên mặt có giếng Ngọc mới được khôi phục vào năm 1995, nước vẫn ngọt và trong mát như xưa, dùng để cúng lễ trong chùa. Tục truyền giếng này do chính sư Huyền Quang và các tăng ni tìm thấy ngày đầu mới về đây trụ trì.

Động Thanh hư – Đại Tư đồ Trần Nguyên

Đán

Ngược gót trở lại sân chùa, trước Tiền đường có dựng mấy nhà bia và còn xanh lá mấy góc đại thụ đã hoá thành loại kiểng thân to uốn nắn ngoạn mục, làm tăng thêm vẻ đẹp cho bầu khí vốn dĩ trang nghiêm của chốn Thiền. Riêng một tấm bia và các cây đại thụ đặc biệt được coi như những lưu vật ghi nhắc tới tên tuổi và thân thế của một vị tôn thất nhà Trần.

Vị tôn thất này là Đại Tư đồ Trần Nguyên Đán. Tấm bia có khắc ba chữ Thanh Hư động do chính tay Trần Duệ tông thảo net để tặng Trần Nguyên Đán đã về đây trí sĩ (3). Còn các góc đại thụ tuổi đã sáu trăm trông tản mạc trong sân, thì tương truyền do chính tay ông vun bón vào thuở cây mới nảy cành.

Trần Nguyên Đán (1325-1390) vốn là ông ngoại của Nguyễn Trãi, cha vợ Nguyễn Ứng Long, tên cúng cơm của Nguyễn Phi Khanh. Nghe tiếng Nguyễn Ứng Long hay chữ, ông bèn đón về dạy con gái Trần Phi Thái. Tình sâu nghĩa nặng sanh sôi bến lửa giữa thầy trò lẫn hồi dẫn tới hôn nhơn sau đó.

Từ thời Trần Duệ tông qua thời Trần Nghệ tông đến thời Trần Duệ tông, cả ba lần lượt trị vì từ năm 1341 đến năm 1388, Trần Nguyên Đán luân phiên giữ chức Đại Tư đồ, tức là đứng ngôi Tể tướng, thay mặt vua trông coi việc nước dai dẳng gần suốt ba triều đại. Để

rời vào cuối đời Trần, nhận thấy mọi quyền bính đều nằm trọn trong tay cậu ruột hai ông vua vừa kể sau cùng là Lê Quý Li (4), chỉ trọng dụng loại bề tôi xu nịnh, bợ đỡ, khiến



Suối Côn

cho chánh sự suy đồi, quyền thần hống hach không còn cơ cấu văn, ông bèn rũ áo từ quan về trí sĩ ở Côn Sơn.

Về đây, Trần Nguyên Đán “xem xét đất đai, đo đạc hình thể” (3), cho dựng động Thanh Hư – thanh, trong trẻo; hư,

lộng lẫy – làm nơi an bần lạc đạo, ngôi nghỉ tâm thân giữa chốn thanh cao, trong lành và thoát tục, hài hoà với cảnh trí thiên nhiên và ước vọng của mình.

Và Nguyễn Trãi cũng thiết tha không ít với cảnh trí này từ thuở sơ sanh cho tới lúc là đời.



Nền nhà Nguyễn Trãi

Nguyễn Trãi với Côn Sơn

Qua dãy nhà bia và mấy cây đại thụ, rồi ra khỏi chùa khỏi sự trèo dốc lên đồi viếng thăm thap mộ Huyền Quang và giếng Ngọc xong, chú cháu chúng tôi mới thật thụ đắc got trên những dấu mòn gấn bó mặt thiết với Nguyễn Trãi.

Mà quả đúng như vậy. Nguyễn Trãi đã chẳng gọi chốn này là *gia sơn* hay *cổ sơn* đó sao ? Có nỗi niềm nào thấm đượm nhớ nhung và thương hoài tiềm tàng trong mấy chữ *núi nhà* và *núi xưa* toát ra từ sâu thẳm đáy lòng người lữ thứ.

Chú cháu chúng tôi lần theo dốc núi, song song ngược chiều với suối Côn quanh co uốn lượn, rì rào tựa tiếng *đờn cầm*. Mỗi lúc một trèo cao cho tới giữ chừng đồi thì chợt bước lên một tảng đá lớn rộng, bằng phẳng. Đó là *Thạch bàn* Nguyễn Trãi đã mượn làm *chiếu thảm*, ngồi ngắm cảnh, nghỉ ngơi, trầm mặc, suy tư, soạn thảo thơ văn. Chính Nguyễn Trãi đã hoạ cảnh này một cách tuyệt vời, trong bài *Côn Sơn* ca :

Côn Sơn có suối, nước chảy rì rào, ta mượn làm đờn cầm,



Tượng thờ Nguyễn Trãi

Côn Sơn có đá, mướt ẩm rêu xanh, ta mượn làm chiếu thảm (5)

Rồi ngay phía trên *Thạch bàn* vài mươi bậc là nền nhà của Nguyễn Trãi. Dưới rặng thông che, những hòn đá phiến sắp sếp thẳng hàng thành nền vẫn còn đó, tro gan cùng tuế nguyệt đã hơn năm thế kỉ nay rồi. Chú cháu chúng tôi đưa mắt thoảng nhìn, thốt nhiên lấy làm cảm xúc trong lòng, cực cùng rung động. Nào có phải cảnh tượng nguy nga tráng lệ đâu, chỉ là nền cũ thô

sơ của ngôi nhà đã mất :

Nhà quan sao mà lạnh tanh,

Chẳng chut sang trọng, ngoại trừ kinh sách. (6)

như lời Nguyễn Mạnh Tuân người bạn tri âm đã nhiều lần về đây san sẻ thú hàn vi với Nguyễn Trãi.

Vậy mà dấu đã trải qua hơn năm trăm năm dài từ bấy đến nay, ngay giây phút đứng bên nền nhà cũ, tôi vẫn nghe dấy lên từ những hòn đá tường chừng vô tri nọ trọn cả tâm tình và khí sắc của trang hào kiệt đứng vào bậc nhứt ở thế kỉ Mười lăm.

Chú cháu chúng tôi lựa chỗ dừng chum bên mé, ngôi nghỉ hồi lâu, ngắm nghía cảnh vật. Mà cũng là để lắng nghe thêm nữa dư âm vẫn còn vang vọng từ tâm huyết xa xưa, cho phép

thần trí mình dõi theo cốt lõi cuộc đời sôi bỏng của con người đã đời phen trú ngụ ngôi này.

Nguyễn Trãi, hào kiệt thế kỉ

Nguyễn Trãi (1380-1442) ra đời dưới mái gia đình ông ngoại Đại Tư đồ Trần Nguyên Đán. Mẹ, Trần Phi Thai ; cha, Nguyễn Ứng Long tức Nguyễn Phi Khanh. Ngay từ thuở sơ sanh, Nguyễn Trãi đã hít hơi thở trong lành, về cả hai mặt thiên nhiên và tinh thần, ở động Thanh Hư đắm mình giữa núi đồi lộng lẫy. Góc gác này cũng phần nào hun đúc tánh khí và tâm huyết của ông, thứ tánh khí và tâm huyết bất phục tùng và không hề lay chuyển trải qua bao nhiêu biến động tới tấp, chánh trị, xã hội, cá nhân. Trong thời gian chỉ có sáu mươi hai năm tròn.

Cứ nghĩ tới chỗ ông lớn lên vào khoảng cuối triều Trần, phò nhà Hồ cùng lượt với cha, rồi thờ nhà Lê sau những năm trường gian khổ nằm gai nếm mật suốt thời khởi nghĩa đánh đuổi quân Tàu phát động ở Lam sơn (1418-1427). Ba triều đại, một đời người sôi bỏng.

Trước đó vào năm 1406, ông đã phải xé lòng vĩnh biệt cha ở cửa Nam quan, khi Nguyễn Phi Khanh bị quân Minh bắt giải sang Tàu cùng với cha con Hồ Quý Li (4) và một số triều thần. Ông quyết chí quay về Đông quan, là Thăng Long sau này, mài mực thảo Bình Ngô sách, hiến dâng Lê Lợi mưu kế đánh đuổi ngoại xâm cho tới ngày giặc phải đầu hàng, nước nhà tự chủ.

Lê Lợi lên ngôi trị vì vào năm 1428, dưới vương hiệu Lê Thái tổ, lập nên triều Lê. Nguyễn Trãi tiếp tục dốc lòng xây nghiệp lớn theo sở nguyện đã thể nghiệm suốt thời khởi nghĩa. Ông chủ trương sạch lược tâm công quyết chí thuyết phục hơn là dùng bạo lực, lấy nhơn nghĩa làm đường chỉ đạo :

Việc nhơn nghĩa cốt để yên dân,

nghĩa là phải dựa vào dân mới đánh được giặc, phải dựa vào dân mới dựng được nước ; lại nữa

Lo trước điều thiên hạ lo, vui sau cái vui của thiên hạ,

nghĩa là phải dựng nước trên nền tảng một chế độ vua sáng tôi lành, phép nước phân minh, thì người dân mới được an cư lạc nghiệp, mới được yên vui đầm ấm.

Tiết thay trong triều đình nhà Lê mới dựng bấy giờ, rất nhiều kẻ chực trọng quyền cao không thể chấp nhận một chánh sách khả dĩ khiến cho thanh thế, chức vụ, tài sản của họ có cơ giảm sút đôi phần. Cho nên từ chỗ đã lãnh đạo kháng chiến cứu nước thời khởi nghĩa được toàn dân hỗ trợ, họ nghiễm nhiên hoá thành bè lũ thống trị, ức hiếp và bóc lột nhân dân vào thời bình. Tôi chợt nghĩ tới xã hội hiện hành trên đất nước : ai dám bảo lịch sử không bao giờ tái diễn ?

Hiện tượng tham ô hưởng lạc lan tràn từ thành thị tới thôn quê. Bọn nịnh thần và tay chum đồng nghệt trong triều, trể biếng việc công, chuyên quyền quấy rối, lũng đoạn chánh trường. Chúng nó chỉ lo đục khoét dân đen, của công vợ vet sao cho đầy túi, mặc cả những tiếng rên la trầm thống, khóc than ta thán. Ai dám bảo lịch sử không bao giờ tái diễn ?

Trong hoàn cảnh đó, không xu thời, không bè cánh, không nịnh bợ, lại còn theo thói cương cường giống lên tiếng nói ngay thật thẳng thắn, khi thì luận bàn tranh cãi, khi thì bài bác

cản ngăn, Nguyễn Trãi là cái gai nhọc nhối con mắt bọn này. Thì làm sao tránh khỏi trò đời xuc xỉn, dèm pha, nghi kị, dập vùi, trù ẻo, vu oan ? Làm sao tránh khỏi búa rìu gay gắt của những Lê Sát, Lê Ngân, Đinh Thắng, rồi của Lê Khả, Lê Xí, Lê Thụ và nhiều nữa, nôm nốp gồm sẵn, chờ cơ thẳng tay búa xuống lên đầu ? Ai dám bảo lịch sử không bao giờ tái diễn ?

Cho nên Nguyễn Trãi đã một thời bị bọn chúng ap giải cho đi ném mùn ngục thất, để rồi ít lâu sau đó lãnh cái án tru di tam tộc kết liễu đời mình.

Nguyễn Thị Lộ – Vụ án Lệ chi viên

Thời cơ bất ngờ vụt đến cho bọn gian thần và phi tần Nguyễn Thị Anh. Đó là biến cố Lệ chi viên, biến cố Vườn vải.

Ngày 01-09-1442, tức 27 tháng 07 Nhâm Tuất, Lê Thái tông ngự giá rời kinh lên miền đông duyệt võ ở huyện Chí Linh, rồi ghé Côn Sơn văn cảnh và thăm chào Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ (– *Ai ở đâu mà bán chiếu gon, Hỏi thăm chiếu ấy hết hay còn ?... – Tôi ở Tây hồ bán chiếu gon, Có sao ông hỏi hết hay còn ?...*). Sau đó, vua ngược đường hồi cung, sẵn tay vờ luôn Nguyễn Thị Lộ theo hầu. Về tới Gia định, nay thuộc Gia bình, tỉnh Bắc Ninh, nghỉ đêm tại vườn Lệ chi, bấy giờ là li cung của các triều Lí, Trần, Lê. Nửa đêm 07-09-1442, tức 04 tháng 08 Nhâm Tuất, vua đột ngột thăng hà. Quân thần hộ giá hoảng hồn, hot hải bí mật đưa long thể về tới kinh mới loan báo cho triều đình hay tin dữ.

Trước cái chết bất ngờ của Lê Thái tông chưa tròn tuổi đôi mươi, tất thảy trong tay một Nguyễn Thị Lộ đương độ chín muồi thân xác, tài sắc khuynh thành, bọn gian thần và bà phi vốn sẵn có hiểm riêng với cặp Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ vợ ngay cơ hội ngàn năm một thuở, câu kết với nhau ám hại



Nhà bia trên Bàn cờ Tiên

kẻ thù. Họ vu Nguyễn Trãi đã nhờ tay Nguyễn Thị Lộ, chủ mưu đầu độc nhà vua để cướp ngôi, rồi đổ xô hùa nhau buộc tội. Ai dám bảo lịch sử không bao giờ tái diễn ?

Vậy là vụ án Lệ chi viên, vụ án Vườn vải khơi mào.

Triều đình nhà Lê lấy cớ đó thẳng tay trừng trị, phạt tội giết hết ba họ. Toàn thể gia quyến thầy đều can hệ, trai thì xử trảm, gái thì xung làm tì bộc trong cung. Ngày 19-09-1442, tức 16 tháng 08 Nhâm Tuất, Nguyễn Trãi cùng với Nguyễn Thị Lộ và thân tộc phái nam rụng đầu dưới lưỡi đao oan nghiệt.

Rồi phải đợi tới khi Lê Tự Thành, vốn đã được Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ đỡ đỡ thời còn trứng nước vào lúc bị Nguyễn Thị Anh tìm cách hãm hại, lên ngôi trị vì dưới vương hiệu Lê Thánh tông, vụ án này mới được xet lại. Năm 1464, tức năm Giáp Thân, nghĩa là hai mươi hai năm sau, vua xuống chiếu giải oan cho Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ, phục hồi chức tước. Rồi ba năm sau nữa, lại xuống chiếu thâu thập di cáo thơ văn của Nguyễn Trãi.

Lê Thánh tông quả đã nhận thức được thấu đáo vị trí của Nguyễn Trãi : một tài năng xuất chúng, một trí dũng thần kì, một hào kiệt phi thường, nghĩa là một danh nhân tài cao chí lớn có tầm vóc hoàn cầu. Lê Thánh tông đã nhìn đón trước được giá trị hơn bản siêu việt đó của Nguyễn Trãi qua câu truy niệm xướng họa trong Tao đàn Quỳnh uyển cửu ca :

Lòng Ước trai sáng như sao Khuê (7)

Bàn cờ Tiên và Bạch vân Am

Gọi nhớ những dấu mốc nổi bật trên chuỗi đời đứt đoạn tựa hồ một đĩa hạt bỏng rụng sứt mẻ của Nguyễn Trãi, giữa bóng mát để nghỉ, chỗ vắng để ngồi, mùi thơm để thở, cảnh đẹp để nhìn, đứng như lời Nguyễn Phi Khanh, con rể Trần Nguyên Đán, đã phác họa cảnh nhà cha vợ (3), ôn tập cùng nhau trên sườn núi Côn này những sự biến đó mà vẫn không ngừng nghĩ tới tình trạng bầy chừ của đất nước, tôi và Dũng rồi lại nổi bước leo đồi.

Còn độ ba trăm bậc nữa – từ chum núi lên tới chop đỉnh đếm có hơn sáu trăm bậc – sẽ đến Bàn cờ Tiên sừng sững trên cao. Nơi này thuở trước có dựng một cái miếu nhỏ mây trắng quanh năm bao phủ, gọi là Bạch vân Am.

Tương truyền ngày xưa ngày xưa có mấy danh nhân Kinh Bắc rủ nhau vô núi Côn viếng Phật, rồi leo đồi văn cảnh. Khi sắp tới am trên đỉnh thì nghe rôm rả đầu dây có tiếng ai cười nói. Cùng xích lên gần thì âm thanh nọ lặng dần, rồi im bật. Đến nơi chỉ còn thấy mỗi một cỗ bàn cờ đánh dở cùng với mấy li rượu uống cạn nửa chùng, và vắng hoe bóng người. Thì ra đêm qua, các tiên ông đã hạ giới xuống đây đánh cờ uống rượu với nhau, chợt thấy có kẻ trần tục tới lui, bèn vội bay thẳng về trời, bỏ bê trò chơi dương thế.

Đường lên Bàn cờ Tiên từ nền nhà cũ khi thì cao dốc khi thì bằng phẳng. Các lối đi trên bình địa này không gồ ghề cũng không lồi lõm, thường vừa dài vừa thẳng tựa những cây côn, gây dùng dợt võ, đánh kiếm múa côn. Nguồn gốc tên gọi núi Côn như vậy cũng thật tình dân dã chẳng khác nào tên gọi núi Hun.

Vùng đất có một không hai

Từ trên chớp đôi, quanh nhà bia Bàn cờ Tiên, chú cháu chúng tôi mới thật sự có được cái nhìn tổng quát và toàn bộ thắng cảnh di tích Côn Sơn. Như đã nói vào đề, Côn Sơn là mảnh đất gắn bó với nhiều tên tuổi lẫy lừng khắc sâu trong tâm thức mọi người chúng ta. Mà không chỉ mỗi mình núi Côn mới sáng ngời như vậy.

Bởi quanh Côn Sơn lại là cả một miền đất lịch sử in hằn bao nhiêu dấu tích thời Trần. Tôi và Dũng lần lượt quay mặt nhìn xa, xoay tròn đủ cả bốn hướng chum trời.

Phía đông rõ nét năm ngọn núi Ngũ nhạc, tương truyền có ngọn Tam tiên còn chôn giữ hài cốt Nguyễn Phi Khanh, có ngọn Giap Sơn kề cận là nơi môn đệ Nguyễn Trãi đã lén lút chớ xác thấy về mai táng. Phía tây sông Lục đầu xuôi chảy, núi Rồng tay ngai nhiều ngọn nằm sát mé sông Thương và đền Kiếp Bạc nép mình dưới thung lũng thờ Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn, vị anh hùng đã ba lần đánh gục giặc nguyên, quét sạch bờ cõi phía nam, dấy Phụng Hoàng nghiêng mình để cho sườn núi rộng mở tựa cánh phượng bay và đền thờ Chu

Văn An đã rũ áo từ quan về dạy học sau khi Thất trăm số đòi chém bảy tên nịnh thần đảng Trần Dụ tông không được nhà vua chấp thuận (8). Và nằm sát cạnh đồi Cồn còn có núi Rùa, hình thù hết net một con kim qui phục đầu giải khat, chot cao trên đỉnh là đền thờ lãnh tụ Việt Nam Quốc dân đảng Nguyễn Thái Học đã chính mình vac súng đánh thực dân Phap ở Yên Bái – Bắc Kì vào những năm 1929-1930.

Có chăng vùng đất nào tập trung đông đặc, trên một diện tích không rộng quá tầm nhìn, nhiều di tích đa dạng bằng nơi chốn này ? Có chăng vùng đất nào ghi dấu nhiều sự biến không chỉ có giá trị lịch sử mà còn dính lứu tới triết học, tôn giáo, thơ văn, nghệ thuật và, như là, tới nhơn cách đưc độ, tiết tháo, nhưng trang hào kiệt đã liên tục gop phần vào công trình xây đắp, bảo tồn nền văn hiến của dân tộc chúng ta ?

Câu hỏi, tự nó, đã ngầm chứa rạch ròi lời giải đáp.

Giờ đây đã đến lúc tôi và Dũng sắp ngược gót xuống đồi tai mắt và tâm trí trĩu nặng biết bao ấn tượng, hình bóng xa xưa và âm thanh thâm kín. Đột nhiên, tay chum tôi sực nghe như có sợi dây vô hình nào trói buộc. Thì ra tôi đâu dè, ở tận cùng đáy lòng mình, đã lần hồi sanh sôi nảy nở một khối tình sâu, trùu mến, lưu luyến vô ngần với danh lam thắng tích này.

Vậy là, lần nữa, tôi dừng chum đứng lại, trời, non, nước. Với mảnh tình riêng gói tới miền đất đã đi vào lịch sử, gói tới những bậc anh hào đã, đất lạnh thì chim đậu, lần lượt tùm nhau về đây nấu mình trên rặng núi thiêng (9).

Trần Mai Lan
(29-05-1999)

(1) Tôi tránh dùng chữ *vĩ đại*. Chữ này cũng rất chuẩn, hiem vì đã thường xuyên bị tha hoá cực cùng kể từ hơn nửa thế kỉ nay bởi hạng người quen thói nhắm mắt theo dõi trò sùng bái cá nhơn.

(2) Ngoài Cồn Sơn, Yên Tử, còn có Quỳnh Lâm và Vĩnh Nghiêm là những nơi khởi sanh và phát triển Thiền phái Trúc Lâm. Vì vậy có câu :

Cồn Sơn, Yên Tử, Quỳnh Lâm

Vĩnh Nghiêm chưa đến thiền tâm chưa dành.

(3) Nguyễn Phi Khanh, *Thanh Hư động kí*, viết tháng Chạp năm Giáp Tý (1384) : *Duệ tông hoàng đế thân làm bài bia khắc vào trước cửa động.*

(4) Quí Li vốn dòng dõi họ Hồ, thời nhỏ làm con nuôi Lê Huân nên đổi ra họ Lê. Rồi khi phế bỏ Trần Thiếu đế, đoạt ngôi nhà Trần mới lấy lại họ cũ, lập nên nhà Hồ.

(5) *Cồn Sơn hữu tuyến, Kì thanh linh linh nhiên, Ngô dĩ vì cầm huyền, Cồn Sơn hữu thạch, Vũ tẩy đài vô bích, Ngô dĩ vì đạm tịch.*

(6) *Nhưt điều thủy lãnh trị tam quán,*

Trích bích tam bản phủ lục kinh.

(7) *Uể trài tân thượng quang Khuê táo.* Khuê là một vì sao trong nhị thập bát tú theo thiên văn cổ. Biểu tượng cho sự hưng thịnh của văn học.

(8) Chu Văn An cáo quan về núi Phụng Hoàng dạy học dưới thời Trần Dụ tông vào khoảng 1360 ; Trần Nguyên Đán về Cồn Sơn trí sĩ dưới thời Trần Duệ tông, vào khoảng 1375.

(9) Mấy dãy núi tụ quanh danh thắng, ngoài dãy Ngũ nhạc (hay Ngũ nhạc linh từ ; Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi), thấy đều mang tên bốn con vật thiêng, hay *tứ linh*, long, li, qui, phượng : núi Rồng (Trần Hưng Đạo), núi Kì Lân (hay Cồn Sơn ; Huyền Quang, Trần Nguyên Đán, Nguyễn Trãi), núi Rùa (Nguyễn Thái Học) và núi Phụng Hoàng (Châu Văn An).

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

- | | | |
|----|---|--------------|
| 4 | Tin | |
| 10 | Đông Timor : từ thất bại của Indonesia... | Nguyễn Quang |
| 12 | Mấy giải pháp cấp bách về giáo dục | Hoàng Tuy |

2000, giao thừa thế kỉ

- | | | |
|----|---|------------------|
| 15 | Nhìn lại... | Nguyễn Ngọc Giao |
| 16 | Hành trình dân tộc trong thế kỉ XX : vị trí của Phan Bội Châu | Vĩnh Sính |
| 20 | Mơ ước gì cho năm 2000 ? | Nguyễn Lộc |

Văn hoá Khoa học Nghệ thuật

- | | | |
|----|---------------------------------|----------------|
| 22 | Buôn bán trong không gian Xi-be | Hà-duyng Tuấn |
| 25 | Tổng quan về hội ký Tô Hoài | Đặng Tiến |
| 28 | Hoài niệm Vũ Hoàng Chương | Đặng Tiến |
| 30 | Kiến trúc thời mở cửa | Văn Ngọc |
| 34 | Những gặp gỡ không ngờ | Lê Minh Hà |
| 35 | Berlin, xuân '96 | Đỗ Quang Nghĩa |
| 36 | Chùm thơ | Nguyễn Bắc Sơn |
| 37 | Bão cát | Mai Ninh |
| 44 | Về Cồn Sơn | Trần Mai Lan |

bìa :

(ảnh trích từ cuốn
Passage to Vietnam)

Diễn Đàn forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/ 91 * Commission Paritaire : AS 73 324 * Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 88 54 58 ; quốc tế : 33 1 45 88 54 58

Địa chỉ điện tử (E-Mail):

diendan@wanadoo.fr.

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg

Ba Lan : điện thoại di động 0-602 394063, địa chỉ điện tử
ldloc@frikio6.onet.pl

Thẻ lệ mua báo : xin coi trang 3

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, PDT, ABC,...) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet)